



MHWG

Sổ Tay SỨC KHOẺ

cho người lao động

VIỆT NAM

làm việc tại

HÀN QUỐC

대한민국 내 베트남 이주 노동자를 위한 건강 안내서



MỤC LỤC

Lời nói đầu	01
Lời cảm ơn	03
Chương 1. Hệ thống y tế và hệ thống khám, chữa bệnh tại Hàn Quốc	13
Chương 2. Bảo hiểm y tế và dịch vụ y tế	29
Chương 3. Kiểm tra sức khỏe	48
Chương 4. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	54
Chương 5. Sức khỏe tinh thần	74
Chương 6. Bảo hiểm y tế và dịch vụ y tế	78
Chương 7. Bệnh truyền nhiễm	89
Chương 8. Danh bạ đường dây nóng (cập nhật đến tháng 7/2022)	100



목차

서문	02
감사의 글	04
제1장. 한국의 의료시스템과 의료 전달 체계	13
제2장. 건강보험과 의료서비스	29
제3장. 건강검진	48
제4장. 직업 안전 및 건강	54
제5장. 정신건강	74
제6장. 성 및 생식 건강	78
제7장. 전염병	89
제8장. 주요 연락처	100

LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn Sổ tay được soạn thảo và thiết kế dành cho người lao động Việt Nam di cư đang làm việc tại Hàn Quốc hoặc những người sẽ đến Hàn Quốc làm việc.

Sổ tay cung cấp các thông tin cần thiết về cách tiếp cận dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế và các thông tin liên lạc hữu ích trong các trường hợp khẩn cấp khi sinh sống tại Hàn Quốc. Ngoài ra sổ tay còn cung cấp các thông tin liên quan đến chăm sóc sức khỏe như cách phòng chống các bệnh truyền nhiễm, chăm sóc sức khỏe tinh thần, sức khỏe nghề nghiệp, sức khỏe sinh sản với nội dung được thiết kế theo hình thức hỏi đáp.

Thông tin trong Sổ tay chỉ được sử dụng với mục đích tham khảo, do đó không nên dựa vào hoặc được hiểu là lời khuyên pháp lý.

Nội dung được cập nhật đến ngày 1 tháng 7 năm 2022.

Các nội dung được trình bày trong cuốn Sổ tay chỉ thể hiện các quan điểm riêng của tác giả, không phản ánh quan điểm của các đơn vị tham gia xây dựng nội dung cuốn Sổ tay. Các địa danh được sử dụng hoặc các tài liệu được nói tới trong cuốn Sổ tay này cũng không thể hiện quan điểm của cơ quan, tổ chức của địa phương hay các cơ quan hữu quan.

Cuốn Sổ tay này được biên soạn và hoàn thành với sự tài trợ của Quỹ phát triển, Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM).

Cuốn Sổ tay được biên soạn lần đầu không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ phía quý vị để cuốn Sổ tay ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi ý kiến đóng góp vui lòng gửi đến <https://mhwg.org.vn/lien-he/>.

Bạn có thể xem trực tiếp hoặc tải file PDF nội dung cuốn Sổ tay này tại trang web: <https://mhwg.org.vn/thu-vien/> hoặc quét mã QR bên dưới.



Chân thành cảm ơn.

Nhóm Kỹ thuật Sức khỏe Người di cư Việt Nam (Viet Nam Migrant Health Working Group)

서문

대한민국 내 베트남 이주 노동자를 위한 건강 안내서는 대한민국 내 베트남 이주 노동자 및 대한민국으로의 이주를 계획하고 있는 베트남 이주 노동자를 위해 작성되었습니다.

본 건강 안내서는 의료 서비스 이용 안내, 건강 보험, 유용한 주요 연락처 정보를 포함하고 있습니다. 이외에도 전염병 예방, 정신 건강, 직업 건강, 생식 건강을 포함하는 보건 관련 주요 정보를 문답식으로 제공합니다.

본 건강 안내서에 실려있는 정보는 일반적인 정보 제공만을 목적으로 하여 법적 조언으로 해석될 수 없습니다.

건강 안내서에 실려 있는 주요 연락처 정보는 2022년 7월 기준입니다.

본 건강 안내서에 수록된 견해는 오직 저자의 견해만을 반영하며 안내서 개발에 참여한 기관의 견해를 반영하지 않습니다. 안내서에서 사용된 지명이나 제시된 자료는 해당 지자체 또는 관련 기관의 견해를 반영하지 않습니다.

본 건강 안내서는 국제이주기구(IOM) 개발 기금의 지원으로 제작되었습니다.

핸드북에 관한 피드백은 <https://mhwg.org.vn/vi/lien-he/> 로 보내 주시면 참고하여 개선하겠습니다.

<https://mhwg.org.vn/vi/thu-vien/> 에서 본 건강 안내서를 열람하거나 PDF파일로 내려 받을 수 있습니다.

감사합니다.



베트남 이주자 건강 워킹 그룹(Migrant Health Working Group Viet Nam)

인용(citation): 이주자 건강 워킹 그룹(Migrant Health Working Group), 2022, 대한민국 내 베트남 이주 노동자를 위한 건강 안내서, MHWG, 하노이.

LỜI CẢM ƠN

Cuốn Sổ tay này được biên soạn với sự giúp đỡ của Quỹ phát triển, Tổ chức Di cư Quốc tế và được hoàn thành với sự hợp tác giữa các cơ quan hữu quan của hai nước Việt Nam và Hàn Quốc.

Cuốn Sổ tay này được biên soạn bởi Nhóm Kỹ thuật Sức khỏe Người di cư (Migrant Health Working Group - MHWG) và Tư vấn sức khỏe cộng đồng Song Dayoung. Nhóm Kỹ thuật Sức khỏe Người di cư (MHWG) xin gửi lời cảm ơn những cơ quan, đơn vị của Hàn Quốc đã tham gia vào quá trình tư vấn và kiểm tra nội dung của cuốn Sổ tay này. Cuốn Sổ tay được dịch từ tiếng Hàn sang tiếng Việt bởi Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Sao Khuê, hiệu đính bởi Hồ Nguyễn Kiều Mai, đối chiếu và rà soát bản dịch bởi bà Dương Quỳnh Thu. Sổ tay được thiết kế bởi Công ty TNHH In ấn và Quảng cáo TM Tân Đô.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả những cá nhân và tổ chức đã đóng góp các ý kiến hữu ích trong quá trình biên soạn cuốn Sổ tay này. Đặc biệt, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến ông Lương Quang Đăng (Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Bộ Y tế Việt Nam), bà Phan Thị Minh Giang (Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam), bà Lê Bảo Thu (Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế Việt Nam), bà Phan Hồng Vân (Viện Chiến lược và Chính sách y tế, Bộ Y tế Việt Nam), bà Phí Thị Lệ Dung (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam), ông Nguyễn Văn Giáp (Bệnh viện đa khoa Hùng Vương, Việt Nam), Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc, Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc, Viện nghiên cứu chính sách nhập cư (Hàn Quốc), Tổ chức Chăm sóc sức khỏe quốc tế Hàn Quốc (KOFIH), Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Ngoài ra, chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến những người lao động Việt Nam đang sinh sống tại Hàn Quốc đã bớt chút thời gian để đóng góp những ý kiến quý báu cho cuốn sổ tay.

Ông Nguyễn Doãn Tú, Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đồng thời là Chủ trì MHWG và bà Park Mi Hyung, Trưởng Phái đoàn, Tổ chức Di cư Quốc tế tại Việt Nam, đồng Chủ trì MHWG là người chỉ đạo và giám sát quá trình biên soạn cuốn Sổ tay này. Nhóm Dự án Sức khỏe Người di cư, Tổ chức Di cư quốc tế tại Việt Nam (Tiến sĩ Aiko Kaji, Bác sĩ Trần Thị Tuyết Lương, Tiến sĩ Bùi Mạnh Hùng, bà Kang Yeun) chịu trách nhiệm biên soạn và xây dựng nội dung cuốn Sổ tay này.

감사의 글

본 건강 안내서는 국제이주기구 개발 기금의 지원을 받아 제작되었으며 베트남과 대한민국 양국 관계자의 협력을 통해 완성된 결과물입니다.

본 건강 안내서는 베트남 이주자 건강 워킹그룹(Migrant Health Working Group, MHWG)과 송다영 공중보건 컨설턴트에 의해 작성되었습니다. 이주자 건강 워킹그룹(MHWG)은 안내서 자문 및 검토를 맡아주신 한국 소재 기관인 아시아인권문화연대, 이주와 인권연구소, 성요셉노동자의집, 희망의 친구들에 감사를 표하는 바입니다. Sao Khue 컨설팅 및 개발 주식회사가 본 건강 안내서를 한국어에서 베트남어로 번역하였습니다. 안내서 교열은 Ho Nguyen Kieu Mai, 교정은 Duong Quynh Thu에 의해 이루어졌습니다. 안내서는 Tan Do 무역광고 및 인쇄 유한책임 회사로 디자인되었습니다.

건강 안내서에 대한 의견 제공으로 안내서 제작에 큰 도움을 주신 모든 분들께 감사를 표합니다. 특히, Luong Quang Dang (베트남 보건부 인구가족계획청 인사조직국), Phan Thi Minh Giang (베트남 외교부 영사국), Le Bao Thu (베트남 보건부 직업환경보건연구원), Huynh Thi Hai Van (베트남 노동총연맹 인구생식보건센터), Phan Hong Van (베트남 보건부 보건 전략 및 정책 연구소), Phi Thi Le Dung (베트남 여성연맹), Nguyen Van Giap (베트남 Hung Vuong 종합 병원), 한국산업인력공단, 한국외국인노동자지원센터, 이민정책연구원(대한민국 소재), 한국국제보건의료재단, 주한 베트남 대사관에 감사를 표합니다. 더불어 대한민국 내 베트남 이주 노동자를 포함한 모든 이해 관계자 분들께 시간을 내어 귀중한 의견을 제공해 주심에 감사를 전합니다.

MHWG의 의장이신 베트남 보건부 Nguyen Doan Tu 인구가족계획청장님과 MHWG의 공동 의장이신 국제이주기구 베트남대표부 박미형 소장님께서 안내서에 대한 전반적인 지도 및 감독을 맡아 주셨습니다. 국제이주기구 베트남 대표부 이주자건강사업팀 Aiko Kaji 박사, Tran Thi Tuyet Luong 박사, Bui Manh Hung 박사, 강예은)이 안내서의 개발과 제작을 이끌었습니다.

GIỚI THIỆU VỀ CÁC NHÂN VẬT

캐릭터 소개



1. Duy

Tuổi: 33

Nghề nghiệp: Lao động trong nhà máy lắp ráp, chế tạo
Ngôn ngữ: Tiếng Việt (ngôn ngữ mẹ đẻ), tiếng Hàn (hạn chế)

Gia đình: Đã kết hôn. Vợ và các con đang sinh sống tại Việt Nam
Đặc điểm: Lần đầu tiên đến và sinh sống tại Hàn Quốc

Tình trạng sức khỏe: Chứng đau đầu gối

Loại visa: E-9 (lao động phổ thông)

나이: 33

직업: 제조업 노동자

언어: 베트남어, 서툰 한국어

가족: 결혼. 부인과 아이들은 베트남에 거주

특징: 한국에 처음 방문 및 이주

건강상태: 무릎 통증

체류자격: E-9(비전문취업)

2. Mai

Tuổi: 29

Nghề nghiệp: Lao động trong nhà máy lắp ráp, chế tạo
Ngôn ngữ: Tiếng Việt (ngôn ngữ mẹ đẻ), tiếng Hàn (hạn chế)

Gia đình: Chưa kết hôn

Đặc điểm: Sống tại Hàn Quốc cùng bạn người Việt Nam

Tình trạng sức khỏe: Hay bị cảm và đau đầu

Loại visa: E-9 (lao động phổ thông)

나이: 29

직업: 제조업 노동자

언어: 베트남어, 서툰 한국어

가족: 미혼

특징: 한국에 베트남 친구 거주

건강상태: 자주 감기에 걸리고 머리 아픔

체류자격: E-9(비전문취업)





3. Hiếu

Tuổi: 27

Nghề nghiệp: Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp

Ngôn ngữ: Tiếng Việt (ngôn ngữ mẹ đẻ), tiếng Hàn (hạn chế)

Gia đình: Chưa kết hôn

Đặc điểm: Lần đầu sang Hàn Quốc

Tình trạng sức khỏe: Tốt

Loại visa: E-8 (Visa lao động ngắn hạn)

Năm: 27

직업: 농업 노동자

언어: 베트남어, 서툰 한국어

가족: 미혼

특징: 한국에 처음 입국

건강상태: 양호

체류자격: E-8(계절근로)

4. Anh

Tuổi: 31

Nghề nghiệp: Thuyền viên

Ngôn ngữ: Tiếng Việt (ngôn ngữ mẹ đẻ), tiếng Hàn (hạn chế)

Gia đình: Chưa kết hôn

Đặc điểm: Công việc cần dùng nhiều sức lực

Tình trạng sức khỏe: Từng bị trầm cảm trong quá khứ

Loại visa: E-10 (Visa lao động trên tàu thuyền)

Năm: 31

직업: 선원

언어: 베트남어, 서툰 한국어

가족: 미혼

특징: 베트남어, 서툰 한국어

건강상태: 과거에 우울증 경험

체류자격: E-10(선원취업)

















SỐ ĐIỆN THOẠI TƯ VẤN THEO TỪNG TÌNH HUỐNG



문의 상황별 연락처


Dưới đây là thông tin liên hệ của các cơ quan hỗ trợ theo từng lĩnh vực khác nhau. Ngoài ra, vui lòng tham khảo thêm 'Chương 8. Danh bạ đường dây nóng'. Dưới đây là thông tin liên hệ của các cơ quan hỗ trợ theo từng lĩnh vực khác nhau do Nhóm biên soạn sưu tầm và lựa chọn để tham khảo, sử dụng khi cần thiết.

상황별 주요 관련 기관 연락처를 확인하세요. 이외 연락처는 '8장 주요 연락처'를 참고하세요. 상황별 지원기관의 연락처 정보는 편집팀이 수집 및 선정하여 참고용으로 편람으로 수록한다.

Cơ Quan 기관명	Số điện thoại 연락처	Thông tin khác 기타	Hỗ trợ phiên dịch tiếng việt 베트남어 지원여부
1. Các tình huống chung 일반			
Tổng đài Danuri 다누리 콜센터	 1577-1366	Làm việc 24 giờ/ ngày, 365 ngày/năm, hỗ trợ 13 thứ tiếng cho các đối tượng là gia đình đa văn hóa, người nước ngoài di cư sang Hàn Quốc 이주민, 다문화가족 대상으로 13개국어 365일 24시간 운영	Có 지원
Trung tâm Hướng dẫn chung cho Người nước ngoài, Bộ Tư pháp 법무부외국인종합안내센터	 1345	Thời gian làm việc: 09:00 - 22:00: Tiếng Hàn, tiếng Trung, tiếng Anh 09:00 - 18:00: Tiếng Việt 이용시간: 09:00 ~ 22:00: 한국어, 중 국어, 영어 09:00 ~ 18:00: 베트남어	Có 지원
Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc 주한 베트남 대사관	 (+82) 2-720-5124, (+82) 27-399-399		Có 지원
Trung tâm Hỗ trợ Người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc 한국외국인노동자지원센터	 1633-0644		Có 지원
Trung tâm Tư vấn Nhân lực nước ngoài, Cơ quan phát triển nguồn nhân lực 산업인력공단외국인력상담센터	 1577-0071		Có 지원

Trung tâm Hỗ trợ Người lao động nước ngoài tại Euijeongbu 의정부외국인노동자지원센터	 031-8389-11		Có 지원
Trung tâm Hỗ trợ Người lao động nước ngoài tại Yangsan 양산외국인노동자지원센터	 055-912-0255		Có 지원
Trung tâm Hỗ trợ Người lao động nước ngoài tại Kimhae 김해외국인노동자지원센터	 055-338-2727		Có 지원
Trung tâm Hỗ trợ Người lao động nước ngoài tại Changwon 창원외국인노동자지원센터	 055-253-5270		Có 지원
Trung tâm Hỗ trợ Người lao động nước ngoài tại Gwangju 광주외국인노동자지원센터	 041-411-7000		Có 지원
Trung tâm Hỗ trợ Người lao động nước ngoài tại Cheonan 천안외국인노동자지원센터	 053-654-9700		Có 지원
Trung tâm Hỗ trợ Người lao động nước ngoài tại Daegu 대구외국인노동자지원센터	 053-654-9700		Có 지원
2. Bảo hiểm y tế 건강보험			
Tổng công ty Bảo hiểm y tế Quốc gia 국민건강보험공단	 1577-1000 (tiếng Việt: phím số 7) 1577-1000 (bê-tê nâm-ê 7-bên)	Giải đáp các vấn đề về bảo hiểm sức khỏe, kiểm tra sức khỏe 건강보험, 건강검진 관련 문의	Có 지원
3. An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp 직업 안전 및 건강			
Trung tâm Tư vấn khách hàng, Bộ Việc làm và Lao động 고용노동부 고객상담센터	 1350 (tiếng Việt: phím số 5) 1350 (bê-tê nâm-ê 5-bên)	Giải đáp các vấn đề về tai nạn xảy ra trong quá trình làm việc, đào tạo nghề 직업관련 교육, 근무 중 사고 관련 문의	Có 지원

<p>Trung tâm Tư vấn Nhân lực nước ngoài 외국인력상담센터</p>	<p> 1577-0071</p>	<p>Giải đáp các vấn đề sức khỏe nghề nghiệp, tai nạn lao động 직업관련건강 문제, 업무관련사고</p>	<p>Có 지원</p>
<p>Cơ quan Phúc lợi và Đền bù cho người lao động Hàn Quốc 근로복지공단</p>	<p> 1588-0075</p>	<p>Giải đáp về bảo hiểm tai nạn lao động 산재보험관련 문의</p>	<p>Không 미지원</p>
<p>Ủy ban Nhân quyền Quốc gia 국가인권위원회</p>	<p> 02-2125-9700</p>	<p>Hỗ trợ các trường hợp bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc. Chỉ hỗ trợ tiếng Hàn 한국어지원/직장내성희롱관련신고</p>	<p>Không 미지원</p>
<p>Trung tâm Tư vấn Phụ nữ di cư Seoul 이주여성긴급지원센터</p>	<p> 02-733-0120</p>	<p>Thực hiện tư vấn chuyên môn dành cho đối tượng là gia đình đa văn hóa và phụ nữ di cư đang sinh sống tại Seoul về các vấn đề như mâu thuẫn vợ chồng, bạo hành tình dục, tội phạm tình dục và vận hành các cơ sở bảo hộ khẩn cấp 서울시에 사는 이주여성과 다문화 가족 대상 부부갈등, 성폭력, 성범죄 관련 전문상담 진행, 긴급보호시설 운영</p>	<p>Có 지원</p>
<p>Trung tâm Hỗ trợ khẩn cấp Phụ nữ di cư 이주여성긴급지원센터</p>	<p> 1577-1366</p>	<p>Hỗ trợ tư vấn qua điện thoại 24 giờ/ngày, 365 ngày/năm Có hỗ trợ tư vấn bằng tiếng Việt Hỗ trợ phụ nữ di cư là nạn nhân của bạo hành 365일 24시간 전화상담 가능 베트남어 상담 가능 폭력피해 당한 이주여성 지원</p>	<p>Có 지원</p>


4. Sức khỏe tinh thần 정신건강			
4.1 Cơ quan tư vấn về Sức khỏe tinh thần tại Hàn Quốc 한국 내 정신건강 상담기관			
Đường dây nóng tư vấn các triệu chứng cảnh báo vấn đề sức khỏe tinh thần 정신건강위기상담전화	 1577-0199	Hỗ trợ tư vấn về sức khỏe tinh thần 24 giờ/ngày, 365 ngày/năm 365일 24시간 정신건강상담 가능	Không 미지원
Trung tâm tư vấn, Bộ Y tế và Phúc lợi Hàn Quốc 보건복지부 상담센터	 129	Tư vấn và hỗ trợ liên hệ với những nơi chuyên điều trị các vấn đề về sức khỏe tinh thần 정신건강 상담 및 치료연계	Không 미지원
Tổng đài của Bảo hiểm nhân thọ Hàn Quốc 한국생명연의전화	 1588-9191		Không 미지원
Tổng đài tiếp nhận thông tin về các trường hợp nghiện cờ bạc 도박중독 전용 콜센터	 1336	Hỗ trợ tư vấn qua điện thoại 24 giờ/ngày. 24시간 전화상담 가능	Không 미지원
Trung tâm Tư vấn Phòng chống lạm dụng thuốc và các chất ma túy 마약류 및 약물남용 예방상담소	 1899-0893		Không 미지원
Trung tâm Vận động cai nghiện ma túy 한국마약퇴치운동본부	 02-2677-2245		Không 미지원
4.2 Cơ quan tư vấn sức khỏe tinh thần tại Việt Nam 현지 정신건강 상담기관			
Văn phòng Hỗ trợ Phụ nữ di cư hồi hương (OSSO)	 (+84) 1800599967	Facebook 페이스북 	Có 지원

<p>Tổ chức Hagar International</p>	<p> Điện thoại/Zalo (24/7) 전화번호/ZALO 번호 (+84) 943-111-967</p> <p> Điện thoại văn phòng 사무실 전화번호: (+84) 24-3728-2342</p>	<p>Website 홈페이지  Facebook 페이스북 </p>	<p>Có 지원</p>
<p>Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về giới - gia đình - phụ nữ và vị thành niên</p>	<p> (+84) 24-3333-5599 (+84) 941-409-119</p>	<p>Website 홈페이지  Facebook 페이스북 </p>	<p>Có 지원</p>
<p>Healthy Mind</p>	<p> Email 홈페이지 온라인 문의 Hi@psytechlab.com, hi.healthymind@gmail.com Đặt câu hỏi trực tuyến trên trang web 홈페이지 온라인 문의</p>	<p>Website 홈페이지  Facebook 페이스북 </p>	<p>Có 지원</p>
<p>Danh bạ, địa chỉ cơ quan, tổ chức hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực, xâm hại 폭력 또는 성폭력 피해자 여성 및 아동을 지원하는 기관 및 단체 주소록</p>		<p>PDF </p>	<p>Có 지원</p>

5. Sức khỏe tình dục và sức khỏe sinh sản 성 및 생식 건강

Trung tâm hỗ trợ phòng chống HIV/AIDS cho người nước ngoài 외국인 HIV 예방지원센터	(Gileum, Seoul) 서울 길음 02-927-4322 02-927-4323		Không m지원
	(Itaewon, Seoul) 서울 이태원 02-749-1108		
	(Ansan, Gyeonggi) 경기 안산 031-495-0550		

6. Bệnh truyền nhiễm 전염병

Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh 질병관리청 콜센터	 1339		Có 지원
---	---	--	----------



CHƯƠNG 1:

HỆ THỐNG Y TẾ VÀ HỆ THỐNG KHÁM, CHỮA BỆNH TẠI HÀN QUỐC

제1장 : 한국의 의료시스템과 의료 전달 체계

CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG Y TẾ VÀ HỆ THỐNG KHÁM, CHỮA BỆNH TẠI HÀN QUỐC

제1장 한국의 의료시스템과 의료 전달 체계

1.1 GIỚI THIỆU HỆ THỐNG Y TẾ TẠI HÀN QUỐC

한국의 의료시스템 소개



Tôi bị ốm nên tôi muốn đến bệnh viện khám. Tôi nên đến bệnh viện nào? Hệ thống y tế ở Hàn Quốc như thế nào?

몸이 아파서 병원에 가려고 하는데 어떤 병원에 가야 할까요? 한국의 의료 시스템에 대해 알려 주실 수 있습니까?



Ở Hàn Quốc có 03 loại hình cơ sở y tế.
한국에는 3가지의 의료기관이 있습니다.



Phân loại cơ sở y tế 의료기관 종류	Chức năng 목적	Ví dụ 예시	Hình minh hoạ 사진
1. Bệnh viện/Phòng khám 병원/의원			
Cơ sở y tế tuyến quận, huyện 1차 병원	<ul style="list-style-type: none">• Cơ sở y tế khám, chữa bệnh ngoại trú• Điều trị các bệnh thường gặp "Tôi thấy người ê ẩm vì bị cảm cúm. Tôi muốn gặp bác sĩ và khám bệnh."• 입원이 아닌 진찰을 받을 수 있는 병원• 흔히 발생하는 질병 진료 "감기 걸려서 몸이 아파요. 의사 선생님을 만나 진찰을 받고 싶어요."	Phòng khám tại quận, huyện, khu vực sinh sống, phòng khám nha khoa, phòng khám tai mũi họng, phòng khám nhi, v.v 동네의원, 치과, 이비인후과, 소아과 등	
Cơ sở y tế tuyến tỉnh, thành phố 2차 병원	<ul style="list-style-type: none">• Bệnh viện đa khoa địa phương nơi điều trị nội trú và kiểm tra tổng quát "Đầu gối của tôi rất đau. Tôi muốn nhập viện, kiểm tra sức khỏe và tiếp nhận điều trị."• 입원치료와 종합검사를 하는 지역종합병원 "무릎이 너무 아파요. 병원에 입원해서 검사도 받고 치료를 받고 싶어요."	Bệnh viện đa khoa cấp tỉnh, thành phố, bệnh viện điều dưỡng, Trung tâm y tế cộng đồng quốc gia 지역종합병원, 요양병원, 국공립의료원	

<p>Bệnh viện đa khoa trung ương 3차 병원</p>	<ul style="list-style-type: none"> Bệnh viện trường đại học sẽ tiếp nhận thăm khám, điều trị khi có giấy chuyển tuyến từ các bệnh viện tuyến dưới Bệnh viện đa khoa thực hiện thăm khám chuyên sâu và tiến hành các ca phẫu thuật phức tạp <i>“Đồng nghiệp làm cùng trên thuyền với tôi bị thương nặng. Có vẻ cậu ấy phải được thăm khám chuyên sâu và tiến hành phẫu thuật.”</i> 1차, 2차 병원의 의뢰를 통해 이용 가능 한 병원 정밀검사와 난이도가 높은 수술을 하는 종합병원 <i>“함께 배를 타는 동료가 크게 다쳤어요. 정밀 검사를 받고 수술을 받아야 할 것 같아요.”</i> 	<p>Bệnh viện trường đại học 대학병원</p>	
<p>2. Trạm y tế 보건소</p>	<ul style="list-style-type: none"> Cơ sở y tế xã, phường thuộc hệ thống y tế công, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và điều trị bệnh tật cho người dân trong khu vực, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng <i>“Tôi nghe nói có thể tiêm phòng cúm ở Trạm y tế gần nơi cư trú nên tôi đến để được tiêm phòng cúm.”</i> 지역주민의 건강과 질병관리, 공중보건 증진을 지원하는 공공기관 <i>“근처 보건소에서 독감주사를 맞을 수 있다고 해서 독감주사를 맞으려 싶어요.”</i> 	<p>Trạm y tế địa phương 지역 보건소</p>	
<p>3. Hiệu thuốc 약국</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nơi bán các loại thuốc dự phòng và thuốc kê theo đơn của bệnh viện <i>“Tôi bị khó tiêu nên muốn mua thuốc tiêu hóa.”</i> 비상약과 병원에서 처방하는 처방약 구매 가능 <i>“소화가 잘 안돼서 소화제를 사고 싶어요.”</i> 	<p>Hiệu thuốc tại khu dân cư 동네 약국</p>	

CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG Y TẾ VÀ HỆ THỐNG KHÁM, CHỮA BỆNH TẠI HÀN QUỐC

제1장 한국의 의료시스템과 의료 전달 체계



Trạm y tế là gì?

Trạm y tế là cơ sở khám, chữa bệnh được xây dựng ở các thành phố/tỉnh, quận/huyện và phường/xã. Trạm y tế có nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe và điều trị bệnh tật cho người dân địa phương. Vai trò của trạm y tế là thực hiện điều trị ban đầu, tổ chức các buổi giáo dục sức khỏe, quản lý và tham gia công tác phòng tránh các bệnh truyền nhiễm, cung cấp các chương trình, hoạt động đa dạng nhằm nâng cao sức khỏe cho người dân. Tại đây thực hiện nhiều công tác bảo vệ sức khỏe như bảo vệ sức khỏe mẹ và bé, bảo vệ sức khỏe răng miệng, nâng cao sức khỏe người dân, quản lý bệnh truyền nhiễm, hỗ trợ viện phí, chăm sóc sức khỏe tinh thần, v.v.

보건소는 어떤 곳인가요?

보건소는 지역주민의 건강과 질병을 관리하기 위해서 시, 군, 구에 설치된 공공기관입니다. 보건소의 역할은 기초진료, 보건 교육, 감염병 예방관리 및 다양한 건강증진 사업과 프로그램을 제공합니다. 모자보건, 구강보건, 건강증진 클리닉, 감염병 관리, 의료비 지원, 정신건강 등 다양한 보건 사업을 진행합니다.





Khi bị ốm, tôi phải đến cơ sở y tế nào?

아플 때 어떤 의료기관에 가야 하나요?



Trước hết, bạn hãy đến Trạm Y tế hoặc cơ sở y tế tuyến quận, huyện gần khu vực mình sinh sống. Nếu tình trạng bệnh của bạn chuyển nặng và bạn cần phải tới bệnh viện tuyến trên thì bạn sẽ nhận được giấy chuyển tuyến bệnh viện từ Trạm Y tế hoặc cơ sở y tế tuyến quận, huyện để đến bệnh viện đa khoa tuyến trên. Sau khi đặt lịch hẹn khám, bạn nhớ mang theo giấy chuyển tuyến khi tới khám tại bệnh viện đa khoa tuyến trên.

집 근처에 있는 동네 병원이나 보건소를 먼저 방문하세요. 병이 심각해서 큰 병원으로 가야 한다면 병원에서 대학병원에 가기 위한 진료의뢰서를 받을 수 있어요. 진료의뢰서를 가지고 대학병원에 예약 후 방문하세요.



Lưu ý! Nếu bạn đến thẳng cơ sở y tế tuyến trung ương mà không có giấy chuyển tuyến bệnh viện nhận tại cơ sở y tế tuyến quận, huyện, tuyến tỉnh, thành phố, bạn vẫn sẽ được điều trị bệnh nhưng không được hưởng các quyền lợi về bảo hiểm y tế và phần phí điều trị mà cá nhân phải tự chi trả sẽ cao hơn.

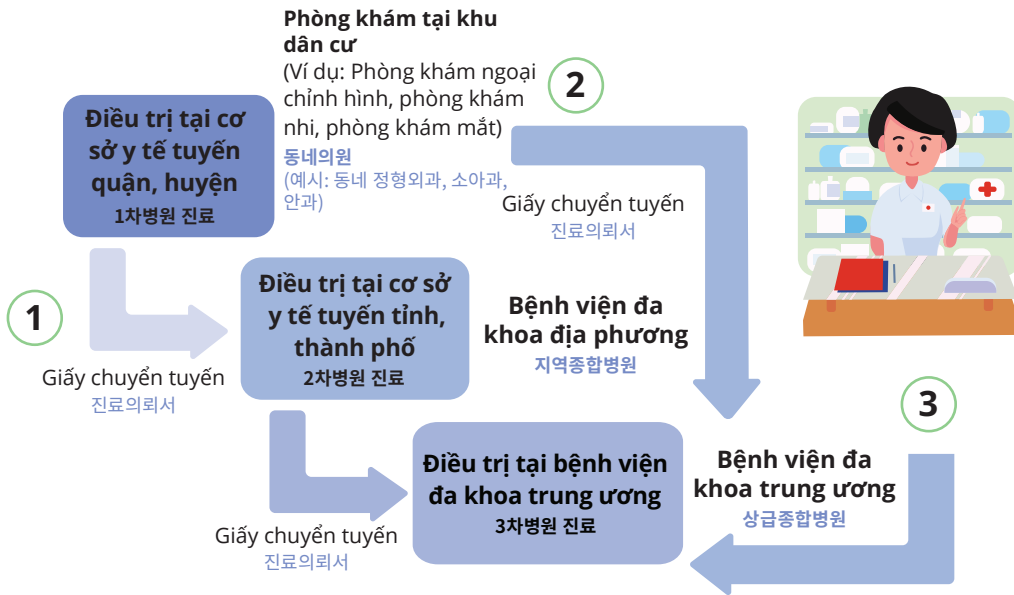
Tuy nhiên, các trường hợp ngoại lệ như bệnh nhân cấp cứu, sản phụ chuyển dạ (sắp sinh) có thể tới thẳng bệnh viện tuyến trên mà không có giấy chuyển tuyến bệnh viện và vẫn được hưởng đầy đủ các quyền lợi về bảo hiểm.

잠깐! 1차 2차 의료기관에서 받은 진료의뢰서 없이 바로 3차 의료기관을 방문한다면, 진료가 가능하지만 보험이 적용되지 않아 본인이 내야 하는 진료비가 높아집니다.

예외로 응급환자와 분만 환자(출산)는 3차 의료기관을 바로 방문하고 보험 혜택을 받을 수 있습니다.

CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG Y TẾ VÀ HỆ THỐNG KHÁM, CHỮA BỆNH TẠI HÀN QUỐC

제1장 한국의 의료시스템과 의료 전달 체계



TÌNH HUỐNG 1: QUẬN, HUYỆN → TỈNH, THÀNH PHỐ → TRUNG ƯƠNG
상황1: 1차 → 2차 → 3차



Tôi bị đau đầu gối suốt hai tuần nay.
2주 동안 무릎 통증이 있어요.



Bước 1: Bạn hãy đến phòng khám ngoại chính hình ở gần nơi cư trú để được tiếp nhận điều trị (cơ sở y tế tuyến quận, huyện).

Bước 2: Sau khi được tiếp nhận điều trị tại phòng khám và trả chi phí điều trị, bạn sẽ nhận được đơn thuốc.

Bước 3: Mang đơn thuốc đến hiệu thuốc gần nhất, trả tiền và nhận thuốc đã được kê.

1단계: 동네 정형외과에 가서 진료를 받습니다(1차).

2단계: 병원에서 치료를 받고 진료비를 낸 후에 처방전을 받습니다.

3단계: 처방전을 들고 가까운 약국에 가서 약 값을 내고 처방약을 받아옵니다.

CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG Y TẾ VÀ HỆ THỐNG KHÁM, CHỮA BỆNH TẠI HÀN QUỐC

제1장 한국의 의료시스템과 의료 전달 체계



Đầu gối của tôi bị đau. Một tuần trước, tôi đã đi khám ở bệnh viện nhưng đầu gối của tôi vẫn đau. Tôi muốn làm kiểm tra kỹ hơn.

무릎이 아파서 일주일 전에 병원을 갔는데 아직도 아파요. 검사를 더 받아 보고 싶어요.



HOẶC nếu bạn muốn kiểm tra kỹ hơn sau khi đã khám tại cơ sở y tế tuyến quận, huyện.

Bước 4: Hãy xin cấp giấy chuyển tuyến tại cơ sở y tế tuyến quận, huyện mà bạn đã đến khám trước đó.

Bước 5: Hãy cầm theo giấy chuyển tuyến và đến cơ sở y tế tuyến tỉnh, thành phố. Sau khi được thăm khám, nếu phải phẫu thuật hoặc cần điều trị chuyên sâu, hãy xin cấp giấy chuyển tuyến tại cơ sở y tế tuyến tỉnh, thành phố.

Bước 6: Hãy cầm giấy chuyển tuyến đến bệnh viện tuyến trung ương (bệnh viện chuyên sâu hay bệnh viện trường đại học).

또는 검사를 더 받아보고 싶다면

4단계: 이전 방문한 병원(1차)에서 진료의뢰서를 발급 받고.

5단계: 진료의뢰서를 들고 지역 종합병원(2차)에 갑니다. 진료를 받은 후 2차 병원에서 진료의뢰서를 발급받습니다.

6단계: 수술을 받아야 하거나 전문적인 치료가 필요하다면, 진료의뢰서를 가지고 대학병원(3차)을 방문합니다.

(TÌNH HUỐNG 2: TUYẾN QUẬN, HUYỆN → TUYẾN TỈNH, THÀNH PHỐ HOẶC TRUNG ƯƠNG)

상황2: 1차 → 2차 또는 3차



Đầu gối của tôi bị đau, tôi đã đến bệnh viện nhưng bác sĩ bảo tình trạng bệnh của tôi khá nghiêm trọng và cần phải đến bệnh viện đa khoa trường đại học ngay.

무릎이 아파서 병원에 갔는데 의사가 심각하다고 바로 대학병원으로 가보라고 했어요.





Bước 1: Bạn đến phòng khám ngoại chính hình ở khu dân cư và tiếp nhận thăm khám (cơ sở y tế tuyến quận, huyện).

Bước 2: Bác sĩ nhận định bạn cần được kiểm tra kỹ hơn, bạn được cấp Giấy chuyển tuyến để đến bệnh viện đa khoa trường đại học (cơ sở y tế tuyến trung ương).

Bước 3: Bạn cầm theo Giấy chuyển tuyến và bệnh viện tuyến trung ương (bệnh viện chuyên sâu hay bệnh viện trường đại học).

1단계: 동네 정형외과 진료를 받습니다 (1차).

2단계: 추가 검사 필요하다고 판단하여 대학병원(3차) 진료의뢰서를 발급받습니다.

3단계: 진료의뢰서를 가지고 대학병원(3차)을 방문합니다.

(TÌNH HUỐNG 3: TRUNG ƯƠNG)

상황3: 3차



Đầu gối của tôi rất đau, tôi cần được kiểm tra chuyên sâu và làm phẫu thuật.

무릎이 너무 아파서 정밀검사와 수술이 필요해요.



Bước 1: Hãy gọi điện hoặc đặt lịch điều trị trực tuyến tại bệnh viện bệnh viện tuyến trung ương như bệnh viện trường đại học hay bệnh viện chuyên sâu.

Bước 2: Đến giờ hẹn, bạn hãy đến bệnh viện tuyến trung ương như lịch hẹn đã đặt và để được tiếp nhận điều trị.

*** Trong trường hợp bạn không đến cơ sở y tế tuyến quận, huyện, cơ sở y tế tuyến tỉnh, thành phố trước mà đến thẳng bệnh viện đa khoa trung ương thì phí điều trị mà bạn phải chi trả có thể sẽ rất cao.**

1단계: 대학병원에 전화 또는 온라인으로 진료를 예약합니다.

2단계: 예약한 시간에 맞춰 대학병원에 가서 진료를 받습니다.

* 1,2차 병원을 방문하지 않고 바로 3차 병원으로 갈 경우, 진료비가 더 많이 나올 수 있습니다.

CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG Y TẾ VÀ HỆ THỐNG KHÁM, CHỮA BỆNH TẠI HÀN QUỐC

제1장 한국의 의료시스템과 의료 전달 체계



Khi tôi bị ốm, tôi không biết phải điều trị tại bệnh viện nào

아픈데 어떤 병원에서 진료를 받을지 모르겠어요

Các khoa 학과명	Chức năng/Đối tượng điều trị 기능/치료 대상
Khoa y học gia đình 가정의학과	Cung cấp các hoạt động chữa bệnh phổ thông nhất, phát hiện và quản lý bệnh ở giai đoạn đầu, phòng bệnh 전체적인 의료 제공, 질병의 조기 발견과 관리, 질병의 예방
Khoa nội 내과	Các bệnh về đường tiêu hóa, gan, dạ dày, đường hô hấp, tim mạch, các bệnh mãn tính 소화기 질환, 간질환, 위장관질환, 호흡기질환, 심혈관 질환, 만성질환
Khoa tiết niệu 비뇨기과	Các bệnh xuất hiện ở bộ phận sinh dục nam như bàng quang và niệu đạo 방광 및 요도 등 남성 성기에 생기는 질환
Khoa sản 산부인과	Các bệnh liên quan đến chức năng của bộ phận sinh dục nữ, các bệnh liên quan đến mang thai và sinh sản 여성의 생식 기능과 연관된 질병을 다룸, 임신 및 출산 관련 진료
Ngoại khoa chỉnh hình 성형외과	Chỉnh hình cơ thể 신체적 성형
Khoa thần kinh 신경외과	Các bệnh về hệ thần kinh như não, tủy sống, thần kinh tủy sống và thần kinh não bộ, v.v 뇌, 척수, 뇌신경과 척수신경 등 신경계 관련 질환
Ngoại khoa xương khớp 정형외과	Các bệnh liên quan đến cấu trúc cấu tạo nên tay, chân và cột sống (cơ bắp, khớp, dây chằng, v.v.) 팔, 다리 및 척추를 구성하는 구조(근육, 관절, 인대 등) 관련 질환
Khoa tai, mũi, họng 이비인후과	Các bệnh liên quan đến tai, mũi và họng 귀, 코, 목에 관련된 질환
Khoa nhi - thanh thiếu niên 소아청소년과	Các bệnh nhân ở độ tuổi từ trẻ sơ sinh đến thanh thiếu niên 신생아기로부터 청소년기의 환자를 대상으로 진료
Khoa mắt 안과	Các bệnh về mắt 눈에 관계된 질환
Khoa cấp cứu 응급의학과	Các bệnh nhân cấp cứu 응급환자 치료

Khoa sức khỏe tâm thần 정신건강의학과	Các bệnh về tâm thần 정신질환
Khoa răng hàm mặt 치과	Các bệnh về răng và khoang miệng 치아 및 구강 질병
Khoa da liễu 피부과	Các bệnh về da 피부와 관련한 모든 질환

Các bệnh điều trị tại cơ sở y tế tuyến trung ương 3차 의료기관 진료과목	
Các khoa 학과명	Chức năng/Đối tượng điều trị 기능/치료 대상
Khoa nội tiêu hóa 소화기내과	Các bệnh về thực quản, dạ dày, ruột non, đại tràng 식도, 위, 소장, 대장 질환
Khoa nội hô hấp 호흡기내과	Các bệnh liên quan đến phổi và các cơ quan chịu trách nhiệm về hô hấp 숨을 쉬는 기관지와 폐와 관련된 질환
Khoa nội huyết học và ung bướu 종양혈액내과	Các bệnh về u ác tính (ung thư) 각종 악성 종양(암) 관련 진료
Khoa gây mê hồi sức 마취통증의학과	Gây mê, hồi sức 마취, 진정
Khoa xạ trị ung thư 방사선종양학과	Thực hiện xạ trị 방사선 치료
Khoa tiết niệu 비뇨의학과	Các bệnh xuất hiện ở bộ phận sinh dục nam 남성 성기에 생기는 질환
Khoa ngoại lồng ngực 흉부외과	Các bệnh liên quan đến các cơ quan nằm trong lồng ngực như: tim, phổi, khí quản, thực quản, động mạch chủ 가슴에 위치하는 심장, 폐, 기관, 식도, 대동맥 관련 진료
Khoa phục hồi chức năng 재활의학과	Vật lý trị liệu, liệu pháp nghề nghiệp, liệu pháp vận động 물리치료, 작업치료, 운동치료

CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG Y TẾ VÀ HỆ THỐNG KHÁM, CHỮA BỆNH TẠI HÀN QUỐC

제1장 한국의 의료시스템과 의료 전달 체계




Tôi bất ngờ bị thương nặng và phải đến bệnh viện gấp. Tôi phải làm gì trong trường hợp này?

갑자기 크게 다쳐 급하게 병원에 가고 싶어요. 어떻게 해야 하나요?



Bệnh nhân cấp cứu, phụ sản chuyển dạ (sắp sinh) có thể đến thẳng cơ sở y tế tuyến trung ương mà vẫn được hưởng các quyền lợi của bảo hiểm y tế. Trong tình huống khẩn cấp, bạn có thể đến thẳng phòng cấp cứu của bệnh viện đa khoa gần nhất.

응급환자와 분만 환자(출산)는 3차 의료기관을 바로 방문하고 보험 혜택을 받을 수 있어요. 위급한 경우, 가까운 대학병원 응급실을 이용할 수 있습니다.

Trong tình huống khẩn cấp, hãy gọi tới  119 theo các bước sau.

응급상황에는 이렇게 119에 전화하세요.

1) Gọi đến số 119.

119로 전화를 합니다.

2) Trình bày tình trạng của bệnh nhân.

환자가 어떻게 아프는지 설명합니다.

3) Thông báo vị trí của bệnh nhân.

환자가 있는 위치를 설명합니다.

4) Thực hiện sơ cứu theo hướng dẫn.

안내 받은 응급 처치를 따릅니다.

Trong các tình huống khẩn cấp, xe cấp cứu sẽ phục vụ **MIỄN PHÍ** ở tất cả mọi nơi trên toàn quốc.

위급한 상황에는 구급차가 전국 어느 곳에서나 무료입니다.



Ví dụ: Ở đây có người bị ngất. Tôi cần một xe cấp cứu. Chúng tôi đang ở tòa nhà XX [số nhà XX-tòa nhà XX] nằm ở phường XX [tên phường]. Làm ơn hãy đến nhanh lên.

예시: 여기 사람이 쓰러졌어요. 구급차가 필요합니다. 여기는 OO동에 위치한 OO건물입니다. 빨리 와주세요.



1.2 THUỐC 藥



Sau khi khám, chữa bệnh tại bệnh viện, tôi có thể nhận thuốc ở đâu?

병원에서 진료받은 후 약은 어디서 받을 수 있나요?



Sau khi được khám, chữa bệnh tại bệnh viện và nộp viện phí, bạn sẽ nhận được đơn thuốc. Sau đó, hãy đến tiệm thuốc, đưa đơn thuốc cho dược sĩ và thanh toán tiền thuốc là bạn có thể nhận được thuốc kê trong đơn.

병원에서 진료를 받고 진료비를 낸 후 처방전을 받습니다. 약국에 가서 처방전을 내고, 돈을 낸 후 처방받은 약을 받아 옵니다.

[Quy trình mua thuốc tại hiệu thuốc sau khi điều trị ở bệnh viện]

병원 진료 후 약국 이용 방법



CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG Y TẾ VÀ HỆ THỐNG KHÁM, CHỮA BỆNH TẠI HÀN QUỐC

제1장한국의 의료시스템과의료 전달 체계



Khi đăng ký khám, chữa bệnh tại bệnh viện, bạn nhất định phải mang theo giấy tờ tùy thân (thẻ cư trú của người nước ngoài)! Nếu không có giấy tờ tùy thân thì bạn có thể sẽ không được bệnh viện tiếp nhận điều trị.

병원 진료 접수 시 신분증(외국인 등록증)을 꼭 가져가세요! 신분증이 없으면 병원에서 진료를 못 받을 수 있습니다.



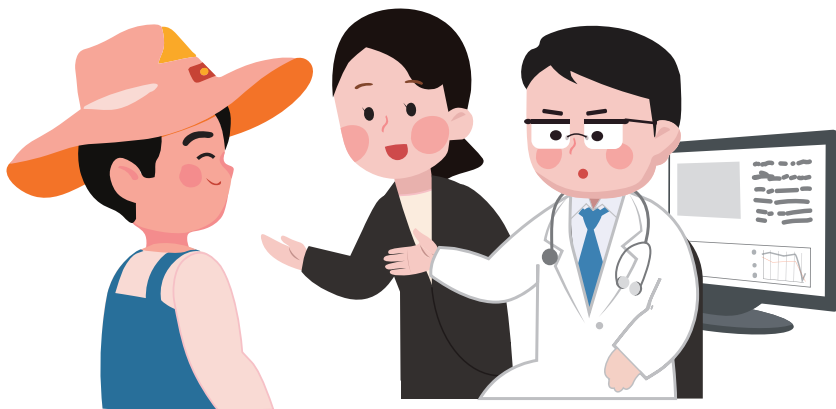
Tôi có thể mua thuốc trực tiếp tại hiệu thuốc mà không có đơn thuốc không?

처방전 없이 약국에서 바로 약을 살 수 있나요?



Bạn có thể đến hiệu thuốc và mua các loại thuốc thông thường như: thuốc cảm, các loại thuốc bôi, thuốc bổ, thuốc chống viêm, thuốc tránh thai dạng uống (một số loại), v.v. Đối với các loại thuốc đặc trị, bạn phải có đơn thuốc được bác sĩ tại bệnh viện kê thì mới mua được. Hãy tham khảo bảng bên dưới.

감기약, 연고류, 영양제, 소염제, 경구 피임제(일부) 등 일반 의약품은 처방전 없이 약국에 가서 바로 살 수 있어요. 전문의약품은 병원에 가서 진료를 받고 처방전을 받은 후 살 수 있습니다. 아래 표를 참고해 주세요.



Các loại thuốc dự phòng có thể mua tại hiệu thuốc

약국에서 구입 가능한 구급약

Ví dụ về các loại thuốc thông thường (thuốc cấp cứu) 일반의약품 예시 (구급약)

Thuốc hạ sốt 해열제	Thuốc uống khi bị sốt cao 열이 많이 날 때 먹는 약
Thuốc giảm đau 진통제	Thuốc uống để giảm đau 통증을 줄이기 위해 먹는 약
Thuốc tiêu hóa 소화제	Thuốc uống khi bị đầy bụng, khó tiêu 소화가 안될 때 먹는 약
Thuốc tiêu chảy 지사제	Thuốc điều trị tiêu chảy 설사를 멈추게 하는 약
Thuốc nhỏ mắt 안약	Thuốc dùng khi có bệnh về mắt 눈병이 났을 때 넣는 약
Thuốc sát trùng 소독약	Thuốc bôi lên vết thương để sát trùng 상처에 소독하는 바르는 약
Thuốc bôi ngoài da 피부연고제	Thuốc bôi ngoài da hoặc các vùng da bị ngứa. 습진이나 가려움을 덜어주기 위한 약
Gel dạng lỏng 물파스	Thuốc bôi lên vùng da bị ngứa hoặc chỗ bị côn trùng đốt 벌레 물린 곳이나 가려운 곳에 바르는 약
Băng dán cá nhân 소독밴드	Miếng dán để bảo vệ miệng vết thương 상처를 보호하기 위해 붙이는 밴드
Hộp cấp cứu 구급함 	Hộp đựng các dụng cụ y tế thiết yếu trong tình huống khẩn cấp như: gạc, bông y tế, kéo, nhiệt kế, băng dán cá nhân, băng vải, băng dính y tế, v.v. 거즈, 탈지면, 가위, 체온계, 소독 밴드, 붕대, 반창고 등 응급상황에 꼭 필요한 물 건들을 보관하기 위한 상자

CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG Y TẾ VÀ HỆ THỐNG KHÁM, CHỮA BỆNH TẠI HÀN QUỐC

제1장한국의 의료시스템과의료 전달 체계

1.3 ĐƯỜNG DÂY NÓNG CỦA CÁC CƠ SỞ Y TẾ

의료 서비스 관련 연락처



Nếu tôi muốn sử dụng dịch vụ y tế nhưng lại không biết tiếng Hàn thì tôi phải liên lạc tới đâu?

한국어를 못 하는 경우, 의료 서비스를 이용하려면 어디에 연락해야 하나요?



Bạn có thể gọi tới tổng đài Danuri ( 1577-1366) và yêu cầu dịch vụ phiên dịch.

다누리 콜센터(1577-1366)에 전화해서 통역 서비스를 요청합니다.

**Dịch vụ phiên dịch - Trung tâm khách hàng của Bảo hiểm sức khỏe,
Trung tâm hỗ trợ tổng hợp cho người nước ngoài, Tổng đài Danuri**
건강보험 고객센터 통역 서비스, 외국인 종합안내센터, 다누리 콜센터

Dịch vụ phiên dịch - Trung tâm khách hàng của Bảo hiểm sức khỏe

건강보험 고객센터 통역 서비스



1577-1000 (Tư vấn bằng tiếng nước ngoài, phím số 7) 외국어 상담 7번



033-881-2000 (Tiếng Việt, phím số 3) 베트남어 3번

Trung tâm hỗ trợ tổng hợp cho người nước ngoài

외국인 종합안내센터



1345

Thời gian hoạt động

이용시간

09:00 ~ 22:00: Tiếng Hàn, Tiếng Trung, Tiếng Anh 한국어, 중국어, 영어

09:00 ~ 18:00: Tiếng Việt 베트남어

Tổng đài Danuri

다누리 콜센터



1577-1366

Hỗ trợ 13 thứ tiếng dành cho các đối tượng là người nhập cư,
gia đình đa văn hóa. Hoạt động 24 giờ/ngày, 365 ngày.

이주민, 다문화가족 대상으로 13개국어 365일 24시간 운영.



CHƯƠNG 2: BẢO HIỂM Y TẾ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ

제2장 : 건강보험과 의료서비스



CHƯƠNG 2: BẢO HIỂM Y TẾ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ

제2장건강보험과 의료서비스

2.1 BẢO HIỂM Y TẾ LÀ GÌ 건강보험이란?



Bảo hiểm y tế là bảo hiểm hỗ trợ chi trả viện phí cho quá trình khám, chữa bệnh, sinh đẻ, kiểm tra sức khỏe tại bệnh viện. Người dân có nghĩa vụ phải tham gia bảo hiểm y tế.

건강보험은 병원에서 진료를 보거나 치료를 받을 때, 출산할 때, 건강검진을 받을 때 드는 비용을 지원해주는 보험입니다. 건강보험은 의무적으로 가입해야 합니다.



Khi tham gia bảo hiểm y tế, người nước ngoài cũng được hưởng đầy đủ các quyền lợi của bảo hiểm y tế giống như người Hàn Quốc.

건강보험 가입 시 이주민은 내국인과 같은 건강보험 혜택을 받을 수 있습니다.

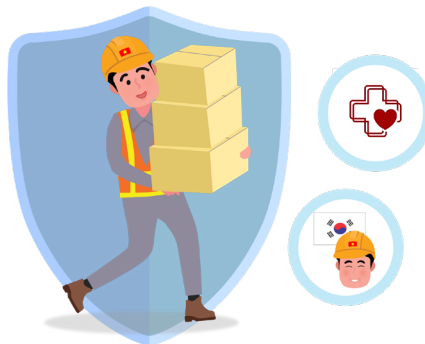
2.2 MỘT SỐ ĐIỀU BẠN CẦN BIẾT VỀ BẢO HIỂM Y TẾ 건강보험

(1) Bảo hiểm y tế và tham gia bảo hiểm y tế 건강보험과 가입



Xin chào. Tôi là Duy, đến từ Việt Nam. Hiện nay, tôi đang làm việc tại một nhà máy ở Busan. Thời gian gần đây, đầu gối của tôi bị đau và tôi định đi khám ở bệnh viện. Tôi có một vài thắc mắc về bảo hiểm y tế. Đầu tiên, bảo hiểm y tế là gì?

안녕하세요. 저는 베트남에서 온 Duy입니다. 부산 공장에서 일하고 있습니다. 최근에 무릎이 아파서 병원에 가려고 하는데 건강보험에 대해서 궁금합니다. 우선 건강보험이 무엇 인가요?





Bảo hiểm y tế là bảo hiểm hỗ trợ chi trả viện phí cho người đóng bảo hiểm.

Các quyền lợi của bảo hiểm y tế bao gồm:

1. Chi trả 40-70% phí điều trị ngoại trú
2. Chi trả 80% phí điều trị nội trú
3. Chi trả các chi phí kiểm tra sức khỏe trong chương trình khám sức khỏe quốc gia, v.v.

건강보험은 병원비를 지원해주는 보험입니다. 건강보험의 혜택은 다음과 같습니다.

1. 진료 외래 비용 40 - 70% 지원
2. 입원 비용 80% 지원
3. 국가 건강검진 비용 지원



Công ty có đăng ký bảo hiểm y tế cho tôi không? Hay tôi phải tự đăng ký?

저도 건강보험에 가입되어 있나요? 아니면 따로 신청해야 하나요?



Tất cả người lao động nước ngoài đang làm việc tại Hàn Quốc đều phải tham gia bảo hiểm y tế. Có hai loại bảo hiểm y tế là:

1. Bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp
2. Bảo hiểm y tế của địa phương

Bởi vì bạn Duy đã đăng ký tại nơi làm việc nên bạn đang tham gia **bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp**.

Chủ doanh nghiệp có nghĩa vụ phải đăng ký cho toàn bộ lao động của doanh nghiệp tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp nên bạn không cần phải tự đăng ký bảo hiểm y tế.

한국에서 일하시는 외국인 근로자들은 모두 가입하셔야 합니다. 두 가지의 건강보험이 있습니다.

1. 직장가입 건강보험
2. 지역가입 건강보험

Duy씨는 직장에 등록 되어 있기 때문에 “직장가입 건강보험”에 가입됩니다.

사장님의 신고를 통해 자동으로 직장가입 건강보험이 적용되며 가입을 따로 신청할 필요는 없습니다.



CHƯƠNG 2: BẢO HIỂM Y TẾ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ

제2장건강보험과 의료서비스



Vậy tôi có phải tự đăng ký để trở thành người tham gia bảo hiểm y tế của địa phương không?
그럼 지역가입자는 본인이 직접 가입을 해야 하나요?



Nếu bạn không thể tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp do bạn đang làm tại một doanh nghiệp không có Đăng ký doanh nghiệp (người có tư cách lưu trú E-9), thì ngay sau khi nhập cảnh, bạn sẽ được đăng ký để trở thành người tham gia bảo hiểm của địa phương.

사업자등록이 없는 사업장에 고용되어 직장가입에 등록할 수 없다면 (E-9 체류자격 소지자) 입국 즉시 지역가입자 로 가입됩니다.



Xin chào, tôi là Anh, bạn cùng quê với Duy. Tôi đến Hàn Quốc bằng visa lao động trên tàu thuyền (E-10) và tôi đang là thuyền viên làm việc trên thuyền. Tôi có được đăng ký tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp giống như Duy không?

안녕하세요, 저는 Duy의 고향 친구 Anh이라고 합니다. 저는 선원취업 (E-10) 비자로 한국에 들어와 배에서 선원으로 일하고 있어요. 저 또한 Duy처럼 직장가입 건강보험에 가입되어 있나요?



Bạn Anh cũng đã đăng ký tại nơi làm việc nên bạn đã được tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp. Tương tự như trường hợp của Duy, sau khi khai báo với cơ quan chính quyền về thông tin người lao động, chủ doanh nghiệp của bạn Anh cũng sẽ đăng ký tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp cho bạn và bạn không cần phải tự đăng ký riêng.

Anh씨도 직장에 등록되어 있기 때문에 직장가입 건강보험에 가입됩니다. 마찬가지로 사장님의 신고를 통해 자동으로 직장가입 건강보험이 적용되며 보험가입을 따로 신청하실 필요 없습니다.

BẢO HIỂM VÀ PHÚC LỢI Y TẾ

Tuy nhiên, nếu được tuyển dụng vào làm tại doanh nghiệp không có Đăng ký doanh nghiệp (đơn vị đăng ký hoạt động dưới hình thức tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp hoặc lĩnh vực ngư nghiệp) thì bạn sẽ không thể tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp. 15 ngày sau khi nhập cảnh vào Hàn Quốc, bạn có thể liên hệ tới Tổng công ty Bảo hiểm y tế để kiểm tra tình trạng tham gia bảo hiểm y tế của bản thân.

하지만 사업자등록 없는 사업장 (농업경영체, 어업경영체로 등록된 사업장)에 고용 시 직장가입 건강보험에 가입할 수 없습니다. 입국 15일 후 건강보험공단에 전화해서 본인의 건강보험 가입 상태를 확인할 수 있습니다.



Xin chào, tôi tên là Mai. Tôi cũng có một vài câu hỏi! Tôi đã nghỉ việc ở công ty cũ và dự kiến sẽ làm việc tại công ty mới (thay đổi nơi làm việc). Tôi đã được đăng ký tham gia bảo hiểm theo doanh nghiệp tại công ty cũ, vậy tôi có bị chuyển thành người tham gia bảo hiểm của địa phương không?

안녕하세요, 저는 Mai이라고 해요. 저도 질문이 있어요! 현재 이전 직장을 그만두고 곧 다른 사업장에서 일할 (사업자 변경) 예정입니다. 이전 직장에서는 직장가입자 였는데 지역가입자로 전환되나요?

Khi bạn Mai thay đổi nơi làm việc thì tư cách người tham gia bảo hiểm theo doanh nghiệp tại công ty cũ của bạn sẽ bị mất và bạn sẽ tự động được chuyển thành người tham gia bảo hiểm của địa phương.

Mai씨는 이전 직장에서 사업자 변경을 할 시 이전 직장의 직장가입자 자격이 상실되면서 자동으로 지역 가입자로 전환됩니다.





CHƯƠNG 2: BẢO HIỂM Y TẾ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ

제2장건강보험과 의료서비스



Các quyền lợi của bảo hiểm y tế của địa phương và bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp có giống nhau không?

지역가입 건강보험과 직장가입 건강보험의 혜택은 동일한가요?

Có, các quyền lợi của bảo hiểm y tế của địa phương và bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp là giống nhau. Để biết thêm chi tiết về việc tham gia bảo hiểm y tế, bạn có thể tham khảo nội dung bên dưới.

네, 지역가입 건강보험과 직장가입 건강보험의 혜택은 동일합니다. 건강보험 가입에 대한 더 자세한 설명은 아래 내용을 참고해 주시기 바랍니다.



Xin chào, tôi là Hiếu. Tôi đến Hàn Quốc với visa lao động ngắn hạn (E-8). Vì tôi có việc làm nên tôi cũng là người tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp có phải không? Hay tôi là người tham gia bảo hiểm y tế của địa phương?

안녕하세요, 저는Hieu입니다. 계절 근로(E-8) 비자로 한국에 들어왔어요. 저도 직장이 있으니 직장가입자인가요? 아니면 지역가입자인가요?

Nếu bạn Hiếu là người lao động ngắn hạn thì bạn phải liên hệ với người sử dụng lao động hoặc cơ quan hữu quan (cơ quan địa phương, v.v.) để kiểm tra xem bản thân đang được đăng ký tham gia loại bảo hiểm y tế nào. Ngoài ra, với trường hợp của người lao động ngắn hạn thì chúng tôi kiến nghị người lao động nên kiểm tra các nội dung liên quan đến vấn đề bảo hiểm trước khi nhập cảnh vào Hàn Quốc.

Hieu님께서 계절 근로자시라면 고용주나 관련 정부기관(지방자치단체 등)에 문의하여 본인이 어떤 건강 보험에 가입되어 있는지 확인해 보셔야 합니다. 또한, 계절 근로자의 경우, 한국 입국 전 보험과 관련한 사항을 미리 확인하시는 것을 권장합니다.



BẢO HIỂM VÀ PHÚC LỢI Y TẾ



Làm thế nào để tham gia bảo hiểm y tế? Sự khác nhau giữa bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp và bảo hiểm y tế của địa phương là gì?

건강보험 가입은 어떻게 하나요? 직장가입과 지역가입의 차이는 뭔가요?



Nếu bạn có tư cách lưu trú tại Hàn Quốc thì bạn có thể tham gia bảo hiểm y tế. Người tham gia bảo hiểm y tế được chia thành hai loại lớn là:

1. Người tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp
2. Người tham gia bảo hiểm y tế của địa phương

국내 체류자격을 가지면 건강보험에 가입할 수 있습니다. 국민건강보험 가입자는 크게:

1. 직장가입자와
2. 지역가입자로 나뉘집니다

	Bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp 직장가입 건강보험	Bảo hiểm y tế của địa phương 지역가입 건강보험
Cách thức tham gia 가입방법	Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp là người được người sử dụng lao động đăng ký tham gia bảo hiểm. Người sử dụng lao động có nghĩa vụ phải đăng ký tham gia bảo hiểm y tế cho người lao động với cơ quan chính quyền nên người lao động không cần tự đăng ký. 직장가입대상자는 고용주가 신고하여 의무적으로 직장가입 건강보험에 가입됩니다. 따로 가입을 하지 않아도 됩니다.	Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế của địa phương là người không tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp và sau 6 tháng kể từ ngày nhập cảnh lần đầu tiên vào Hàn Quốc sẽ tự động được đăng ký tham gia vào hệ thống bảo hiểm y tế (địa phương). Cũng có trường hợp cá nhân phải tự đăng ký. 지역가입대상자는 직장 가입자가 아닐 시, 국내 최초 입국일의 6개월이 지난 날부터 건강보험(지역가입)에 당연 가입됩니다. 따로 가입이 필요한 경우도 있습니다.
Đối tượng tham gia 가입 대상	<ul style="list-style-type: none"> • Người lao động, viên chức, hoặc giáo viên là người nước ngoài đang cư trú tại Hàn Quốc, làm việc tại các doanh nghiệp (công ty, nhà máy, v.v.). • Người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc trên 6 tháng. • 국내에 체류하는 외국인으로 사업장(회사, 공장, 등)의 근로자, 공무원 또는 교직원 • 외국인등록을 한 사람 	<ul style="list-style-type: none"> • Người nước ngoài đang cư trú tại Hàn Quốc nhưng không phải là đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp. • Người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc trên 6 tháng. • 직장가입자에 해당하지 않는 국내체류 외국인 • 6개월 이상 국내에 거주



CHƯƠNG 2: BẢO HIỂM Y TẾ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ

제2장건강보험과 의료서비스

<p>Đối tượng không thể tham gia cả bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp và bảo hiểm y tế của địa phương 직장, 지역 모두 가입 불가 대상</p>	<p>Người nước ngoài không tham gia đăng ký cư trú tại Hàn Quốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người có tư cách lưu trú là A-1 (ngoại giao), A-2 (công vụ), A-3 (hợp tác), B-1 (miễn thị thực), B-2 (du lịch quá cảnh), C-1 (phóng viên tạm trú), C-3 (visa du lịch ngắn hạn), C-4 (visa lao động thời vụ) • Người đã hết thời gian lưu trú <i>Ví dụ: Người lưu trú nhưng không đăng ký, người lưu trú ngắn hạn, người trì hoãn thời gian xuất cảnh, v.v.</i> • 외국인등록을 하지 않은 사람 • 체류자격이 A-1(외교), A-2(공무), A-3(협정), B-1(사증면제), B-2(관광통과), C-1(일시취재), C-3(단기종합), C-4(단기취업)인 사람 • 체류기간이 만료된 사람 (예: 미등록 체류자, 단기체류자, 출국기간 유예자 등) 	
<p>Đối tượng không phải tham gia bảo hiểm y tế 가입제외 대상</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Người lao động theo ngày có thời gian lao động dưới 1 tháng (người lao động ngắn hạn) • Lao động thời vụ có thời gian làm việc trong 1 tháng dưới 60 tiếng • Người lao động của doanh nghiệp (công ty, nhà máy, v.v.) không có địa chỉ cố định • 고용 기간이 1개월 미만인 일용근로자 (짧은 기간 일하는 근로자) • 1개월 동안의 일을 한 시간이 60시간 아래인 단시간근로자 • 소재지가 일정하지 않은 사업자 (회사, 공장 등) 의 근로자 	<ul style="list-style-type: none"> • Người có tư cách lưu trú là E-8 (visa lao động ngắn hạn), G-1 (khác) [Ngoại trừ người có tư cách lưu trú là G-1-6 và người thân gia đình G-1-12] • Người nhập cảnh vào Hàn Quốc chưa đủ 6 tháng [Tuy nhiên, người có tư cách lưu trú với loại hình visa là du học (D-2), đào tạo tổng hợp (D-4), lao động phổ thông (E-9), thường trú (F-5), kết hôn di trú (F-6) thì sẽ trở thành người tham gia bảo hiểm y tế của địa phương kể từ ngày nhập cảnh] • 체류자격이 E-8 (계절근로), G-1(기타)인 사람. [단, G-1(G-1-6) 와 그 가족(G-1-12)은 제외]. • 국내 입국 후 6개월이 되지 않은 사람 [단, 유학(D-2), 일반연수(D-4), 비전문취업 (E-9), 영주(F-5), 결혼이민(F-6) 체류자격자는 입국한 날 지역가입자가 됨]



BẢO HIỂM VÀ PHÚC LỢI Y TẾ



Trong trường hợp tôi bị mất việc hoặc nghỉ việc tại công ty cũ và thay đổi nơi làm việc thì tình trạng bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp được đăng ký trước đó có bị thay đổi không?

실직을 하거나 사업장 변경으로 직장을 그만두면 가입되어 있었던 직장가입 보험 상태가 변경되나요?

Nếu nghỉ việc hoặc thay đổi nơi làm việc thì người tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp sẽ tự động chuyển thành người tham gia bảo hiểm y tế của địa phương. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể duy trì tư cách người tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp thông qua “chế độ tự nguyện tiếp tục tham gia bảo hiểm” (trong trường hợp phí bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp thấp hơn phí bảo hiểm y tế của địa phương). Nếu bạn làm việc liên tục tại công ty cũ trên 1 năm thì bạn có thể đăng ký trở thành người tự nguyện tiếp tục tham gia bảo hiểm. Trong vòng 2 tháng kể từ lần đầu tiên nhận được thông báo đóng bảo hiểm y tế của địa phương, nếu bạn đăng ký tự nguyện tiếp tục tham gia bảo hiểm theo doanh nghiệp với Tổng công ty Bảo hiểm y tế quốc gia thì bạn có thể duy trì trạng thái người tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp tối đa là 36 tháng.

Về cách thức đăng ký, bạn phải nộp đơn đăng ký tự nguyện tiếp tục tham gia bảo hiểm và các giấy tờ liên quan lên Tổng công ty Bảo hiểm. Hãy liên hệ tới Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài gần nơi cư trú (*tham khảo Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.1, trang 101 - Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc*) để biết thêm thông tin về thủ tục cụ thể.

직장을 그만두거나 사업장 변경을 하면 자동으로 직장가입자에서 지역가입자로 전환됩니다. 이때 임의계속가입 제도를 통해 직장가입자의 자격을 유지할 수 있습니다 (직장가입보험료가 지역보험료보다 적은 경우 한함). 이전 직장에서 1년 이상 재직하면 임의계속가입자 신청이 가능합니다. 최초로 지역가입자 보험료를 고지 받은 날부터 2개월이 지나기 전까지 국민건강보험공단에 임의계속가입을 신청하면 최장 36개월까지 직장가입자의 자격을 유지할 수 있습니다.

가입 방법은 공단에 임의계속가입 신청서와 관련 서류를 제출해야 합니다. 자세한 절차는 가까운 외국인노동자지원센터 (고용노동부 산하 외국인노동자지원센터 - 101페이지, 제8.1조, 주요연락처. 제8장 참고) 에 문의하세요.



Làm thế nào để tôi xác định được mình đang tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp hay bảo hiểm y tế của địa phương?

직장보험/지역보험 중 제가 어떤 보험을 갖고 있는지 모르겠어요?

Để xác nhận một cách chính xác thông tin về tư cách tham gia bảo hiểm y tế của bản thân, bạn có thể đến Trung tâm một cửa dành cho người nước ngoài, Tổng công ty Bảo hiểm y tế quốc gia hoặc gọi điện thoại cho Trung tâm để hỏi.

(☎ 1577-1000, tư vấn bằng tiếng Việt: phím số 7)

정확한 건강보험의 자격 정보를 확인하기 위해서 가까운 국민건강보험공단 외국인 민원센터에 방문하거나 전화로 문의하세요 (1577-1000 베트남어 7번).





CHƯƠNG 2: BẢO HIỂM Y TẾ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ

제2장 건강보험과 의료서비스

(2) Đóng phí bảo hiểm y tế?

건강보험료 지불

Bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp

직장가입 건강보험



Tôi là người tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp. Tôi phải tự đóng tiền bảo hiểm đúng không? Và tôi phải đóng bảo hiểm bằng cách nào?

저는 직장가입 건강보험 가입자입니다. 보험료는 제가 다 내는 건가요? 그리고 어떻게 보험료를 내나요?



Phí bảo hiểm của bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp do công ty đóng 50% và người lao động đóng 50%.

Vì phí bảo hiểm được trích ra từ lương tháng nên bạn Duy sẽ không cần phải trực tiếp đóng tiền bảo hiểm cho Tổng công ty Bảo hiểm y tế.

직장가입 보험료는 회사가 50%, 본인이 50% 부담합니다.

직장가입 보험료는 월급에서 자동으로 나가기 때문에 Duy씨가 직접 보험료를 보험공단에 내지 않습니다.



Nghĩa là phí bảo hiểm của chúng tôi cũng được trích tự động từ lương tháng vì chúng tôi cũng đang tham gia bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp đúng không?

저희들도 직장가입 건강보험에 가입되어 있으니 월급에서 보험료가 자동으로 빠져나가겠군요?

Đúng vậy. Vì phí bảo hiểm sẽ được trích tự động từ lương tháng nên các bạn sẽ không cần phải trực tiếp đóng tiền bảo hiểm cho Tổng công ty Bảo hiểm y tế.

네 맞습니다. 보험료가 자동으로 월급에서 빠져나가기 때문에 보험공단에 따로 보험료를 내지 않습니다.



BẢO HIỂM VÀ PHÚC LỢI Y TẾ

Bảo hiểm y tế của địa phương 지역가입 건강보험



Nếu tôi nghỉ việc ở công ty và trở thành người tham gia bảo hiểm y tế của địa phương thì tôi phải đóng phí bảo hiểm như thế nào?

만약 직장을 그만두고 나서 지역가입 건강보험 가입자가 된다면 어떻게 보험료를 내나요?



Người tham gia bảo hiểm y tế của địa phương sẽ phải trực tiếp đóng phí bảo hiểm cho Tổng công ty Bảo hiểm y tế **đến hết ngày 25 hàng tháng**. Khoản phí bảo hiểm bạn đóng tháng này là khoản đóng trước phí bảo hiểm của tháng sau.

Các cách đóng tiền bảo hiểm gồm có: đăng ký chuyển khoản tự động tại ngân hàng và tiền sẽ tự động được trích nộp, chuyển khoản bằng internet banking (dịch vụ ngân hàng trực tuyến), nhận giấy báo nộp phí (hoặc thư) rồi cầm giấy báo này đến ngân hàng và đóng tiền bảo hiểm, v.v.

지역가입 건강보험료는 가입자가 직접 매월 25일까지 보험공단에 보험료를 내야 합니다. 이때 내는 보험료는 다음 달 보험료를 미리 내는 것입니다.

보험료를 내는 방법으로는 은행에 자동이체를 신청해 자동으로 돈이 빠져나가게 하거나, 인터넷뱅킹으로 계좌 이체를 하거나, 고지서(우편)를 받아 이를 은행에 가져가 보험료를 내는 방법 등이 있습니다.



A ha! Vậy tức là người tham gia bảo hiểm y tế của địa phương sẽ phải trực tiếp đóng tiền bảo hiểm hàng tháng!

Tôi sẽ ghi nhớ hạn nộp là đến hết ngày 25 hàng tháng!

아하! 지역가입자는 매월 직접 보험료를 내야 하는군요! 매월 25일까지를 기억해야겠네요!

Đúng vậy. Để biết thêm nội dung chi tiết về đóng tiền bảo hiểm y tế, bạn có thể tham khảo nội dung bên dưới.

네 맞습니다. 건강보험료 납부에 대한 더 자세한 내용은 아래 내용을 참고해 주시기 바랍니다.






CHƯƠNG 2: BẢO HIỂM Y TẾ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ

제2장건강보험과 의료서비스



Cách đóng tiền bảo hiểm y tế là gì? Sự khác nhau khi đóng bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp và bảo hiểm y tế của địa phương là gì?

건강보험료는 어떻게 내나요? 직장가입과 지역가입의 차이는 뭔가요?

	Bảo hiểm sức khỏe theo doanh nghiệp	직장가입 건강보험
Đóng bảo hiểm/ Thanh toán 보험료 납부/ 정산	<p>Công ty đóng 50% và người lao động đóng 50% cho phí bảo hiểm y tế theo doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> Khoản tiền bảo hiểm thuộc nghĩa vụ chi trả của người lao động sẽ được khấu trừ trực tiếp từ tiền lương hàng tháng. Do đó, người lao động không cần phải đóng riêng tiền bảo hiểm nữa. Bạn có thể tính toán số tiền bảo hiểm theo doanh nghiệp căn cứ theo mức tiền lương. Bạn có thể tính toán số tiền bảo hiểm phải đóng ở trang web Công cụ tính toán bảo hiểm y tế tại trang chủ của Bảo hiểm y tế quốc gia: 	<p>직장가입 건강보험료는 회사 50%, 본인이 50% 부담합니다.</p> <ul style="list-style-type: none"> 본인이 내는 보험료는 회사에서 받는 월급에서 제외됩니다. 따라서 보험료를 따로 낼 필요 없습니다. 월급에 따른 직장보험료를 계산할 수 있습니다. 아래 홈페이지에서보험료를 계산해 보세요. 국민건강보험홈페이지건강보험료 모의 계산 관련 링크: 
Thời hạn đóng bảo hiểm/ Phương pháp 납부기한/ 방법	<ul style="list-style-type: none"> Phí bảo hiểm được trích tự động từ tiền lương tháng. Vì vậy, tiền lương mà người lao động nhận được là số tiền sau khi đã khấu trừ khoản đóng phí bảo hiểm. Nếu trong bảng lương không thể hiện rõ nội dung đã trích tiền đóng phí bảo hiểm thì bạn hãy gọi điện đến Tổng công ty Bảo hiểm y tế để kiểm tra tình trạng nộp phí bảo hiểm y tế của bản thân. 	<ul style="list-style-type: none"> 월급에서 보험료가 자동으로 빠져 나갑니다. 그래서 월급을 받을 때 보험료를 제외한 나머지 금액을 받습니다. 급여 명세서에 보험료가 공제되는지 불확실하다면 건강보험공단에 전화해서 건강보험료 납부 상태를 확인하세요.

BẢO HIỂM VÀ PHÚC LỢI Y TẾ

	Bảo hiểm y tế của địa phương	지역가입 건강보험
Đóng bảo hiểm/ Thanh toán 보험료납부/ 정산	<ul style="list-style-type: none"> Tất cả mọi người trong gia đình của người tham gia bảo hiểm cùng đóng. 	<ul style="list-style-type: none"> 가입자가 속한 가족 모두가 함께 부담합니다.
Thời hạn đóng bảo hiểm/ Phương pháp 납부기한/ 방법	<ul style="list-style-type: none"> Hạn nộp tiền bảo hiểm là ngày 25 hàng tháng. Hạn cuối nộp tiền bảo hiểm cho tháng sau là ngày 25 của tháng trước đó. Phương thức đóng phí bảo hiểm: chuyển khoản tự động, nộp tiền trực tuyến, nộp tại quầy giao dịch của ngân hàng, nộp bằng thẻ tín dụng, v.v. 	<ul style="list-style-type: none"> 25일까지 보험료를 냅니다. 보험료는 매월 25일까지 다음 달의 보험료를 미리 냅니다. 납부 방법: 자동이체, 온라인 납부, 지사창구 방문 수납, 신용카드 수납 등.



Trong trường hợp thay đổi địa chỉ cư trú, sau khi khai báo lên Phòng người nước ngoài - Cục quản lý xuất nhập cảnh, người lao động cũng phải khai báo thông tin này tới Tổng công ty Bảo hiểm y tế (Trung tâm hỗ trợ người nước ngoài).

주소가 변경된 경우 출입국 외국인청에 신고한 후 건강보험공단 (외국인 민원센터) 에도 신고해야 합니다.



Đóng phí bảo hiểm y tế bằng chuyển khoản tự động hoặc giấy báo nộp tiền điện tử: Nếu đăng ký chuyển khoản tự động thì bạn có thể đóng phí bảo hiểm hàng tháng một cách thuận tiện mà không lo bị quá hạn nộp tiền. Nếu bạn đăng ký đóng phí bảo hiểm bằng giấy báo nộp phí điện tử thì bạn sẽ nhận được giấy báo nộp tiền qua email cá nhân. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ:

건강보험료 자동이체/전자 고지서- 자동이체 신청을 하면 밀리지 않고 보험료를 매달 편리하게 낼 수 있습니다. 전자 고지 신청을 하면 이메일로 건강보험 고지서를 받아볼 수 있습니다. 국민건강보험공단:



1577-1000, Tiếng Việt phím **số 7**

1577-1000 베트남어 7번



CHƯƠNG 2: BẢO HIỂM Y TẾ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ

제2장건강보험과 의료서비스



Chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi không tham gia bảo hiểm y tế hoặc không đóng phí bảo hiểm y tế?

건강 보험에 가입하지 않거나 건강보험료를 내지 않으면 어떻게 되나요?

Nếu không đóng phí bảo hiểm thì bạn sẽ bị:

- **Giới hạn về thanh toán bảo hiểm:** Bạn sẽ không được hưởng bất cứ quyền lợi nào của bảo hiểm y tế cho đến khi đóng tiền bảo hiểm.
- **Phạt lãi quá hạn:** Bạn sẽ bị phạt một khoản lãi quá hạn tối đa là 5% của số tiền bảo hiểm cần nộp.
- **Phạt chậm nộp phí bảo hiểm:** Bạn có thể bị phong tỏa thu nhập (lương tháng/tài sản/tiền gửi ngân hàng, v.v.) nếu chậm nộp phí bảo hiểm y tế trên 3 tháng hoặc số phí chậm nộp nhiều hơn 300.000 won.
- **Giới hạn về gia hạn visa:** Trong trường hợp số phí chậm nộp lớn hơn 500.000 won, bạn có thể bị giới hạn khi đăng ký các vấn đề liên quan đến lưu trú như gia hạn visa.



건강 보험료를 납부하지 않으면:

- **보험급여 제한:** 보험료를 낼 때까지 건강보험을 사용할 수 없습니다.
- **연체금:** 보험료 최대 5%의 연체금이 부과됩니다.
- **채납처분:** 채납 기간 3개월 이상 시 또는 채납금액 30만 원 이상 시 소득(월급)/재산/예금 등을 압류할 수 있습니다.
- **비자연장 제한:** 채납금액 50만 원 이상 시 비자연장 등 체류 허가 신청 시 연장이 제한될 수 있습니다.



Tôi có được giảm phí khi đóng phí bảo hiểm y tế của địa phương không? 지역보험료를 할인 받을 수 있나요?

Bạn có thể được giảm phí bảo hiểm y tế tùy theo tư cách lưu trú của bạn và nơi bạn cư trú.

체류자격과 거주지 지역에 따라 보험료를 할인 받을 수 있습니다.



Mức giảm phí bảo hiểm y tế theo nơi cư trú

거주지 지역에 의한 경감 (할인)

Nơi lưu trú 체류자격	Mức giảm 경감률
Khu vực nông thôn - làng chài 농·어촌 지역	22%
Khu vực đảo - vùng hẻo lánh 섬·벽지 거주	50%

BẢO HIỂM VÀ PHÚC LỢI Y TẾ

Mức giảm phí bảo hiểm y tế theo tư cách lưu trú

체류자격에 의한 경감(할인)

Tư cách lưu trú 체류자격	Mức Giảm Phí 경감률
Du học sinh “người Hàn Quốc ở nước ngoài (C9), người có gốc Hàn Quốc đang sinh sống ở nước ngoài (C10), người nước ngoài (D-2), học tiếng (D-4)” 유학 “재외국민(C9), 재외동포(C10), 외국인 (D-2), 일반연수(D-4)”	Từ tháng 3/2022 đến tháng 2/2023: 60%, từ tháng 3/2023: 50%. 2022.3월부터-2023.2월까지: 60%, 2023.3월부터는 50%
Người được phép lưu trú vì lý do nhân đạo (G-1-6, G-1-12), tôn giáo (D-6) 인도적 체류허가자 등(G-1-6, G-1-12), 종교(D-6)	30%
Người nước ngoài thường trú tại Hàn Quốc (F-5) và người kết hôn nhập cư (F-6) 국내 영주 외국인(F-5) 및 결혼이민(F-6)	Được hưởng mức giảm giống như người Hàn Quốc tham gia bảo hiểm y tế địa phương (10-50%). 내국인 지역가입자와 동일하게 경감(10~50%)



Từ năm 2022, các đối tượng là người làm việc trong lĩnh vực nông - ngư nghiệp có quốc tịch nước ngoài đang cư trú tại Hàn Quốc (cư trú tại nông thôn, làng thuần nông - làng chài) sẽ được hỗ trợ tối đa 28% tiền bảo hiểm (Mức giảm theo khu vực nông thôn 22% + hỗ trợ người làm nông - ngư nghiệp 0-28% = tối đa 50%). Mức giảm theo nơi cư trú được tự động áp dụng khi cá nhân đóng bảo hiểm y tế còn đối với mức giảm dành cho đối tượng là người làm việc trong lĩnh vực nông - ngư nghiệp thì cá nhân phải thực hiện đăng ký.

Người nước ngoài là đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm y tế cho người làm nông - ngư nghiệp có thể đăng ký tại Tổng công ty Bảo hiểm y tế gần nơi cư trú. Hãy đăng ký sau khi tham khảo ý kiến tư vấn tại Tổng công ty Bảo hiểm y tế quốc gia (☎ 1577-1000, tư vấn bằng tiếng Việt: phím số 7).

2022년부터 국내에 거주하는 외국 국적 농어업인 (농어촌, 준 농어촌 거주) 을 대상으로 보험료의 최대 28%를 지원합니다 (농어촌 경감 22%+ 농어업인지원 0~28%= 최대 50%). 거주지 지역에 의한 경감은 자동으로 적용되고 농어업인 대상 경감은 따로 신청해야 합니다.

지원대상자는 가까운 건강보험공단에 농업인 건강보험료 지원 신청 가능합니다. 국민건강보험공단 (1577-1000 베트남어 7번)에 상담 후 신청하세요.



CHƯƠNG 2: BẢO HIỂM Y TẾ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ

제2장 건강보험과 의료서비스

(3) Các quyền lợi của bảo hiểm y tế

건강보험 혜택



Tôi bị ốm nên phải đến bệnh viện. May có bảo hiểm y tế mà gánh nặng viện phí của tôi đã giảm đi.

아파서 병원에 갔는데 건강보험 덕분에 병원비 부담을 줄 일 수 있었어요.



Mới đây, tôi đã nhận được thông báo từ Tổng công ty Bảo hiểm về việc đi khám sức khỏe. Tôi đã được khám sức khỏe miễn phí tại một bệnh viện gần nhà. Tôi cảm thấy rất yên tâm vì có thể thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ.

최근 보험공단에서 건강검진을 받으라고 안내를 받았어요. 가까운 병원에 가서 건강검진을 무료로 받았어요. 내 건강을 정기적으로 확인할 수 있어서 안심이에요.



Quyền lợi của bảo hiểm y tế là gì?

건강 보험의 혜택은 뭔가요?

Khi tham gia bảo hiểm y tế:

1. Bạn sẽ được chi trả khoảng 40-70% phí điều trị trong trường hợp khám chữa bệnh ngoại trú.
2. Bạn có thể được chi trả khoảng 80% phí điều trị nội trú trong trường hợp phải nhập viện.
3. Những người là đối tượng kiểm tra sức khỏe quốc gia sẽ được miễn phí chi phí kiểm tra sức khỏe.

Để xác định bản thân có phải là đối tượng kiểm tra sức khỏe hay không, hãy liên hệ tới tổng đài của Tổng công ty Bảo hiểm y tế quốc gia (☎ 1577-1000, tư vấn bằng tiếng Việt: phím số 7).

건강보험에 가입하면:

1. 입원하지 않고 진료만 받는 경우, 진료비의 40~70%를 지원받습니다.
2. 입원할 경우, 입원 진료비 약 80%를 혜택 받을 수 있습니다.
3. 국가 건강검진 대상자가 되며 건강검진이 무료입니다.

본인이 건강검진 대상인지 확인하려면 국민건강보험공단 고객센터 (1577-1000 베트남어 7번)에 연락하세요.





Sự khác nhau giữa phần chi phí điều trị được chi trả và không được chi trả trên hóa đơn viện phí là gì?

진료비 영수증에 급여와 비급여의 차이는 뭔가요?

Các hạng mục phí điều trị 진료비 항목	Chi trả 급여		Không chi trả 비급여
	Cá nhân tự chi trả 1 phần 일부 본인부담금		
	Cá nhân tự chi trả 본인부담금	Tổng công ty bảo hiểm chi trả 공단부담금	
	Cá nhân tự chi trả toàn bộ 전액본인부담금		

Nguồn: Viện nghiên cứu y tế và sức khỏe Hàn Quốc

Sự khác biệt giữa phần chi trả và không chi trả trên hóa đơn viện phí 급여와 비급여의 차이

Chi trả 급여	<p>1. Cá nhân tự chi trả là số tiền còn lại mà cá nhân phải chi trả sau khi đã trừ đi chi phí được bảo hiểm y tế chi trả trong tổng phí điều trị.</p> <p>1. 본인부담금은 본인이 내야 하는 진료비로 총진료비에서 건강보험에서 지원하는 금액을 뺀 나머지만입니다.</p> <p>2. Tổng công ty bảo hiểm chi trả là số tiền bảo hiểm y tế chi trả và cá nhân không phải trả.</p> <p>2. 공단부담금은 본인이 내지 않는 비용으로 건강보험이 지원하는 금액입니다.</p> <p>3. Cá nhân tự chi trả toàn bộ là số tiền cá nhân phải tự chi trả toàn bộ trong trường hợp không được bảo hiểm y tế chi trả (có thể do chậm nộp phí bảo hiểm, không tham gia bảo hiểm y tế, v.v.).</p> <p>3. 전액본인부담금은 건강보험 혜택을 못 받는 경우(보험료가 밀림, 건강보험 없음 등) 개인이 전부 내야 하는 금액입니다.</p>
Không chi trả 비급여	<p>4. Không chi trả là số tiền cá nhân phải tự chi trả toàn bộ do dịch vụ y tế đó được bảo hiểm y tế hỗ trợ. Ví dụ: phẫu thuật điều chỉnh thị lực (lasik, lasek), phẫu thuật thẩm mỹ, làm răng giả (răng bọc kim loại), v.v.</p> <p>4. 비급여는 건강보험이 지원되지 않는 의료 서비스로, 본인이 전액을 내야 하는 금액입니다. 예를 들면, 시력교정술 (라식, 라섹), 성형외과술, 치과 보철료(금니) 등이 있습니다.</p>



CHƯƠNG 2: BẢO HIỂM Y TẾ VÀ DỊCH VỤ Y TẾ

제2장건강보험과 의료서비스



Khi muốn được tư vấn về bảo hiểm y tế thì tôi phải liên hệ tới đâu?

건강보험과 관련해서 문의하고 싶을 때는 어떻게 해야 하나요?

Cơ quan hỗ trợ 이용대상

Người nước ngoài cư trú tại khu vực Seoul/Gyeonggi/Incheon có thể xin ý kiến tư vấn tại Trung tâm một cửa dành cho người nước ngoài, Tổng công ty Bảo hiểm y tế quốc gia.

Người nước ngoài cư trú tại các khu vực khác và người Hàn Quốc cư trú tại nước ngoài có thể yêu cầu tư vấn tại các chi nhánh trực thuộc Tổng công ty Bảo hiểm y tế ở địa phương.

국민건강보험공단 외국인민원센터 : 서울/경기/인천 지역에 거주하는 외국인.
그 외 지역의 외국인 및 재외국민은 해당 지역 건강보험공단 지사에서 민원상담 가능.



Phương pháp đăng ký 신청방법

Đặt lịch hẹn đến trung tâm, đặt lịch trên trang chủ.

Để biết thêm thông tin chi tiết, bạn có thể liên hệ đến tổng đài của Tổng công ty Bảo hiểm y tế quốc gia (☎1577-1000, tư vấn bằng tiếng Việt: phím số 7).

방문 예약, 홈페이지 예약.
국민건강보험공단 고객센터 (1577-1000 베트남어 7번)로 문의 가능.



Tôi có thể tìm kiếm các thông tin về bảo hiểm y tế ở đâu?

건강보험에 대한 정보는 어디서 얻을 수 있나요?

Bạn có thể tìm kiếm các thông tin về bảo hiểm y tế trên **trang web Bảo hiểm y tế quốc gia**. Trang web này có hỗ trợ tiếng Việt.

국민건강보험 사이트에서 건강보험 관련 정보를 볼 수 있습니다. 베트남어 지원.

[Website của Bảo hiểm y tế quốc gia \(tiếng Việt\) 국민건강보험](#)



(4) Bảo hiểm y tế hết hạn

건강보험 상실



Khi nào thì bảo hiểm y tế của tôi hết hạn?

건강보험 혜택은 언제 없어지나요?

Bảo hiểm y tế hết hạn: ngay sau ngày xuất cảnh, sau khi kết thúc mục đích cư trú, ngay sau ngày có lệnh cưỡng chế trục xuất, sau ngày hết hạn thời gian cư trú, ngay sau ngày tử vong.

Ngoài ra, các quyền lợi của bảo hiểm y tế cũng sẽ kết thúc khi người tham gia bảo hiểm chậm nộp phí bảo hiểm.

건강보험 상실은 한국에 온 목적을 완료한 후 출국한 날의 다음날 강제퇴거 명령이 나온 다음날, 체류기간 만료일의 다음날, 사망한 날의 다음날 상실됩니다.



(5) Người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc chưa đăng ký thông tin cư trú

미등록 이주 노동자



Người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc chưa đăng ký thông tin cư trú có thể sử dụng các dịch vụ y tế hay không?

미등록 이주 노동자는 의료서비스를 이용할 수 있나요?

Chính phủ Hàn Quốc đang thực hiện một **chương trình hỗ trợ dịch vụ y tế** (hỗ trợ phí điều trị) dành cho người nước ngoài chưa được nhận các quyền lợi y tế do chưa tham gia bảo hiểm y tế.

Hãy liên hệ tới Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc để được hỗ trợ giải đáp về vấn đề này (*Tham khảo Chương 8, mục 8.1, trang 101 - Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc*) hoặc liên hệ tới các cơ quan hữu quan (*Tham khảo Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.4, trang 110 - Trung tâm hỗ trợ dịch vụ y tế dành cho người di cư, và mục 8.5, trang 112 - Trung tâm hỗ trợ người nước ngoài di cư không đăng ký thông tin cư trú*) để biết thêm thông tin liên quan đến hoạt động khám, chữa bệnh miễn phí và chương trình hỗ trợ y tế cho người lao động nước ngoài.

정부에서 건강보험에 가입되지 않고 의료혜택을 받을 수 없는 외국인을 위한 의료지원 사업 (진료비 지원)을 진행하고 있습니다.

외국인근로자 의료지원 사업 관련 정보와 무료 진료 클리닉 관련 정보는 (고용노동부 산하 외국인 노동자 지원센터 - 101페이지, 8.1조, 8장 참고), 또는 관련 지원기관 (이주자 의료서비스 지원기관 - 110페이지, 8.4조, 주요연락처, 8장), (미등록 이주자 지원기관 - 112페이지, 8.5조 참고), 지역 이주민 센터에 문의하세요.





CHƯƠNG 3: KIỂM TRA SỨC KHOẺ

제3장: 건강검진





Mai ơi, cậu có được Tổng công ty Bảo hiểm y tế thông báo về việc kiểm tra sức khỏe không?

MAI,너도 건강검진 받으라고 건강보험공단에서 안내 받았어?

Có, tớ nhận được giấy báo qua đường bưu điện rồi. Nhưng việc kiểm tra ấy tốn nhiều tiền lắm phải không?

응. 우편으로 받았어. 근데 그거 돈 많이 드는 거 아니야?



Không đâu. Bọn mình đã tham gia vào bảo hiểm y tế nên mình sẽ được kiểm tra sức khỏe **miễn phí 1 năm một lần** đấy.

아니야. 우리 건강보험 가입자여서 1년에 한번씩 무료로 건강검진 받으러 갈 수 있어.

Ờ thế à! Đợt này tớ cứ thấy người uể oải, mệt mỏi suốt thôi nên nếu được đi khám thì tốt quá. Nhưng bọn mình còn phải đi làm thì không biết mình có kịp đi khám trong giờ làm việc của các bệnh viện không nhỉ? Với lại bọn mình có được đi khám trong giờ làm việc của bọn mình không?

오 그렇구나! 그럼 요새 몸이 계속 피곤한데 한번 건강검진을 받아보면 좋겠다. 근데 우리가 일하느라 병원 문 여는 시간에 건강검진을 받으러 갈 수 있을까? 근무시간에 건강검진 받으러 가도 돼?



Tất nhiên rồi. Luật pháp đã quy định là mình được đi kiểm tra sức khỏe trong giờ làm việc của bọn mình rồi. Có một bệnh viện khám sức khỏe ở gần chỗ làm việc của bọn mình đấy. Tớ sẽ gọi điện đặt trước lịch khám, cậu đi cùng luôn nhé?

그럼. 우리는 근무 시간 내에 건강검진을 받으러 갈 수 있게 법이 보장하고 있어. 우리 회사 근처에 건강검진 받을 수 있는 병원 있어. 내가 전화로 미리 예약할 테니까 같이 가자.

Ừ, tốt quá!
좋아!



Cậu nhớ phải mang theo phiếu kiểm tra sức khỏe và giấy tờ tùy thân lúc đi khám đấy nhé!

건강검진표하고 신분증 챙겨오는 거 잊지 마!

Ừ, tớ nhớ rồi.
응응 그래!

3.1 KIỂM TRA SỨC KHỎE THÔNG THƯỜNG VÀ KIỂM TRA TẦM SOÁT UNG THƯ

일반건강검진과 암검진



Tôi có được đi kiểm tra sức khỏe không? Tôi sẽ được làm những loại kiểm tra nào khi kiểm tra sức khỏe?

저는 건강검진을 받을 수 있나요? 어떤 건강검진을 받을 수 있나요?

Nếu bạn đang tham gia bảo hiểm y tế hoặc bảo hiểm việc làm thì bạn sẽ được kiểm tra sức khỏe. Kiểm tra sức khỏe được chia làm hai loại là **kiểm tra sức khỏe thông thường và kiểm tra tầm soát ung thư**.

- Bạn là công nhân lao động, bạn có thể đăng kí kiểm tra sức khỏe thông thường 1 năm 1 lần (nếu bạn là nhân viên văn phòng thì bạn sẽ được kiểm tra sức khỏe miễn phí 2 năm 1 lần).
- Đối với kiểm tra tầm soát ung thư thì tùy từng hạng mục mà bạn sẽ được kiểm tra hàng năm hoặc 2 năm một lần.
- Ngoài ra, cũng tùy từng hạng mục kiểm tra tầm soát ung thư mà bạn sẽ phải chi trả 10% tổng chi phí hoặc được miễn phí hoàn toàn.

건강보험이나 고용보험에 가입되어 있다면 건강검진을 받을 수 있습니다. 건강검진은 크게 일반건강검진과 암검진으로 구분됩니다.

- 작업자의 경우 1년 1회 일반건강검진을 등록할 수 있다 (사무직의 경우 2년에 1회 무료로 건강검진을 받을 수 있다).
- 암검진은 검사 항목에 따라 2년 혹은 1년에 한번 받습니다.
- 암검진 비용은 검사항목에 따라 10%를 부담하거나 무료입니다.



Kiểm tra sức khỏe thông thường và kiểm tra tầm soát ung thư 일반건강검진과 암검진

Phân loại 구분	Kiểm tra sức khỏe thông thường 일반건강검진	Kiểm tra tầm soát ung thư 암검진
Đối tượng 대상	Người tham gia bảo hiểm sức khỏe 건강보험 가입자. Người tham gia bảo hiểm doanh nghiệp 직장가입자. Người tham gia bảo hiểm địa phương là chủ hộ gia đình 세대주인 지역가입자. Các thành viên trong gia đình tham gia bảo hiểm sức khỏe từ 20 tuổi trở lên và người phụ thuộc 만 20세 이상 지역 세대원 및 피부양자.	
Chi phí 대상	Miễn phí 무료	Cá nhân tự chi trả 10% (Tuy nhiên, kiểm tra tầm soát ung thư cổ tử cung, ung thư đại tràng là miễn phí. Đối tượng được kiểm tra tầm soát ung thư quốc gia và người nhận trợ cấp y tế được miễn phí toàn bộ các hạng mục kiểm tra tầm soát ung thư). 10% 본인 부담 (단, 자궁경부암, 대장암은 무료이며 국가암 대상자, 의료급여수급자는 모든 검사항목 무료입니다)
Thời điểm 시기	1 năm 1 lần (tuy nhiên nếu bạn tham gia bảo hiểm doanh nghiệp và là nhân viên văn phòng, bạn sẽ được kiểm tra sức khỏe mỗi 2 năm 1 lần). 1년에 1번 (단, 건강보험 직장가입자이자 사무직인 경우 2년에 1번 건강검진을 받을 수 있다).	Tùy theo hạng mục kiểm tra mà thực hiện kiểm tra hàng năm hoặc 2 năm một lần. 검사항목에 따라 2년 혹은 1년에 한번
Hạng mục kiểm tra 검진항목	Các hạng mục chung 공통: Thăm khám và tư vấn, đo chiều cao, cân nặng, kiểm tra thị lực - thính lực, chụp X-quang lồng ngực, xét nghiệm máu, xét nghiệm nước tiểu, kiểm tra khoang miệng. 진찰 및 상담, 신체계측, 시력·청력검사, 흉부방사선 검사, 혈액검사, 요검사, 구강검진 Hạng mục bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, bệnh do tuổi tác: 성·연령별 항목 Rối loạn lipid máu, kháng nguyên - kháng thể viêm gan B, kiểm tra mật độ xương, suy giảm khả năng nhận thức, kiểm tra sức khỏe tinh thần, đánh giá thói quen sinh hoạt, kiểm tra các chức năng cơ thể cho người cao tuổi, kiểm tra mảng bám trên răng (các hạng mục sẽ thay đổi tùy theo độ tuổi của đối tượng kiểm tra). 이상지질혈증, B형간염항원·항체, 골밀도 검사, 인지기능장애, 정신건강검사, 생활습관평가, 노인신체기능검사, 치면세균막검사(연령에 따라 검사항목 변경)	Tầm soát ung thư dạ dày 위암: Dành cho người trên 40 tuổi, 2 năm một lần. 40세 이상, 2년 마다 Tầm soát ung thư đại tràng 대장암: Dành cho người trên 50 tuổi, hàng năm. 50세 이상, 1년 마다 Tầm soát ung thư vú 유방암: Dành cho người trên 40 tuổi, 2 năm một lần. 40세 이상, 2년 마다 Tầm soát ung thư cổ tử cung 자궁경부암: Dành cho người trên 20 tuổi, 2 năm một lần. 20세 이상, 2년 마다 Tầm soát ung thư gan 간암: Dành cho người trên 40 tuổi thuộc nhóm có nguy cơ cao, 6 tháng một lần. 0세 이상 고위험군, 6개월 마다 Tầm soát ung thư phổi 폐암: Dành cho người từ 54 - 74 tuổi thuộc nhóm có nguy cơ cao, 2 năm một lần. 만 54세~74세 고위험군, 2년 마다

3.2 KIỂM TRA SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI TẠI TRẠM Y TẾ ĐỊA PHƯƠNG

지역보건소 외국인근로자 건강검진



Người lao động nước ngoài được kiểm tra sức khỏe miễn phí tại các trạm y tế xã, phường gần nơi cư trú. Để biết thêm thông tin về phòng khám của trạm y tế gần nơi sinh sống, hãy liên hệ tới Trung tâm hướng dẫn tổng hợp cho người nước ngoài ☎ 1345.

보건소에서 외국인근로자를 대상으로 하는 건강검진을 무료로 받을 수 있습니다. 외국인종합안내센터1345를 통해서 가까운 보건소 진료실에 문의하세요.

Ngoài ra, để biết thêm nội dung chi tiết, hãy tham khảo bảng sau:

자세한 내용은 아래 표를 참고하세요.

Khám sức khỏe cho lao động người nước ngoài 외국인근로자 건강검진	
Đối tượng được kiểm tra sức khỏe 대상	<ul style="list-style-type: none"> Người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc thuộc các cơ sở sản xuất kinh doanh nằm trong khu vực phụ trách của trạm y tế địa phương 지역 보건소 관할 내 사업장 소속 외국인근로자 Người đi cư diện kết hôn cư trú tại địa phương 지역에 거주하는 결혼이민자 Người không tham gia bảo hiểm xã hội 건강보험 미가입자 가능
Chi phí kiểm tra 비용	Miễn phí (lần 1) 무료(1차)
Thời gian thực hiện kiểm tra 기간	Các ngày trong năm 연중상시 Ngày thường từ 9h sáng ~ 5h chiều 평일 오전 9시~ 오후 5시 (Thời gian cần thiết: Khoảng 30 phút ~ 1 tiếng) 소요시간 : 약 30분~1시간
Hạng mục kiểm tra 검진항목	<ul style="list-style-type: none"> Xét nghiệm máu (thiếu máu, chức năng gan, đường huyết, cholesterol, v.v.) 혈액검사(빈혈, 간기능, 혈당, 콜레스테롤 등) Xét nghiệm nước tiểu 소변검사 Chụp X-quang lồng ngực 흉부 방사선촬영 Kiểm tra các bệnh truyền nhiễm (giang mai, AIDS, viêm gan B) 전염병 검사(매독, 에이즈, B형간염) Kiểm tra khoang miệng 구강검진
Chuẩn bị 준비사항	Thẻ cư trú người nước ngoài 외국인등록증 Nhịn ăn từ 10h tối ngày hôm trước và đến kiểm tra vào ngày hôm sau 검진 전날 밤 10시부터 금식 유지 후 당일 방문 Không cần phải hẹn trước 별도 예약 필요 없음

3.3 TRÌNH TỰ THỰC HIỆN KIỂM TRA SỨC KHỎE

건강검진 절차



Trình tự thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ là gì?

정기 건강검진은 어떻게 받나요?

1. Kiểm tra xem bản thân có phải là đối tượng thuộc diện được kiểm tra sức khỏe hay không? **건강검진 대상자 확인**

Tổng công ty Bảo hiểm y tế quốc gia sẽ trực tiếp thông báo tới từng cá nhân thuộc diện được kiểm tra sức khỏe định kỳ về việc cá nhân là đối tượng được kiểm tra định kỳ và các hạng mục sẽ tiến hành kiểm tra. Nếu nhận được giấy báo hoặc tin nhắn thông báo của Tổng công ty Bảo hiểm y tế quốc gia, bạn hãy đi kiểm tra sức khỏe.

국민건강보험공단에서 건강검진 대상자에게 검사 대상자임과 검사 받을 항목을 안내합니다. 국민건강보험공단에서 안내 문자나 고지서를 받으면 검사를 하러 갑니다.

2. Đặt lịch hẹn và đến cơ sở kiểm tra sức khỏe **검진기관 예약 및 방문**

Gọi điện đặt lịch hẹn với cơ sở kiểm tra sức khỏe (bệnh viện) gần nhà và đúng giờ đã hẹn, hãy mang theo phiếu kiểm tra sức khỏe và giấy tờ tùy thân đến cơ sở kiểm tra sức khỏe để tiến hành kiểm tra.

집에서 가까운 검진 기관(병원)에 전화해 예약하고 예약시간에 맞춰 건강검진표와 신분증을 가지고 검진을 받으러 갑니다.

3. Đợi kết quả **검진결과 통보**

Vài ngày sau, bệnh viện nơi bạn đã thực hiện kiểm tra sức khỏe sẽ gửi trả kết quả kiểm tra cho bạn.

며칠 후에 검진을 실시한 병원에서 검사결과를 보내줍니다.



Tôi có thể xác nhận các thông tin về kiểm tra sức khỏe bằng cách nào?

건강검진에 대한 정보는 어떻게 확인 할 수 있나요?

Tổng công ty Bảo hiểm y tế quốc gia
국민건강보험공단

TỔNG ĐÀI 고객센터:
 **1577-1000**
Trang web tiếng Việt:
[베트남어 홈페이지](#)





CHƯƠNG 4: AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

제4장: 직업 안전 및 건강



4.1 GIỚI THIỆU VỀ GIÁO DỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP VÀ CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

안전교육 및 관련 기관 안내



Có chương trình giáo dục về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp dành cho người nước ngoài di cư không?

이주민 대상 직업 안전 및 건강을 위한 교육이 있나요?

Chủ doanh nghiệp có thể đăng ký chương trình giáo dục trực tuyến tại **Cổng thông tin điện tử Giáo dục về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp** của Cơ quan an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.

Ngoài ra, bạn có thể tham khảo các tài liệu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp bằng tiếng Việt được cung cấp tại **[Kho tài liệu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp](#)**.

산업재해예방 안전보건공단 안전보건교육포털에서 온라인 교육을 사업주가 신청할 수 있습니다.

또한, [안전보건자료실](#)에서 베트남어 안전보건자료를 확인할 수 있습니다.



Nếu bạn muốn học trực tiếp, bạn cần phải đăng ký online trước.

대면 교육을 받고 싶다면 온라인으로 먼저 신청해야 합니다.

Chương trình giáo dục về an toàn và sức khỏe tại Cổng thông tin điện tử Giáo dục về an toàn và sức khỏe:

- Giáo dục về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc (trực tiếp).
- Giáo dục về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc (tổ chức lần lượt ở khu vực tập trung đông người lao động nước ngoài).

안전보건교육포털 안전보건 교육:

- 외국인 노동자 안전보건교육(대면)
- 외국인 노동자 안전보건교육(밀집지역순회 안전보건교육)

CHƯƠNG 4: AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

제4장 직업 안전 및 건강

Ví dụ về tài liệu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp được soạn bằng tiếng Việt:

- Sách điện tử về phòng tránh rơi ngã trong ngành xây dựng (dành cho người lao động nước ngoài).
- Sách điện tử về phòng tránh tai nạn bị kẹt vào máy móc trong ngành chế tạo (dành cho người lao động nước ngoài).
- Kiểm tra an toàn vận hành (OPS) trước khi làm việc với các xe, máy móc xây dựng (dành cho người lao động nước ngoài).
- Hoạt hình dành cho người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc – Cung cấp và hướng dẫn cách sử dụng đồ bảo hộ (có Tiếng Việt).
- Video kiến thức cơ bản về an toàn lao động v.v.

베트남어 안전보건자료 예시:

- 건설업 추락예방 카드북 [외국인 근로자 전용]
- 제조업 끼임예방 카드북 [외국인 근로자 전용]
- 국인 근로자용 애니메이션_보호구 지급 및 착용 [베트남어 지원]
- 외국인 근로자용 애니메이션_보호구 지급 및 착용 [베트남어 지원]
- 산업안전 기초 동영상 등

[Truy cập tại đây:](#)



AN TOÀN VIỆC LÀM
VÀ SỨC KHOẺ



Tôi có thể tìm kiếm thông tin về dịch vụ an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp ở đâu?

산업안전보건서비스에 대한 정보는 어디서 찾나요?

Cơ quan an toàn và sức khỏe nghề nghiệp - phòng chống tai nạn lao động

산업재해예방 안전보건공단



[Kho tài liệu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp Cung cấp sách điện tử \(e-book\) về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, các ví dụ về tai nạn lao động, tờ rơi](#)

안전보건자료실 산업안전보건관련 E-BOOK, 재해사례, 브로슈어 제공



[Cổng thông tin điện tử Giáo dục về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của Cơ quan an toàn và sức khỏe nghề nghiệp](#)

안전보건공단 안전보건교육포털





Khi tôi gặp vấn đề về sức khỏe liên quan đến nghề nghiệp hoặc bị tai nạn lao động thì tôi phải liên liên hệ với ai/cơ quan nào?

직업 관련 건강 문제나 업무 관련 사고가 발생하면 누구에게/어느 기관에 연락해야 하나요?



Trung tâm tư vấn nhân lực nước ngoài

외국인력상담센터:

☎ 1577-0071

Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài

외국인노동자지원센터:

Tham khảo Chương 8, Danh bạ đường dây nóng, mục 8.1, trang 101 - Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc.

고용노동부 산하 외국인 노동자 지원센터 - 101페이지, 제8.1조, 주요연락처, 8장에 참고

4.2 BẢO HIỂM LAO ĐỘNG

고용보험



Bảo hiểm lao động là gì?

고용보험은 뭔가요?

Bảo hiểm lao động là bảo hiểm chi trả cho các trường hợp người lao động bị mất việc, nghỉ nuôi con, nghỉ làm tham gia các khoá đào tạo nghề, v.v.

고용보험은 노동자가 실직, 육아휴직, 직업훈련 등을 대비해 가입하는 보험입니다.



Bảo hiểm tai nạn lao động là gì ?

산재보험이 뭔가요?

Bảo hiểm tai nạn lao động là bảo hiểm chi trả phí điều trị cho người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc trong trường hợp bị thương trong lúc làm việc hoặc bị bệnh phải dưỡng bệnh từ 4 ngày trở lên. Trong trường hợp người lao động tử vong, bảo hiểm này sẽ chi trả trợ cấp cho gia quyến của người lao động.

Người lao động nước ngoài, không phân biệt là cư trú hợp pháp hay không đăng ký thông tin cư trú, đều có thể được nhận bồi thường giống như người Hàn Quốc nếu bị thương trong lúc làm việc. Ngoài ra, người lao động vẫn có thể yêu cầu chi trả trợ cấp ngay cả trong trường hợp chủ doanh nghiệp không hỗ trợ khai báo, đăng ký.

산재보험은 외국인근로자가 일하다가 다치거나 병에 걸려 4일 이상 요양이 필요할 때 치료 비용을 제공합니다. 근로자가 사망한 경우에는 유족 급여를 지급합니다.

외국인 근로자도 합법·미등록 체류 여부와 상관없이 대한민국 국민과 동등하게 일하다가 다쳤을 때 보상을 받을 수 있습니다. 또한 사업주가 이에 협조하지 않을 경우에도 신청이 가능합니다.

CHƯƠNG 4: AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

제4장직업 안전 및 건강



Tôi có phải tự đăng ký tham gia bảo hiểm tai nạn lao động không?

산재보험은 따로 가입해야 하나요?

Cá nhân người lao động không cần phải tự đăng ký tham gia bảo hiểm tai nạn lao động mà chủ sử dụng lao động có nghĩa vụ phải đăng ký cho người lao động. Do đó, người lao động không phải trực tiếp đăng ký tham gia hoặc đóng phí bảo hiểm tai nạn lao động mà chủ sử dụng lao động sẽ đăng ký tham gia bảo hiểm cho người lao động.

산재보험은 개인이 가입하지 않고 고용주가 근로자를 위해 의무적으로 가입하는 보험입니다. 따라서 개인이 직접 산재보험 가입을 하거나 보험료를 내지 않고 고용주가 가입 신청을 합니다.



(Tham khảo: Các hạng mục được bảo hiểm tai nạn lao động chi trả)

참고: 산재보험 급여의 종류

Điều trị và dưỡng bệnh 요양급여	Trong trường hợp cần điều trị trên 4 ngày vì tai nạn lao động, người lao động được điều trị tại cơ sở y tế do Cơ quan bảo hiểm tai nạn lao động chỉ định. 업무상의 재해로 4일 이상의 치료가 필요한 경우 대한민국 산재 지정 의료기관에서 치료 제공
Trợ cấp nghỉ phép 휴업급여	Trợ cấp tiền lương (70% trung bình tiền lương 1 ngày * số ngày nghỉ) trong thời gian người lao động không thể đi làm vì điều trị bệnh hoặc vì vết thương do tai nạn lao động gây ra. 업무상 부상 또는 질병을 치료하기 위하여 취업하지 못한 기간에 대하여 1일당 평균임금의 70%
Trợ cấp bồi thường thương tật 상병보상연금	Nếu quá 2 năm kể từ khi bắt đầu điều trị mà vết thương hoặc bệnh của người lao động vẫn không được chữa khỏi, và nếu tình trạng thương tật của người lao động đáp ứng tiêu chuẩn phân loại cấp độ khuyết tật được quy định trong luật thì người lao động sẽ được hưởng trợ cấp bồi thường thương tật thay cho trợ cấp nghỉ phép. 요양을 시작한지 2년이 지났어도 부상 또는 질병이 치유되지 않고, 그 상태가 법에서 정한 폐질등급기준에 해당될 때 휴업급여 대신 지급
Trợ cấp khuyết tật 장해급여	Trường hợp còn lưu lại khuyết tật sau khi đã điều trị xong vết thương hoặc bệnh, người lao động sẽ được nhận trợ cấp khuyết tật tương ứng với tình trạng của bản thân theo 14 cấp độ khuyết tật được quy định. 부상 또는 질병의 치료가 끝난 후 장애가 남게 되는 경우 14등급으로 구분되는 장해등급 중 자신에게 해당되는 등급의 장해급여 지급
Trợ cấp cho gia quyến và phí tổ chức tang lễ 유족급여 및 장의비	Trợ cấp cho gia quyến sống chung với người lao động đã tử vong (trợ cấp một lần) và trợ cấp phí tổ chức tang lễ. 사망한 근로자와 생계를 같이 하는 유가족에게 연금(일시금) 지급 및 장례를 치른 사람에게 장의비 지급



AN TOÀN VIỆC LÀM
VÀ SỨC KHOẺ

Làm thế nào để đăng ký hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động? 산재보험 신청은 어떻게 하나요?

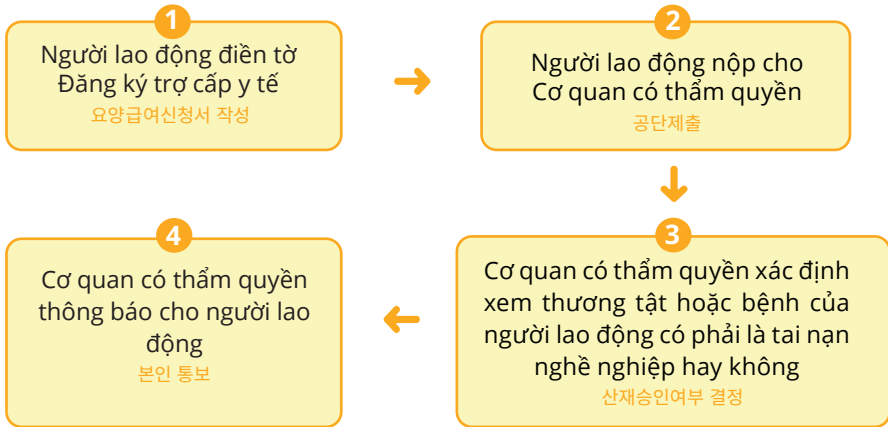


Bạn hãy điền vào tờ Đăng ký trợ cấp y tế được đặt tại trung tâm bảo hiểm tai nạn lao động hoặc được đăng tải trên trang chủ của Cơ quan phúc lợi và đền bù cho người lao động Hàn Quốc và nộp tại chi nhánh có thẩm quyền.
근로복지공단 홈페이지, 산재보험 의뢰기관에 있는 요양급여신청서를 작성하여 관할 지사에 제출합니다.산재보험 처리절차.

Cơ quan phúc lợi và đền bù cho người lao động Hàn Quốc:
근로복지공단:



 **1588-0075**




4.3 GẶP TAI NẠN KHI LÀM VIỆC

일하다가 사고를 당했을 때

Tôi gặp tai nạn khi đang làm việc. Tôi phải làm gì trong trường hợp này? 일하다가 사고를 당했어요. 어떻게 해야 하나요?



Nếu là trường hợp khẩn cấp thì bạn hãy gọi tới số  119 để yêu cầu xe cấp cứu. Nếu muốn được tư vấn về tai nạn xảy ra khi đang làm việc thì hãy liên hệ tới số sau:

응급상황이라면 119에 전화해 구급차를 부르세요. 일하다가 난 사고에 대해서 상담을 받고 싶다면 아래로 연락하세요.

CHƯƠNG 4: AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

제4장직업 안전 및 건강

Trung tâm tư vấn, Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc

고용노동부 고객상담센터

☎ 1350

Sự cố điện giật
감전사고



Sự cố rò rỉ khí ga
가스사고



Sốc nhiệt
폭염



Nguy cơ sụt lở
붕괴위험



Trong trường hợp tôi bị thương khi đang làm việc, tôi có được hưởng bảo hiểm tai nạn lao động không?

일하다가 다친 경우 산재보험이 적용되나요? 하다가 다친 경우 산재보험이 적용되나요?

Trong trường hợp bạn bị thương khi đang làm việc hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do môi trường làm việc và cần phải dưỡng bệnh từ 4 ngày trở lên thì bạn đều được hưởng bảo hiểm tai nạn lao động và được chi trả phí điều trị.

일하다가 다치거나 일하는 환경 때문에 직업병이 생겨 4일 이상 요양이 필요할 때 산재보험이 적용되어 치료 비용이 제공됩니다.



Tôi bị thương khi đang làm việc và cần phải làm phẫu thuật. Chi phí phẫu thuật sẽ do ai chi trả?

일하다가 다쳐서 수술을 받아야 한대요. 수술비는 누가 내죠?

Nếu bị thương trong lúc làm việc và phải làm phẫu thuật, người lao động không phải chi trả bất kỳ chi phí nào cho đến khi được chữa khỏi. Cơ quan phúc lợi và đền bù cho người lao động Hàn Quốc là cơ quan quản lý bảo hiểm tai nạn lao động sẽ chi trả các chi phí này.

일하다가 다쳐 수술을 받고 치유될 때까지 모든 비용은 근로자가 내지 않습니다. 산재보험을 관리하는 기관인 근로복지공단에서 비용을 냅니다.



AN TOÀN VIỆC LÀM
VÀ SỨC KHOẺ





Môi trường làm việc hiện tại của tôi không an toàn và có hại cho sức khỏe.

일하는 환경이 안전하지 않고 건강에 해로워요.

Tất cả người lao động đều có quyền được làm việc trong một môi trường an toàn. Trong trường hợp này, bạn có thể xin ý kiến tư vấn liên quan đến môi trường làm việc tại Trung tâm việc làm gần nơi sinh sống.

모든 근로자는 안전한 환경에서 일할 권리가 있습니다. 가까운 고용센터나 관련기관에 작업환경 상담을 받으세요.

Cơ quan hỗ trợ 지원기관	Thông tin liên hệ 연락처/ 관련 링크
Trung tâm tư vấn, Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc (có hỗ trợ tư vấn bằng tiếng Việt) 고용노동부 고객상담센터 (베트남어)	 1350, phím số 5 1350 5번
Trung tâm tư vấn nhân lực người nước ngoài 외국인력상담센터	 1577 - 0071
Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài ở các địa phương 지역별 외국인노동자 지원센터	Tham khảo <i>Chương 8. Danh bạ đường dây nóng</i> , mục 8.1, trang 101 - Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc. 고용노동부 산하 외국인 노동자 지원센터 - 101페이지, 제8.1조, 주요연락처, 8장에 참고



Từ sau khi bị thương trong quá trình làm việc, tôi gặp phải các di chứng từ vết thương.

일하다가 다친 이후로 후유증과 장애를 겪고 있어요.

Hãy đăng ký nhận trợ cấp khuyết tật thông qua bảo hiểm tai nạn lao động. Trong trường hợp vết thương bạn gặp phải trong quá trình làm việc đã khỏi nhưng bạn phải chịu các di chứng sau khi bị thương thì bạn có thể nhận được trợ cấp khuyết tật.

산재보험을 통해 장애급여를 신청하세요. 일하다가 다쳐 다 나아졌지만 다친 이후로 장애가 남아 있는 경우 장애급여를 받을 수 있습니다.



CHƯƠNG 4: AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

제4장 직업 안전 및 건강



Tôi bị bệnh sau một thời gian dài làm cùng một loại công việc.

같은 일을 오랫동안 하다가 병이 생겼어요.

Đối với những căn bệnh dần dần xuất hiện do tư thế làm việc cố định hoặc phải làm việc trong một môi trường nguy hiểm trong thời gian dài (bệnh nghề nghiệp), bạn có thể nhận được hỗ trợ của bảo hiểm tai nạn lao động. Tuy nhiên, chỉ khi bệnh của bạn xuất hiện trong quá trình làm việc chứ không phải xuất hiện một cách tự nhiên thì bạn mới có thể nhận được hỗ trợ.

위험한 작업환경에서 오랫동안 일하거나 동일한 작업 자세로 인해 서서히 발생하는 병(직업병)은 상해보험 혜택을 받을 수 있습니다. 단, 자연적으로 생긴 병이 아니라 일을 하다가 생긴 병이어야 보험 혜택을 받을 수 있습니다.



4.5 TRƯỜNG HỢP NGƯỜI LAO ĐỘNG DI CƯ TỬ VONG TRONG QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC TẠI HÀN QUỐC

한국에서 근로계약기간 내에 이주 노동자가 사망한 경우



Tôi có người thân đang làm việc tại Hàn Quốc và bị tử vong trong quá trình làm việc, tôi nên liên lạc với ai?

한국에서 일하고 있는 친척 한 분이 근로계약기간 내에 사망했습니다. 어디에 연락해야 하나요?

Nếu bạn có người thân làm việc tại Hàn Quốc và tử vong trong thời gian đang làm việc theo hợp đồng, người sử dụng lao động sẽ thông báo cho Cơ quan cảnh sát Hàn Quốc. Sau đó Cơ quan cảnh sát sẽ thông báo tới Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Trên cơ sở thông tin từ Cơ quan cảnh sát Hàn Quốc, Ban Quản lý lao động thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc sẽ thông báo cho Trung tâm Lao động ngoài nước (COLAB) hoặc cơ quan phái cử lao động để tiến hành các thủ tục theo quy định.

한국에서 일하고 있는 친척이 근로계약기간 내에 사망한 경우 고용주는 대한민국 경찰청에 통보할 것입니다. 이후 경찰청은 주한 베트남대사관에 통보할 것입니다. 한국 경찰청의 정보를 바탕으로 주한 베트남대사관 산하 노동관리위원회가 해외근로자센터(COLAB) 또는 노동 송출기관에 통보하여 규정에 따라 절차를 진행할 것입니다.



Nếu bạn đang cư trú tại Việt Nam, hãy liên hệ đến:

Phòng Bảo hộ công dân, Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao

Địa chỉ: Số 40, phố Trần Phú, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Hotline: (+84) 981.84.84.84

Email: baohocongdan@gmail.com; cls.mfa@mofa.gov.vn

Website

베트남에 거주하고 있는 경우, 다음 기관으로 연락하세요:

국민보호실, 베트남 외교부, 영사국

• 주소: 베트남, 하노이시, 바딩구, 찌언푸길 40번지.

• 전화번호: (+84) 981.84.84.84

• 전화번호: baohocongdan@gmail.com; cls.mfa@mofa.gov.vn

• 홈페이지



Nếu bạn đang sinh sống ở Hàn Quốc, hãy liên hệ đến:

Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

Địa chỉ: 123 Bukchon-ro, Jongno-gu, Seoul, Korea (03052)

Email: vietnameosystemseoul@gmail.com

Điện thoại: (82-2) 7399 399

Website

한국에 거주하고 있는 경우, 다음 기관으로 연락하세요:

주한 베트남대사관

- 주소: 대한민국 서울특별시 종로구 북촌로123번지(03052)
- 전화번호: (82-2) 7399 399
- [홈 페이지](#)



Ban Quản lý lao động tại Hàn Quốc

Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

Địa chỉ: Rm 1304, 13F, Sunhwa Bldg., 89, Seosomun-ro, Jung-gu, Seoul, the Republic of Korea, 04516

Điện thoại: (82-2) 364 1043 hoặc (82-2) 364 1045

Fax: (82-2) 364 1049

대한민국 내 노동관리위원회

주한 베트남대사관

- 주소: 대한민국 서울특별시 중구 서소문로 89 선화빌딩 13층 1304호
- 전화번호: +82-2 364 1043 / +82-2 364 1045
- 팩스: +82-2 364 1049



Nếu tôi có người thân là lao động làm việc tại Hàn Quốc và không may bị tử vong, tôi cần biết những gì?

한국에 노동자 자격으로 일하러 간 친척이 있는데 친척이 사망하게 되면 제가 꼭 알아야 할 사항이 있나요?

Nếu người thân của bạn không may tử vong khi đang làm việc tại Hàn Quốc, bạn cần biết một số vấn đề sau đây:

친척 분이 한국에서 근로계약기간 내에 사망하시게 되면 다음과 같은 내용을 꼭 알아야 합니다.



CHƯƠNG 4: AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

제4장직업 안전 및 건강

AN TOÀN VIỆC LÀM
VÀ SỨC KHOẺ

1. Giấy chứng tử

사망증명서:

Giấy chứng tử hay giấy xác nhận tử vong được cấp bởi Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc như bệnh viện.

사망증명서 또는 사망확인서가 병원 등 한국의 정부기관에서 발급합니다. 이 서류는 한국 외교부 영사과에서 번역 공증을 받아야 합니다.

2. Nếu bạn muốn đưa thi hài/ tro cốt của người thân về Việt Nam. Bạn cần cung cấp các giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, bao gồm:

베트남으로 시신/유해를 송환을 원하는 경우 정부기관으로부터 다음과 같은 서류를 발급받아야 합니다:

Giấy chứng tử (do Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc cấp);

Giấy phép nhập cảnh thi hài, hài cốt, tro cốt vào Việt Nam (do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp);

Giấy chứng nhận vệ sinh, kiểm dịch y tế đối với thi hài (xác nhận nguyên nhân tử vong không phải do bệnh truyền nhiễm) do Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc cấp nếu bạn muốn mang thi hài của người thân về nước;

Giấy chứng nhận hỏa thiêu thi hài (do Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc cấp) nếu bạn muốn đem tro cốt/hài cốt về nước.

사망증명서 (한국 정부기관 발급)

시신 또는 유해, 유골을 베트남으로 송환하기 위한 입국허가서(주한 베트남대사관 발급)

한국 정부기관에서 발급한 시신 위생검역증명서(전염병으로 인한 사망이 아닌 것을 증명)(친적 분의 시신을 베트남으로 송환을 원하시는 경우)

Bạn vui lòng đến trụ sở hoặc liên hệ với Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc để được hướng dẫn cụ thể. Bạn chuẩn bị các giấy tờ sau trước khi đến Đại sứ quán:

- Bản gốc và bản sao hộ chiếu của bạn;
- Bản gốc và bản sao hộ chiếu của người tử vong;
- Bản gốc văn bản ủy quyền của gia đình người tử vong trong trường hợp bạn là người được ủy quyền;
- Đơn xin đưa thi hài, hài cốt, tro cốt về nước (theo mẫu).

자세한 내용 안내를 받기 위해 주한 베트남대사관에 직접 방문하거나 연락하시기 바랍니다. 대사관에 방문하기 전에 다음과 같은 서류를 준비하세요:

- 본인의 여권 원본 및 사본
- 고인의 여권 원본 및 사본
- 본인이 의뢰를 받을 경우, 고인 유가족의 의뢰서 원본 및
- 시신, 유골 반입 신청서(양식에 따름)



Tôi có người thân đang làm việc tại Hàn Quốc, tôi muốn biết Đại sứ quán Việt Nam có thể hỗ trợ gì nếu người thân của tôi tử vong trong khi đang làm việc tại Hàn Quốc?

한국에서 일하고 있는 친척이 있는데 근로계약기간 내에 사망하게 될 경우 주한 베트남대사관에서 어떤 지원을 받을 수 있는지 궁금합니다.

Trong trường hợp người thân của bạn tử vong khi đang làm việc tại Hàn Quốc, Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc có thể hỗ trợ các thủ tục sau đây:

- Cấp Giấy phép nhập cảnh thi hài, hài cốt, tro cốt;
- Cấp giấy chứng tử cho người tử vong;
- Cấp trích lục khai tử đối với các trường hợp tử vong đã được đăng ký khai tử tại các cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc nếu được yêu cầu;
- Hợp pháp hóa lãnh sự Giấy chứng tử do cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc cấp nếu được yêu cầu;
- Tư vấn về dịch vụ hỏa táng và vận chuyển thi hài/tro cốt về Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ phiên dịch nếu được yêu cầu;
- Xem xét việc xin chấp thuận của Bộ Ngoại giao về việc hỗ trợ chí phí đối với gia đình người quá cố không có khả năng tài chính tùy từng trường hợp cụ thể.

주한 베트남 대사관은 다음과 같은 행정적 절차를 지원합니다:

- 베트남으로 시신/유해 송환 허가서 발급
- 고인을 위한 사망증명서
- 유관 지역기관에서 사망신고가 처리된 경우, 요청 시 사망증명서 초본 제공
- 요청 시 유관 지역기관으로부터 발급받은 사망증명서 영사공증 서비스 제공
- 시신/유해 화장 및 베트남으로 송환 서비스 제공
- 요청 시 통역사 지원
- 고인 재정사정이 어려운 경우 구체적인 상황을 고려하여 유가족을 위한 비용 지원에 대해 외교부의 승인 검토



Ghi chú: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc sẽ cấp Trích lục khai tử nếu việc tử vong không được đăng ký bởi các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương tại Hàn Quốc. Trong trường hợp này, các giấy tờ cần thiết bao gồm:

- Đơn đăng ký khai tử;
- Giấy báo tử/giấy tờ thay thế xác thực cái chết của người lao động di cư;
- Thư ủy quyền được công chứng (nếu người được ủy quyền là ông, bà, mẹ, cha, vợ, chồng, chị/em gái, anh/em trai của người quá cố thì văn bản quyền không cần chứng thực).

비고: 한국 내 관련 지방자치단체로부터 사망신고가 되지 않은 경우에 베트남대사관에서 사망증명서 발급. 필요 서류는 다음과 같습니다.

- 사망신청서
- 이주 노동자의 사망증명서/사망증명서를 대체하는 사망 확인 서류
- 의뢰서 공증본 (의뢰 받은 자가 고인의 조부, 조모, 친부, 친모, 배우자, 자매, 형제인 경우 의뢰서 공증본 필요 없음)

CHƯƠNG 4: AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

제4장직업 안전 및 건강



Ghi chú: Đại sứ quán Việt Nam không thể hỗ trợ các vấn đề nêu dưới đây trong trường hợp người lao động tử vong ở nước ngoài.

- Thanh toán chi phí mai táng hoặc hỏa táng.
- Thanh toán chi phí cho việc chuyển hài cốt hoặc thi thể về Việt Nam.
- Điều tra nguyên nhân cái chết (nhưng có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền tại Hàn Quốc tiến hành điều tra về cái chết).

비고: 해외에서 노동자가 사망한 경우, 다음에 해당하는 사항은 베트남대사관에서 지원하지 않습니다:

- 매장 또는 화장 관련 비용 지급
- 베트남으로의 시신 또는 유해 송환과 관련한 비용 지급
- 사망의 원인 수사진행 (단, 한국 내 유관기관에 문의하여 사망 원인을 수사 요청할 수 있습니다.)



Tôi có người thân tử vong khi đang làm việc tại Hàn Quốc, tôi cần làm gì để đưa thi thể hay hài cốt của người thân về Việt Nam?

한국내 노동계약기간내에 사망한 친척이 있는데, 베트남으로 친척의 시신 또는 유해를 어떻게 송환할수 있습니까?

Để đưa thi hài hoặc hài cốt của người thân về Việt Nam, bạn cần thực hiện theo hướng dẫn tại **Thông tư số 01/2011/TT-BNG** ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định thủ tục cấp giấy phép nhập cảnh, thi hài, hài cốt, tro cốt về Việt Nam. Bạn vui lòng quét mã QR code để đến đường link tìm hiểu kỹ hơn về Thông tư.

베트남으로 친척의 시신 또는 유해를 송환하려면 베트남으로 시신·유해·유골 반입허가서 발급 절차를 규정한 외교부 장관의 2011년6월20일 발행한 **01/2011/TT-BNG**시행령 내용에 따라 실행해야 합니다. 시행령을 자세히 알아볼 수 있게 링크로 이동하려면 QR코드를 스캔하시기 바랍니다. 관련 시행령에 대한 자세한 내용을 확인할 수



AN TOÀN VIỆC LÀM
VÀ SỨC KHOẺ

4.6 BỊ QUÃY RỐI, BẮT NẠT VÀ ĐỐI XỬ BẤT CÔNG TẠI NƠI LÀM VIỆC

직장에서 부당한 대우나 괴롭힘을 당했을 때



Tôi bị người khác lợi dụng chức vụ cao hơn để quấy rối, bắt nạt và đối xử bất công tại nơi làm việc. Tôi phải làm gì trong trường hợp này?

직장에서 저보다 지위가 높다는 것을 이용하여 부당하게 대우하고 괴롭힙니다. 어떻게 해야 할까요?

Hãy liên hệ đến cơ quan gần nơi cư trú nhất trong số các cơ quan sau. Sau khi khai báo, hãy tiếp nhận tư vấn từ cơ quan đó.

아래 기관 중 가까운 곳에 연락하여 신고 후 상담을 받으세요.

Khu vực 외국인력상담센터	Cơ quan 외국인력상담센터	Địa chỉ 외국인력상담센터	Điện thoại 외국인력상담센터
Seoul 서울	Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài Hàn Quốc 한국외국인노동자지원센터	[Mã bưu chính:08395] Tầng 1, 3, 4 Tòa B, số 1291 Nambusunhwan-ro, Guro-gu, Seoul [우:08395] 서울특별시 구로구 남부순환로 1291 B동 1,3,4층	 1633-0644
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm tư vấn nhân lực, Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc 산업인력공단외국인력상담센터	[Mã bưu chính:15359] 16 Gojan 2-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do [우:15359] 경기도 안산시 단원구 고잔2길 16	 1577-0071
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài Euijeongbu 의정부외국인노동자지원센터	[Mã bưu chính:11655] 94 Gyeongeu-ro (Euijeongbu-dong), Euijeongbu-si, Gyeonggi-do [우:11655] 경기도 의정부시 경의로 94(의정부동)	 031-8389-111
Gyeong-sangnam-do 경상남도	Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài Yangsan 양산외국인노동자지원센터	[Mã bưu chính: 50527] 28 Yeonho-ro, Yangsan-si, Gyeongsangnam-do [우:50527] 경상남도 양산시 연호로 28	 055-912-0255
Gyeong-sangnam-do 경상남도	Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài Kimhae 김해외국인노동자지원센터	[Mã bưu chính: 50916] 81 Garak-ro, Kimhae-si, Gyeongsangnam-do [우:50916] 경상남도 김해시 가락로 81	 055-338-2727

CHƯƠNG 4: AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

제4장 직업 안전 및 건강

<p>Gyeong-sangnam-do 경상남도</p>	<p>Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài Changwon 창원외국인노동자지원센터</p>	<p>[Mã bưu chính: 51266] 203, 3-15 Daero, Masanhappo-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do [우:51266] 경상남도 창원시 마산합포구 3-15대로 203</p>	<p> 055-253-5270</p>
<p>Gwangju 광주</p>	<p>Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài Gwangju 광주외국인노동자지원센터</p>	<p>[Mã bưu chính: 62234] 82 Poongyeong-ro 145-beongil, Gwangsan-gu, Gwangju [우:62234] 광주광역시 광산구 풍영로 145번길 82</p>	<p> 062-946-1199</p>
<p>Chung cheong nam-do 충청남도</p>	<p>Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài Cheonan 천안외국인노동자지원센터</p>	<p>[Mã bưu chính: 31109] tầng 4 sky building,21 seongjeong park 5-ro (1300, seojeong-dong), seobuk-gu, cheonan-si- chungcheongnam-do [우:31109] 충청남도 천안시 서북구 성정공원5로 21 (성정동 1300) 스카 이빌딩 4층</p>	<p> 041-411-7000</p>
<p>Daegu 대구</p>	<p>Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài Daegu 대구외국인노동자지원센터</p>	<p>[Mã bưu chính: 42914] Tầng 8 - 9 Jinkwang Tower, 863 Dalgu-beol-daero, Dasa-eup, Dalseong-gu, Daegu [우:42914] 대구광역시 달성군 다사읍 달구벌대로 863 진광타워 8-9층</p>	<p> 053-654-9700</p>
<p>Incheon 인천</p>	<p>Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài Incheon 인천외국인노동자지원센터</p>	<p>[Mã bưu chính: 21655] Tầng 12 Myeongjin Plaza, 220 Hogupo-ro, Namdong-gu, Incheon [우:21655] 인천광역시 남동구 호구포로 220 명진프라자 12층</p>	<p> 032-431-5757</p>



AN TOÀN VIỆC LÀM
VÀ SỨC KHOẺ




Tôi bị chủ lao động và đồng nghiệp bạo hành. Tôi phải đối phó như thế nào?

고용주와 동료로부터 폭행을 당했습니다. 어떻게 대처하나요?



Dù với bất kỳ lý do gì, chủ sử dụng lao động cũng không được bạo hành người lao động. Nếu vi phạm điều này thì người sử dụng lao động sẽ phải ngồi tù tối đa 5 năm hoặc nộp phạt tối đa 50 triệu won. Trong trường hợp bị người sử dụng lao động và đồng nghiệp bạo hành, hãy liên lạc đến cơ quan gần nơi cư trú nhất trong số các cơ quan sau, sau đó khai báo và tiếp nhận tư vấn từ cơ quan này.

고용주는 근로자를 어떠한 이유로도 폭행할 수 없습니다. 아래 기관 중 가까운 곳에 연락하여 신고 후 상담을 받으세요. 이를 어기면 5년 이하 징역 또는 5천만원 이하의 벌금형에 처합니다. 아래 기관에 연락하여 신고하고 상담을 받으세요.

	Thông tin liên hệ 연락처/ 관련 링크
Trung tâm tư vấn, Bộ Lao động việc làm (có hỗ trợ tư vấn bằng tiếng Việt) 고용노동부 종합상담센터(베트남어 가능)	 1350 , phím số 5. 1350 5번
Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài Hàn Quốc (có hỗ trợ tư vấn bằng tiếng Việt) 한국외국인근로자지원센터(베트남어 가능)	Tham khảo <i>Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.1, trang 101 - Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc.</i> 고용노동부 산하 외국인 노동자 지원센터 - 101페이지, 제8.1조, 주요연락처, 제8장에 참
Bộ phận một cửa - Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc - phòng tiếp nhận tố cáo những hành vi bất công tại chỗ làm (hỗ trợ tư vấn bằng tiếng Hàn) 고용노동부민원마당- 부당노동행위신고(한국어)	Website 홈페이지 

CHƯƠNG 4: AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

제4장 직업 안전 및 건강



Tôi bị thương trong lúc làm việc nhưng chủ lao động không trả phí điều trị và bồi thường tai nạn lao động cho tôi. Tôi phải làm gì trong trường hợp này?

일을 하다가 다쳤는데 고용주가 진료 및 산업재해보상을 제공하지 않습니다. 어떻게 대처 하나요?

Người sử dụng lao động có nghĩa vụ phải đăng ký tham gia bảo hiểm tai nạn lao động cho người lao động.

- Tuy nhiên, nếu người sử dụng lao động không đăng ký tham gia bảo hiểm tai nạn lao động cho người lao động, việc người lao động bị thương trong quá trình làm việc được công nhận thì người lao động vẫn có thể nhận được bồi thường.
- Việc người sử dụng lao động không đăng ký tham gia bảo hiểm tai nạn lao động cho người lao động là vi phạm pháp luật nên chủ sử dụng lao động sẽ phải trả phí bảo hiểm và nộp phạt.

고용주는 근로자를 위해 산재보험에 의무적으로 가입해야 합니다.

- 하지만 고용주가 보험에 가입하지 않았다고 하더라도 일하다가 다쳤다는 것이 인정되면 보상을 받을 수 있습니다.
- 고용주가 산재보험에 가입하지 않는 것은 법을 어기는 것으로 고용주는 보험료와 벌금을 내야합니다.



4.7 BỊ QUỶ RỐI TÌNH DỤC, BẠO HÀNH TÌNH DỤC TẠI NƠI LÀM VIỆC

직장 내 성희롱, 성폭력



Quỷ rối tình dục là gì?

성희롱이란 무엇인가요?

Quỷ rối tình dục tại nơi làm việc là việc chủ doanh nghiệp, cấp trên hoặc đồng nghiệp lợi dụng chức vụ ở nơi làm việc để thực hiện các hành vi có thể là tiếp xúc, đụng chạm về thân thể, hoặc có thể bằng lời nói, hoặc khiến người khác phải nhìn một hành vi làm cho người lao động cảm thấy ghê tởm hoặc bị sỉ nhục về mặt tình dục. Ngoài ra, các hành vi gây bất lợi cho cá nhân người lao động với lý do không làm theo các hành động, lời nói hoặc yêu cầu khác mang tính quấy rối về giới cũng được coi là quấy rối tình dục.

직장 내 성희롱이란 사입주, 상급자, 근로자가 다른 근로자에게 직장 내의 지위를 이용하여 육체적, 언어적, 시각적 행위로 성적 굴욕감이나 혐오감을 느끼게 하는 것입니다. 성적 언동 또는 그 밖의 요구를 따르지 아니하였다는 이유로 고용에서 불이익을 주는 것 또한 이에 해당합니다.

AN TOÀN VIỆC LÀM
VÀ SỨC KHOẺ



Cách để tố cáo hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc là gì?

직장 내 성희롱 어떻게 신고 하나요?

Cách 1: Bạn có thể nhận được tư vấn từ chuyên gia tại Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài.

방법1: 외국인노동자지원센터에 신고하고 전문가에게 상담을 받으세요



<p>Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài 외국인노동자지원센터</p>	<p>Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc ☎ (1633-0644) 한국외국인노동자지원센터 (1633-0644)</p> <p>Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Euijeongbu ☎ (031-838-9111) 의정부외국인노동자지원센터 (031-838-9111)</p> <p>Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài Kimhae ☎ (055-338-2727) 김해외국인노동자지원센터 (055-338-2727)</p> <p>Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Changwon ☎ (055-253-5270) 창원외국인노동자지원센터 (055-253-5270)</p> <p>Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Incheon ☎ (032-431-4545) 인천외국인노동자지원센터 (032-431-4545)</p> <p>Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Daegu ☎ (053-654-9700) 대구외국인노동자지원센터 (053-654-9700)</p> <p>Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Cheonan ☎ (041-411-7000) 천안외국인노동자지원센터 (041-411-7000)</p> <p>Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Gwangju ☎ (062-944-1199) 광주외국인노동자지원센터 (062-944-1199)</p> <p>Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Yangsan ☎ (055-912-0255) 양산외국인노동자지원센터 (055-912-0255)</p>
<p>Trung tâm tư vấn nhân lực nước ngoài 외국인력상담센터</p>	<p>☎ 1577-0071</p>
<p>Hiệp hội nhân quyền quốc gia (tiếng Hàn) 국가인권위원회 (한국어)</p>	<p>☎ 02-2125-9700</p>

CHƯƠNG 4: AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

제4장 직업 안전 및 건강

Cách 2: Bạn hãy quét mã QR dưới đây và [Tố cáo ẩn danh tình trạng bị quấy rối tình dục ở nơi làm việc](#) tại Bộ phận một cửa, Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc - phòng tiếp nhận tố cáo những hành vi bất công tại chỗ làm (có hỗ trợ tiếng Việt).



방법2: 아래 QR코드를 스캔하여 고용노동부민원마당에 [‘직장내 성희롱 익명신고’](#) 하세요. 베트남어 지원됩니다.

Hãy đối phó với hành vi quấy rối tình dục như sau!

1. Thể hiện cương quyết, rõ ràng thái độ từ chối đối với người có hành vi quấy rối
2. Đảm bảo thu thập các chứng cứ - ghi lại các nội dung chi tiết như ngày tháng, thời gian, địa điểm, v.v
3. Yêu cầu cấp trên tư vấn và xử lý nhằm chấm dứt hành vi quấy rối
4. Xin tư vấn hoặc tố cáo lên Sở Lao động việc làm tại địa phương (☎1644-3119)

성희롱 이렇게 대처하세요!

1. 행위자에게 명확하게 거부 의사를 표시
2. 증거자료를 확보 - 날짜, 시간, 장소 등 구체적인 내용 기록
3. 상급자 등에게 상담을 요청하고 그 행위를 중지할 수 있도록 요청
4. 지방고용노동관서에 상담 또는 신고(1644-3119)



AN TOÀN VIỆC LÀM
VÀ SỨC KHOẺ



Tôi bị bạo hành và tấn công tình dục, tôi có thể nhận được trợ giúp từ đâu ?

성폭력 및 성범죄를 당했어요. 어디에서 지원을 받을 수 있나요?

Bạn hãy nhanh chóng liên hệ với Trung tâm tư vấn phụ nữ di cư Seoul hoặc Trung tâm hỗ trợ khẩn cấp phụ nữ di cư để được tư vấn. Với sự giúp đỡ của trung tâm tư vấn, bạn có thể thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc bị bạo hành và tấn công tình dục.

긴급히 서울이주여성상담센터, 이주여성긴급지원센터에 연락하여 상담을 받습니다. 센터의 도움으로 성폭력 및 성범죄 관련 법적 절차를 진행할 수 있습니다.



Tôi bị bạo hành và tấn công tình dục, tôi có thể nhận được trợ giúp từ đâu ?

성폭력 및 성범죄를 당했어요. 어디에서 지원을 받을 수 있나요?

Bạn hãy nhanh chóng liên hệ với Trung tâm tư vấn phụ nữ di cư Seoul hoặc Trung tâm hỗ trợ khẩn cấp phụ nữ di cư để được tư vấn. Với sự giúp đỡ của trung tâm tư vấn, bạn có thể thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc bị bạo hành và tấn công tình dục.


긴급히 서울이주여성상담센터, 이주여성긴급지원센터에 연락하여 상담을 받습니다. 센터의 도움으로 성폭력 및 성범죄 관련 법적 절차를 진행할 수 있습니다.



Trung tâm tư vấn phụ nữ di cư Seoul

서울이주여성상담센터

 **Điện thoại:** 02-733-0120

 **Địa chỉ:** Tầng 6 tòa nhà Global Center, 38 Jongro, Jongro-gu, Seoul

Đối tượng hỗ trợ: Phụ nữ di cư và gia đình đa văn hóa sống tại Seoul

Dịch vụ hỗ trợ: Thực hiện tư vấn chuyên môn về các vấn đề như mâu thuẫn vợ chồng, bạo hành tình dục, tội phạm tình dục, và vận hành các cơ sở bảo hộ khẩn cấp
전화번호: 02-733-0120


이주: 종로구 종로 38 서울 글로벌센터 빌딩 6층

지원 대상: 서울시에 사는 이주여성과 다문화가족

지원 서비스: 부부갈등, 성폭력, 성범죄 관련 전문상담 진행, 긴급보호시설 운영

Trung tâm hỗ trợ khẩn cấp phụ nữ di cư

이주여성긴급지원센터

 **Điện thoại:** 1577-1366 (Tư vấn qua điện thoại 24 tiếng/ngày, 365 ngày/năm)

 **Website:**



Đối tượng hỗ trợ: Phụ nữ di cư bị bạo hành

Dịch vụ hỗ trợ: Vận hành cơ sở tránh nạn khẩn cấp, liên kết với các cơ sở bảo hộ phụ nữ là nạn nhân của bạo hành gia đình, bạo hành tình dục, mua bán dâm, liên kết với các đơn vị y tế - pháp luật - kiểm sát - cảnh sát (thực hiện điều tra, tố tụng, v.v.) để hỗ trợ can thiệp

Có thể tư vấn bằng tiếng Việt

전화번호: 1577-1366 (365일 24시간 전화상담 가능)

홈페이지: QR CODE.

지원대상: 폭력피해 당한 이주여성

지원 서비스: 긴급피난시설 운영, 가정폭력, 성폭력, 성매매 피해여성 보호시설 연계, 의료·법률·검찰·경찰 서비스 (수사 및 소송수행 등) 등과 연계하여 위기개입 지원

베트남어 상담 가능



CHƯƠNG 5: BỆNH TRUYỀN NHIỄM

제5장: 전염병





Trong trường hợp có những bệnh truyền nhiễm phổ biến như COVID-19 bùng phát, tôi có thể nhận được sự hỗ trợ gì?

코로나 19와 같은 감염병이 유행하는 경우 어떤 도움을 받을 수 있나요?

Trong trường hợp bùng phát COVID-19, bạn có thể được hỗ trợ làm xét nghiệm, chẩn đoán, phòng ngừa, điều trị, v.v. dù bạn có tham gia bảo hiểm y tế hay không. Nội dung chi tiết và các hướng dẫn của Chính phủ về bệnh truyền nhiễm được công bố qua Bộ Y tế và phúc lợi Hàn Quốc và Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh quốc gia. Nếu bạn không hiểu được những nội dung này thì hãy liên hệ tới Trung tâm hỗ trợ người di cư hoặc Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc (*Tham khảo Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.1, trang 101 - Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc*).



코로나 19의 경우 건강보험 가입 여부와 상관없이 진단 검사, 예방, 치료 등을 지원 받을 수 있습니다. 정부의 감염병 관련 지침과 정확한 내용은 보건복지부와 질병관리청 등을 통해 발표되며, 내용을 이해할 수 없는 경우 이주민 센터 또는 외국인노동자 지원센터 (고용노동부 산하 외국인 노동자 지원센터 - 101페이지, 제8.1조, 주요연락처, 제8장에 참고) 등에 문의하세요.



Tôi có thể tiến hành xét nghiệm COVID-19 và các bệnh cảm cúm khác ở đâu?

COVID-19 및 기타 인플루엔자에 대한 진단 검사는 어디에서 받을 수 있나요?

Bạn có thể làm xét nghiệm chẩn đoán COVID-19 tại các phòng khám sàng lọc. Khi bạn có các triệu chứng nghi ngờ là nhiễm COVID-19, trước hết hãy tham khảo ý kiến tư vấn của trạm y tế nơi bạn cư trú hoặc tổng đài của Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh 1339, sau đó mới tới phòng khám sàng lọc.



코로나19 진단 검사는 선별진료소에서 받을 수 있습니다. 코로나19 증상 의심 시에는 먼저 관할 보건소 또는 1339 질병관리청 콜센터 등의 상담을 받으신 후 선별진료소를 방문하시기 바랍니다.

Tổng đài của Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh

질병관리청 콜센터

 1339

Tìm kiếm phòng khám sàng lọc gần nơi cư trú

가까운 선별진료소 검색





Tôi có thể làm xét nghiệm lao và HIV ở đâu?

결핵과 HIV진단 검사는 어디서 받을 수 있나요?

Bạn có thể làm xét nghiệm lao và HIV miễn phí tại trạm y tế gần nơi cư trú. Sau khi bạn nộp đơn đăng ký ở phòng tiếp dân, việc xét nghiệm sẽ được tiến hành ở phòng lấy máu hoặc phòng bệnh lý lâm sàng. Về trình tự kiểm tra chi tiết, hãy làm theo hướng dẫn của trạm y tế gần nơi bạn cư trú.

관할 보건소에서 무료로 받을 수 있습니다. 민원실에 접수 후 채혈실 또는 임상 병리실에서 검사가 진행됩니다. 자세한 절차는 해당 보건소에서 안내 받으세요.



Tôi có thể làm xét nghiệm viêm gan ở đâu?

간염 진단 검사는 어디서 받을 수 있나요?

Bạn có thể làm xét nghiệm viêm gan tại trạm y tế gần nơi cư trú. Bạn sẽ phải trả tiền để được xét nghiệm chẩn đoán viêm gan. Tuy nhiên, người trên 65 tuổi, người khuyết tật đã đăng ký, người được hưởng trợ cấp y tế, người có công với đất nước có thể được hỗ trợ 50% chi phí xét nghiệm viêm gan.

관할 보건소에서 검사 받을 수 있습니다. 간염 진단 검사는 검사비용을 내야 합니다. 단, 65세이상, 등록장애인, 의료급여 수급권자, 국가유공자, 50%를 지원 받을 수 있습니다.





Khi có các triệu chứng mắc bệnh truyền nhiễm, tôi phải làm gì?

전염병 감염 증상이 있을 때는 어떻게 해야 하나요?



Khi có thắc mắc về bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ bản thân mắc bệnh truyền nhiễm, hãy liên hệ tới tổng đài của Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh (☎ 1339).

질병정보 문의 및 감염병이 의심될 때 질병관리청 콜센터 1339로 문의하세요.

Tư vấn cho người nước ngoài

외국인 상담

Trung tâm thông tin du lịch, Tổng cục du lịch Hàn Quốc

한국관광공사 관광안내센터

☎ 1330

Trung tâm hướng dẫn tổng hợp cho người nước ngoài, Bộ Tư pháp

법무부 외국인종합안내센터

☎ 1345

Nguồn: Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh



CHƯƠNG 6:

SỨC KHOẺ TÌNH DỤC VÀ SỨC KHOẺ SINH SẢN

제6장: 성 및 생식 건강





Tôi có thể đi khám và được tư vấn về sức khỏe tình dục và sức khỏe sinh sản ở đâu?

성 및 생식 건강 의료서비스는 어디에서 받을 수 있나요?

Bạn có thể sử dụng các dịch vụ y tế về sức khỏe tình dục và sức khỏe sinh sản tại bệnh viện (khoa phụ sản, khoa tiết niệu) và các trạm y tế địa phương.

성 및 생식 건강 의료서비스는 병원(산부인과, 비뇨기과)와 지역 관할 보건소에서 받을 수 있습니다.



Kinh nguyệt của tôi không đều, tôi phải làm sao?

생리가 규칙적이지 않으면 어떻게 해야 하나요?

Có rất nhiều nguyên nhân khiến cho kinh nguyệt không đều như vận động, căng thẳng, béo phì, v.v. Để xác định nguyên nhân chính xác, hãy đến khám và nghe tư vấn tại khoa phụ sản hoặc trạm y tế gần nơi cư trú.

운동, 스트레스, 비만 등 다양한 원인으로 생리를 불규칙하게 하기도 합니다. 정확한 원인을 파악하기 위해 산부인과 또는 보건소에서 진료 및 상담을 받으세요.



6.1 TRÁNH THAI VÀ PHÒNG TRÁNH CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC

피임과 성병 예방



Có những phương pháp nào để phòng tránh mang thai ngoài ý muốn?

의도하지 않은 임신을 예방하는 방법은 뭔가요?

Việc sử dụng các biện pháp tránh thai là quan trọng nếu bạn muốn phòng tránh mang thai ngoài ý muốn. Có nhiều biện pháp tránh thai như phương pháp tránh thai bằng hormone và phương pháp tránh thai không hormone. Phương pháp tránh thai được dùng phổ biến nhất bao gồm viên uống tránh thai và bao cao su. Bên cạnh đó, bao cao su còn giúp người sử dụng phòng tránh các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục.

원치 않는 임신을 예방하려면 피임 방법은 필수입니다. 호르몬 피임법과 비호르몬 피임법 등 다양한 피임법이 있습니다. 많이 사용되는 피임법으로 피임약과 콘돔 사용입니다. 또한 콘돔은 사용자가 성매매 감염병 예방에 도움이 됩니다.



CHƯƠNG 6: SỨC KHOẺ TÌNH DỤC VÀ SỨC KHOẺ SINH SẢN

제6장: 성 및 생식 건강



Khi mang thai ngoài ý muốn, tôi phải làm gì?

원하지 않은 임신을 했을 시 어떻게 해야 하나요?

Bạn có thể gọi tới tổng đài Danuri để được tư vấn. Tổng đài Danuri sẽ kết nối bạn với Trung tâm hỗ trợ phụ nữ di cư - nơi cung cấp dịch vụ tư vấn y tế, hỗ trợ về luật pháp, ngôi nhà trú ẩn, v.v.

다누리 콜센터에 전화해 상담을 받을 수 있습니다. 다누리 콜센터에서 이주여성 지원센터 연계, 의료 상담 서비스, 법적지원, 쉼터 그룹홈 등을 제공합니다.

Tổng đài Danuri: ☎ 1577-1366 Có hỗ trợ tiếng Việt

다누리 콜센터: 1577-1366 베트남어 지원



Tôi đã quan hệ tình dục mà không sử dụng các biện pháp bảo vệ. Tôi cần phải làm gì nếu muốn kiểm tra xem bản thân có mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục hay không?

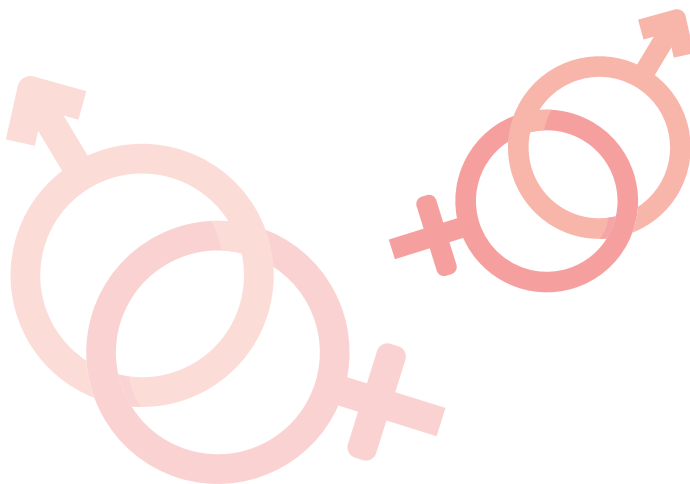
피임기구 없이 성관계를 가졌습니다. 성병을 확인하려면 어떻게 해야 하나요?

Tại các trạm y tế địa phương có thực hiện kiểm tra các bệnh lây truyền qua đường tình dục miễn phí. Ngoài ra, bạn cũng có thể kiểm tra các bệnh lây truyền qua đường tình dục tại các bệnh viện tư (khoa tiết niệu, khoa phụ sản).

지역 보건소에서 무료로性病검사를 진행하고 있습니다. 개인병원 (비뇨기과, 산부인과 등)에서도性病을 검사 받을 수 있습니다.



SỨC KHOẺ TÌNH DỤC
VÀ SỨC KHOẺ SINH SẢN



	Trạm y tế 한국도박	Bệnh viện (Khoa phụ sản, Khoa tiết niệu) 병원(산부인과,비뇨기과)
Đối tượng 대상	<ul style="list-style-type: none"> • Người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc làm việc cho cơ sở kinh doanh, sản xuất nằm trong phạm vi phụ trách của trạm y tế địa phương • Người nước ngoài kết hôn di cư đang cư trú tại địa phương • Người không tham gia bảo hiểm y tế • 지역 보건소 관할 내 사업장 소속외국인근로자 • 지역에 거주하는 결혼이민자 • 건강보험 미가입자 가능 	Không giới hạn 제한 없음
Hạng mục kiểm tra 검진항목	Giang mai, AIDS 매독, 에이즈	Giang mai, AIDS, Chlamydia, Herpes, Trichomonas v.v... 매독, 에이즈, 클라미디아, 헤르페스, 트리코모나스 등
Chi phí 비용	Miễn phí 무료	Có phí 유료



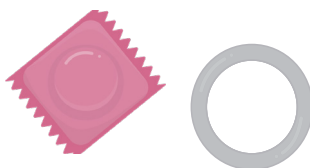
Có những biện pháp gì để phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục?

성병을 예방하는 방법은 뭔가요?



Trên 30 loại bệnh lây truyền qua đường tình dục có thể được phòng tránh chỉ bằng **phương pháp sử dụng bao cao su**.

30 종류 이상의 성매개 감염병은 콘돔을 착용하는 것만으로도 성병을 예방할 수 있습니다.



CHƯƠNG 6: SỨC KHOẺ TÌNH DỤC VÀ SỨC KHOẺ SINH SẢN

제6장: 성 및 생식 건강



Làm thế nào để tôi xác định mình có mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục hay không? Những triệu chứng của bệnh lây truyền qua đường tình dục là gì?

피임기구 없이 성관계를 가졌습니다. 성병의 증상은 무엇인가요?

Khi mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục, cơ thể bạn sẽ xuất hiện những thay đổi đặc trưng trên toàn thân, da, khoang miệng, cổ họng, âm đạo và đáy xương chậu, v.v. Ngoài ra cũng có trường hợp người nhiễm bệnh không có bất kỳ triệu chứng nào.

Để xác định các triệu chứng chính xác của bệnh lây truyền qua đường tình dục và kiểm tra xem bản thân có mắc bệnh hay không, hãy đến khám tại bệnh viện khi bạn cảm thấy nghi ngờ về tình trạng sức khỏe của bản thân.

Ví dụ một vài triệu chứng của bệnh lây truyền qua đường tình dục:

- Sốt nhẹ hoặc đau nhức cơ thể
- Xuất hiện các nốt phát ban trên da và tóc bị rụng
- Xuất hiện các màng trắng và vết loét trong miệng
- Mụn nước hoặc mụn cóc lan đến bộ phận sinh dục và hậu môn
- Xuất hiện dịch nhầy bộ phận sinh dục

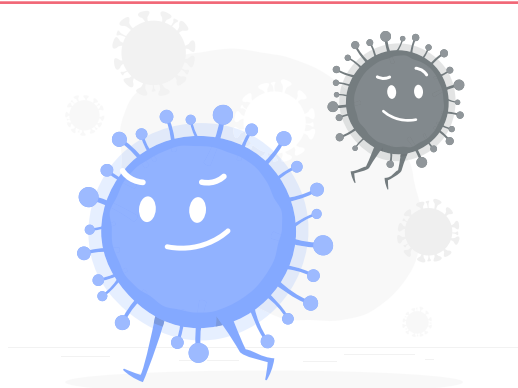
성병에 걸리면 전신 및 피부, 구강, 목구멍, 질과 회음부 등에 각각 특징적인 변화가 나타납니다. 또한 아무런 증상이 없을 때도 있습니다. 정확한 성병 증상과 감염여부는 병원에서 진료받으세요.

성병 증상 예시:

- 미열이나 몸살 기운
- 피부에 발진이 생기고 머리카락이 빠짐
- 입 속에 하얀꺼풀과 궤양이 생김
- 물집이나 사마귀가 생식기와 항문까지 번짐
- 분비물 발생



SỨC KHOẺ TÌNH DỤC
VÀ SỨC KHOẺ SINH SẢN





Có những cơ sở y tế nào khám, chữa bệnh liên quan tới HIV/AIDS?

HIV/AIDS 관련 의료 서비스는 어디에서 제공하나요?

Tại các trạm y tế có thực hiện xét nghiệm HIV miễn phí.

보건소에서 HIV 무료검사를 제공하고 있습니다.



Trung tâm hỗ trợ phòng tránh HIV cho người nước ngoài

Đối tượng hỗ trợ: Người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc

Địa điểm: Seoul (Gileum/Itaewon), Gyeonggi (Ansan), Busan (Beomil)

Nội dung hỗ trợ:

- Tiến hành xét nghiệm nhanh HIV/AIDS và kiểm tra các bệnh lây qua đường tình dục: Thực hiện xét nghiệm vào thứ bảy hoặc chủ nhật (xét nghiệm miễn phí và giấu tên người tới xét nghiệm).
- Đối với trường hợp nhiễm bệnh được phát hiện tại Hàn Quốc, hỗ trợ phí điều trị và hỗ trợ tư vấn.

[Cơ quan thực hiện hỗ trợ và thông tin liên hệ - Liên hiệp phòng chống HIV/AIDS Hàn Quốc](#)

[외국인 HIV 예방지원센터](#)

대상: 국내 체류 외국인

장소: 서울(길음/이태원), 경기(안산), 부산(범일)

지원내용:

- 에이즈 신속검사 및性病검사 제공 : 일요일 또는 토요일 검사(무료, 익명 검사)
 - 국내에서 감염이 발견된 경우, 치료비 지원 및 상담 지원
- 수행기관 및 연락처 한국에이즈퇴치연맹



(GILEUM, SEOUL)

서울 길음

☎ 02-927-4322, 02-927-4323

(ITAEWON, SEOUL)

서울 이태원

☎ 02-749-1108

(ANSAN, GYEONGGI)

경기 안산

☎ 031-495-0550

6.2 MANG THAI VÀ SINH CON

임신과 출산



Làm thế nào để tôi kiểm tra xem bản thân có thai hay không?

임신 확인을 어떻게 하나요?

Bạn có thể kiểm tra xem bản thân có thai hay không bằng cách thử thai bằng nước tiểu. Bạn có thể mua que thử thai bằng nước tiểu tại các hiệu thuốc và cửa hàng tiện lợi.

소변 임신진단테스트를 통해 임신의 여부를 확인할 수 있습니다. 소변 임신진단테스트는 약국과 편의점에서 구매할 수 있습니다.



Khi có thai, tôi phải đến bệnh viện nào?

임신을 했을 때 어디로 병원을 다녀야 하나요?

Bạn hãy đến khoa phụ sản gần nơi sinh sống. Tại đây, sản phụ sẽ được thăm khám và xét nghiệm máu.

Hoặc bạn có thể đến trạm y tế gần nơi cư trú. Tại đây, bạn sẽ được xét nghiệm máu và nước tiểu miễn phí trong gia đoạn đầu của thai kỳ. Ngoài ra, bạn cũng có thể được hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và làm các xét nghiệm trước khi sinh miễn phí. Khi đến trạm y tế, hãy mang theo giấy tờ tùy thân, sổ tay sản phụ hoặc giấy xác nhận mang thai để xác nhận tình trạng mang thai của bạn.

가까운 산부인과를 방문하세요. 임신부 검진과 혈액검사를 할 수 있습니다.

혹은 가까운 보건소를 방문하세요. 보건소에서 임신초기에 혈액 및 소변검사를 무료로 받을 수 있습니다. 또한, 무료로 건강관리와 산전 검사를 받을 수 있습니다. 보건소에 갈 때는 신분증과 임신을 확인할 수 있는 산모수첩 또는 임신확인서를 챙겨 가세요.



Các dịch vụ dành cho sản phụ tại trạm y tế:

임산부를 위한 보건소 서비스

1) Tiến hành các xét nghiệm trước khi sinh miễn phí

무료 산전검사

2) Mở các lớp học tiền sản

산준비교실 등 교육실시

3) Cấp phát thuốc bổ sung sắt

철분제 지원

4) Cấp phát thuốc bổ sung axit folic

엽산제 지원

5) Hỗ trợ chi phí y tế cho trường hợp thai nghén có nguy cơ cao

고위험임산부 의료비 지원

6) Dự án bổ sung dinh dưỡng – Giáo dục và tư vấn về dinh dưỡng

영양플러스 사업- 영양교육 및 상담

7) Dự án hỗ trợ tiêm phòng cúm quốc gia dành cho các sản phụ

임산부 대상 인플루엔자 국가예방접종 지원사업

Các dịch vụ hỗ trợ cho các sản phụ ở mỗi trạm y tế có thể khác nhau tùy theo từng địa phương. Vì vậy, bạn hãy hỏi trạm y tế gần nơi cư trú để biết thêm các thông tin chi tiết.

보건소마다 지역별로 임신부 지원 서비스가 다를 수 있으니 가까운 보건소에 자세한 사항을 문의하세요.

Để tìm kiếm các trạm y tế gần nơi cư trú ở Seoul, hãy truy cập vào đường link bên dưới:

아래 링크에서 서울시에 위치한 가까운 보건소를 찾아보세요.



[Cổng thông tin điện tử sức khỏe, Seoul](#) [Thông tin các trạm y tế, Seoul \(chỉ hỗ trợ tiếng Hàn\)](#)

[서울시 건강포털](#) [서울시보건소정보\(한국어만 지원\)](#)



SỨC KHỎE TÌNH DỤC
VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN



Tôi sắp đến ngày dự sinh rồi. Tôi có thể tìm kiếm thông tin về những bệnh viện có phòng sinh ở đâu?

출산시기가 다가오고 있어요. 분만실 보유병원은 어디인가요?

Bạn có thể tìm kiếm thông tin về những bệnh viện có phòng sinh trên website Chính phủ 24 'Tìm kiếm cơ sở chăm sóc sinh sản'.

분만실 보유병원은 정부24 '돌봄시설 등 위치찾기' 온라인 서비스를 통해 가까운 분만실을 찾을 수 있습니다.



[Chính phủ 24 'Tìm kiếm cơ sở chăm sóc sinh sản'](#)

[정부24 '돌봄시설 등 위치찾기'](#)



CHƯƠNG 6: SỨC KHOẺ TÌNH DỤC VÀ SỨC KHOẺ SINH SẢN

제6장: 성 및 생식 건강




Chi phí sinh con ở bệnh viện công hoặc bệnh viện tư là bao nhiêu?

공공병원이나 개인병원에서 아기를 낳는 데 비용이 얼마나 드나요?

Nếu sản phụ hoặc bạn đời (chồng) là người tham gia bảo hiểm y tế thì sản phụ có thể nhận được hỗ trợ của bảo hiểm y tế khi sinh con. Nếu sản phụ sinh thường thì sẽ được miễn phí toàn bộ chi phí nhập viện và điều trị, còn tiền ăn được miễn giảm 50%. Nếu sản phụ sinh mổ thì chi phí sẽ khác. Phí nhập viện trong trường hợp sinh mổ sẽ do cá nhân tự chi trả. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy liên hệ tới các trung tâm hỗ trợ dưới đây.

임산부가 건강보험 가입자이거나 배우자(남편)가 건강보험가입자가 있다면 건강보험 혜택을 받을 수 있습니다.

임산부가 자연분만을 하면 입원진료비 전액을 지원받고, 식대는 50% 면제됩니다. 제왕절개 분만은 비용이 다릅니다. 제왕절개 입원 비용은 별도 개인부담금이 발생합니다. 자세한 내용은 아래 지원기관에 문의하세요.

Tổng đài Danuri 다누리 콜센터	 1577-1366 (có hỗ trợ tư vấn bằng tiếng Việt) 1577-1366 (베트남어 지원)
Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa 다문화가족지원센터	Tham khảo <i>Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.7, trang 118 - Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa</i> 다문화가족지원센터 - 118페이지, 제8.7조, 주요연락처, 제8장 참고
Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài 외국인노동자지원센터	Tham khảo <i>Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.1, trang 101 - Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc</i> 고용노동부 산하 외국인 노동자 지원센터 - 101페이지, 8.1조, 주요연락처, 8장에 참고



SỨC KHOẺ TÌNH DỤC
VÀ SỨC KHOẺ SINH SẢN



Đăng ký xin hỗ trợ chi phí mang thai – sinh sản

임신 출산 진료비 지원 신청



Người tham gia bảo hiểm sức khỏe có thể đăng ký xin hỗ trợ chi phí mang thai – sinh sản. Chỉ những trường hợp được các bác sĩ khoa sản xác nhận việc mang thai – sinh sản thì mới đủ điều kiện đăng ký xin hỗ trợ. Bạn có thể đăng ký tại trang chủ của Trung tâm một cửa, Tổng công ty Bảo hiểm y tế. Bạn có thể đăng ký xin hỗ trợ 1 triệu won nếu mang thai một, 1,4 triệu won nếu mang thai đôi (song sinh) cho mỗi lần mang thai.

건강보험 가입자는 임신, 출산 진료비를 신청할 수 있습니다. 산부인과 의사가 임신 출산 사실을 확인해 주어야 신청이 가능합니다. 건강보험공단 사이버민원센터 홈페이지에서 신청 가능합니다. 임신 1회당 일태아 100만원, 다태아 (쌍둥이) 140만원 지원 신청을 할 수 있습니다.

[Trung tâm một cửa, Tổng công ty Bảo hiểm sức khỏe quốc gia](#)

[국민건강보험공단 사이버민원센터](#)



[Trang thông tin các cơ sở điều dưỡng](#)

[요양기관 정보마당](#)



Tôi có thể xin nghỉ phép để nuôi con không?

육아휴직을 쓸 수 있나요?



Bạn có thể xin nghỉ phép để nuôi con. Trong trường hợp có con dưới 8 tuổi hoặc con là học sinh lớp 2 trở xuống thì bạn có thể xin nghỉ phép nuôi con trong thời gian dưới 1 năm. Tuy nhiên, nếu bạn mới làm việc ở nơi làm việc hiện tại dưới 6 tháng hoặc chồng của bạn đã xin nghỉ phép nuôi con thì bạn sẽ không thể xin nghỉ phép nuôi con.

네. 자녀가 만8세 혹은 초등학교 2학년 이하인 경우, 자녀를 돌보기 위해 1년 이내 기간으로 육아휴직을 신청할 수 있습니다. 단, 현재 일하고 있는 곳에서 6개월 미만으로 일했거나 배우자가 이미 육아휴직을 사용한 경우, 육아휴직을 신청할 수 없습니다.

CHƯƠNG 6: SỨC KHỎE TÌNH DỤC VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN

제6장: 성 및 생식 건강

Thông tin liên quan đến mang thai - sinh con (tổng hợp)

임신 출산 관련 정보(종합)

Tư vấn (Tiếng Việt)

상담(베트남어)

Tổng đài Danuri 다누리 콜센터	 1577-1366 (hỗ trợ phiên dịch tiếng Việt) 1577-1366 (베트남어 지원)
Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa 다문화가족지원센터	Tham khảo <i>Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.7, trang 118 - Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa</i> 다문화가족지원센터 - 118페이지, 제8.7조, 주요연락처, 제8장 참고
Trung tâm hỗ trợ lao động người nước ngoài 외국인노동자지원센터	Tham khảo <i>Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.1, trang 101 - Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc</i> 고용노동부 산하 외국인 노동자 지원센터 - 101페이지, 8.1조, 주요연락처, 8장에 참고
Đăng ký dịch vụ hỗ trợ khi mang thai 임신 지원 서비스 신청	
Dịch vụ hỗ trợ khi mang thai Mọi thắc mắc về dịch vụ hỗ trợ 	Cấp thuốc bổ sung axit folic, thuốc bổ sung sắt, lớp dành cho các sản phụ, hỗ trợ chi phí mang thai - sinh sản, sổ tay sức khỏe mẹ và bé v.v 엽산제, 철분제, 임신부교실, 임신출산진료비 지원, 모자보건수첩 등 지원
Đăng ký hỗ trợ chi phí mang thai - sinh con (bảo hiểm y tế) 임신 출산 진료비 신청(건강보험)	
Trung tâm dịch vụ dân sự điện tử, Tổng công ty Bảo hiểm y tế quốc gia Mọi thắc mắc về bảo hiểm y tế 국민건강보험공단 사이버민원센터	Đường dẫn: Phản ánh tại đây > Phản ánh cá nhân > Trợ cấp bảo hiểm > Chi phí mang thai/sinh con > Đăng ký online hỗ trợ chi phí mang thai - sinh con 경로: 민원여기요 > 개인민원 > 보험급여 > 임신/출산 진료비 > 임신 출산 진료비 온라인 신청

SỨC KHỎE TÌNH DỤC
VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN



CHƯƠNG 7: SỨC KHOẺ TÂM THẦN/ TINH THẦN

제7장: 정신건강



7.1 DỊCH VỤ HỖ TRỢ VỀ SỨC KHỎE TINH THẦN

정신 건강 지원 서비스



Tôi có thể sử dụng các dịch vụ hỗ trợ về sức khỏe tinh thần ở đâu?

어디에서 정신 건강 지원 서비스를 받을 수 있나요?

Các cơ quan, đoàn thể địa phương có cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tinh thần. Các đơn vị có hỗ trợ dịch vụ phiên dịch chuyên nghiệp (tiếng Việt) là Tổng đài Danuri và Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại địa phương.

지역사회에서 정신건강 서비스를 제공하고 있습니다. 전문 통역 서비스 (베트남어)가 가능한 기관은 다누리 콜센터와 지역 외국인노동자 지원센터입니다.

<p>Tổng đài tư vấn về các nguy cơ về sức khỏe tinh thần 정신건강위기상담전화</p>	<p> 1577-0199, Hoạt động 24 giờ/ngày, 365 ngày/năm 365일 24시간 정신건강상담 가능</p>
<p>Trung tâm tư vấn, Bộ Y tế Hàn Quốc 보건복지부 상담센터</p>	<p> 129 Tư vấn và hỗ trợ liên hệ với những nơi chuyên điều trị các vấn đề về sức khỏe tinh thần Tư vấn các trường hợp có nguy cơ tự tử, cung cấp thông tin về sức khỏe tinh thần và các cơ sở y tế chuyên về sức khỏe tinh thần 정신건강 상담 및 치료연계 자살위기상담, 정신건강정보 제공 및 정신의료기관 안내</p>
<p>Tổng đài Danuri 다누리 콜센터</p>	<p> 1577-1366 Đường dây nóng dành cho phụ nữ kết hôn di cư, hỗ trợ 13 thứ tiếng, làm việc 24 giờ/ngày, 365 ngày/năm Hỗ trợ tư vấn, hỗ trợ phiên dịch chuyên nghiệp 이주여성긴급전화 13개국어 365일 24시간 운영 상담지원, 전문 통역 지원</p>
<p>Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài 외국인노동자 지원 센터</p>	<p>Tham khảo <i>Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.1, trang 101 - Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc</i>. Các trung tâm này có thể hỗ trợ tư vấn và giải đáp các thắc mắc về sức khỏe tinh thần 고용노동부 산하 외국인 노동자 지원센터 - 101페이지, 8.1조, 주요연락처, 8장에 참고하여 정신건강에 대하여 상담 및 문의 가능</p>
<p>Tổng đài của Lifeline Korea 한국생명의전화</p>	<p> 1588-9191</p>



Tôi có thể được tư vấn về sức khỏe tinh thần ở đâu?

어디에서 정신건강 상담을 받을 수 있나요?




Bạn có thể nhận được ý kiến tư vấn về sức khỏe tinh thần cho người di cư tại Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài của địa phương (*tham khảo Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.1, trang 101 - Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc*).








지역 외국인노동자 지원센터 (고용노동부 산하 외국인 노동자 지원센터 - 101페이지, 8.1조, 주요연락처, 8장에 참고) 에서 이 주민 정신건강 상담을 받을 수 있습니다.

Cơ quan tư vấn về sức khỏe tinh thần tại Việt Nam

베트남 현지 정신건강 상담기관

Đây là những cơ quan tại **Việt Nam**  cung cấp dịch vụ tư vấn từ xa. Xin hãy thoải mái tư vấn bằng tiếng Việt. Hãy tham khảo số điện thoại và các trang web sau.

베트남 현지에서 원격으로 상담을 제공하는 기관입니다. 베트남어로 마음 편히 상담 받으세요. 연락처와 관련 웹사이트를 참고하세요.

Cơ quan/Tổ chức 기관명	Thông tin liên hệ 연락처	Website/ Facebook 홈페이지/페이스북
OSSO - Văn phòng hỗ trợ phụ nữ di cư hồi hương	 (+84) 1800-599-967  osso@vwu.vn	Facebook 페이스북 
Tổ chức Hagar International	 Điện thoại/Zalo (24/7) 전화번호/ZALO 번호 (24/7) (+84) 943-111-967 Điện thoại văn phòng tại Việt Nam 베트남 사무실 전화번호 (+84) 24-3728-2342  Email 이메일 주소 infor@hagarinternational.org	Website 홈페이지  Facebook 페이스북 



CHƯƠNG 7: SỨC KHOẺ TÂM THẦN/TINH THẦN

제7장: 정신건강

<p>Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về giới - gia đình - phụ nữ và vị thành niên</p>	<p> (+84) 24-3333-5599 (+84) 941-409-119  csaga@csaga.org.vn</p>	<p>Website 홈페이지  Facebook 페이스북 </p>
<p>Healthy Mind</p>	<p>Bạn có thể gửi mail tới địa chỉ email bên dưới hoặc đặt câu hỏi trực tuyến thông qua đường link bên dưới 아래 메일 주소로 메일을 보내거나 아래 링크를 통해 온라인 문의 가능  Email 이메일주소 Hi@psytechlab.com, hi.healthymind@gmail.com Đặt câu hỏi trực tuyến trên website 홈페이지 온라인 문의 가능</p>	<p>Website 홈페이지  Facebook 페이스북 </p>
<p>Danh bạ, địa chỉ cơ quan, tổ chức hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực, xâm hại 폭력또는 성폭행의 피해자 인 여성과 아동을 지원하는 기관 및 단체의 주소록</p>		<p>PDF </p>

SỨC KHOẺ TÂM THẦN/
TINH THẦN

7.2 THÍCH NGHI VỚI CUỘC SỐNG Ở HÀN QUỐC

한국 생활 적응



Câu chuyện của Duy: “Tôi rất nhớ nhà và gia đình.”

Tuổi: 33

Nghề nghiệp: Lao động trong nhà máy lắp ráp, chế tạo

Ngôn ngữ: Tiếng Việt (tiếng mẹ đẻ), tiếng Hàn (hạn chế)

Gia đình: Đã kết hôn. Vợ và các con đang sinh sống tại Việt Nam

Đặc điểm: Lần đầu tiên đến và sinh sống tại Hàn Quốc

Tình trạng sức khỏe: Chứng đau đầu gối

Loại visa: E-9 (lao động phổ thông)

DUY씨의 이야기: “고향과 가족이 너무 그리워요.”

나이: 33

직업: 제조업 노동자

언어: 베트남어, 서툰 한국어

가족: 결혼. 부인과 아이들은 베트남에 거주

특징: 한국에 처음 방문 및 이주

건강상태: 무릎 통증

체류자격: E-9(비전문취업)



Đạo gần đây, tôi rất nhớ nhà và gia đình. Tôi cảm thấy rất cô đơn. Tôi có thể tìm kiếm sự giúp đỡ ở đâu?

요즘 들어 가족과 고향이 너무 그리워요. 그리고 외로움을 많이 느껴요. 어디에 도움을 청해야 할까요?

Sự cô đơn, mệt mỏi và bức bối mà bạn Duy cảm nhận là những cảm giác rất tự nhiên. Những cảm giác này thường xuất hiện khi bạn phải thích nghi với một môi trường sống mới, do đó bạn đừng quá lo lắng. Thay vì lo âu một mình, bạn nên tham gia vào các buổi họp mặt đồng hương với những người di cư khác cũng tới từ Việt Nam hoặc thường xuyên liên lạc với gia đình. Ngoài ra, việc ăn uống, nghỉ ngơi có giờ giấc và ngủ đủ giấc cũng rất hữu ích trong việc kiểm soát tình trạng căng thẳng của bản thân.

DUY씨가 느끼는 외로움, 무기력, 답답함은 새로운 국가에 적응할 때 드는 자연스러운 감정이니 너무 걱정하지 마세요. 혼자서 고민하기 보다 베트남에서 온 이주민들과 모임을 갖거나 가족과 연락을 자주 하면 좋습니다. 또한, 규칙적인 식사, 휴식 그리고 충분한 수면은 스트레스 관리에 도움이 됩니다.



CHƯƠNG 7: SỨC KHOẺ TÂM THẦN/TINH THẦN

제7장: 정신건강

Ngoài ra, bạn hãy đến trực tiếp hoặc gọi điện đến các Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc hoặc Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa để được tư vấn. Những cơ quan này đều cung cấp dịch vụ phiên dịch nên bạn có thể nhận được ý kiến tư vấn bằng tiếng Việt từ các chuyên gia. Thêm vào đó, các nhân viên ở đây cũng hỗ trợ liên hệ với các cơ quan chuyên tư vấn hoặc bệnh viện trong trường hợp cần thiết.

=> Hãy tham khảo thông tin ở *Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.1, trang 101 - Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài thuộc Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc và Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.7, trang 118 - Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa.*

외국인노동자지원센터나 다문화가족지원센터에 방문을 하거나 전화로 상담을 받으세요. 통역 서비스를 제공하고 있으니 베트남어로 전문가에게 상담을 받을 수 있습니다. 또한, 필요한 경우, 외부상담기관이나 병원에 연계해 주기도 합니다. 고용노동부 산하 외국인 노동자 지원센터 - 101페이지, 제8.1조, 주요연락처, 제8장 및 다문화가족지원센터 - 118페이지, 제 8.7조, 주요연락처, 제8장 참고



Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa - người nước ngoài

다문화가족지원센터

Ở mỗi địa phương đều có Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa. Các trung tâm này sẽ hỗ trợ người di cư để họ có thể thích nghi tốt với cuộc sống ở Hàn Quốc. Một số dịch vụ của các trung tâm này là:

지역별로 다문화가족지원센터가 있습니다. 이주민들이 한국생활에 잘 적응할 수 있도록 지원합니다.

- 1. Hỗ trợ người di cư học tiếng Hàn/văn hóa Hàn Quốc** 한국어/ 한국문화를 배울 수 있습니다.
- 2. Giáo dục người di cư về gia đình, bình đẳng giới, quyền con người** 가족, 성평등, 인권에 대한 교육을 받을 수 있습니다.
- 3. Hỗ trợ dịch vụ phiên dịch** 통번역 서비스를 지원합니다.
- 4. Cung cấp dịch vụ tư vấn** 상담을 제공합니다.

Hãy kiểm tra xem gần nơi cư trú của bạn có Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa nào hay không (*tham khảo Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.7, trang 118 - Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa*).

가까운 다문화가족지원센터가 어디인지 확인하세요. (다문화가족지원센터 - 118페이지, 제8.7조, 주요연락처, 제8장 참고)

Tổng đài Danuri

다누리콜센터



1577-1366 (có hỗ trợ tư vấn bằng tiếng Việt), bạn có thể được cung cấp thông tin và hướng dẫn về những dịch vụ của các trung tâm hỗ trợ người nước ngoài gần nơi cư trú.

다누리콜센터 ☎1577-1366 (베트남어 가능)에서 가까운 외국인 지원센터의 정보와 제공 서비스 안내를 받을 수 있습니다.

Ngoài ra, bạn có thể liên lạc tới cơ quan hỗ trợ về sức khỏe tinh thần tại Việt Nam để được tư vấn bằng tiếng Việt (*tham khảo Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.6, trang 116 - Cơ quan tư vấn sức khỏe tinh thần tại Việt Nam*).

베트남 현지 정신건강 지원기관에 연락하시면 베트남어로 상담을 받으실 수 있습니다 (베트남 현지 정신건강 상담기관 - 116 페이지, 제8.6조, 주요연락처, 제8장 참고) 베트남 현지 정신건강 상담기관).

7.3 PHÒNG TRÁNH CHỨNG TRẦM CẢM VÀ TỰ SÁT 우울증과 자살 예방

Câu chuyện của bạn của Mai: “Hình như bạn tôi bị trầm cảm”

MAI씨 친구의 이야기: “친구가 우울증인 것 같아요”



Huyền ơi, dạo này cậu thấy cuộc sống ở Hàn Quốc thế nào? Có tốt không? Cũng lâu rồi, hay là bọn mình gặp nhau rồi nói chuyện nhé?

요즘 한국 생활은 어때? 지낼만 해? 우리 오랜만에 만나서 이야기 할까?

Dạo này tớ mệt mỗi lần. Tớ đang nghĩ không biết có nên quay về Việt Nam không. Tớ không ngủ được, tâm trạng luôn buồn bực và không tốt. Ngày hôm qua, vì quá mệt mỏi mà tớ thậm chí còn có suy nghĩ muốn chết.

나 요즘 너무 힘들어. 베트남에 돌아가야 하나 싶은 생각도 들어. 잠도 제대로 못자고 기분이 계속 우울하고 안좋아. 어제는 너무 힘들어서 죽고 싶다는 생각도 들었어.

CHƯƠNG 7: SỨC KHOẺ TÂM THẦN/TINH THẦN

제7장: 정신건강



Người bạn đồng hương của tôi hình như bị trầm cảm. Những lúc như thế này, tôi nên làm gì cho bạn mình? Tôi có thể tìm kiếm sự trợ giúp ở đâu?

한국에 있는 베트남 친구가 우울증인 것 같아요. 이럴 때 어떻게 하면 좋을까요? 어디에 도움을 청해야 할까요?

Bạn hãy cùng bạn của mình đến Trung tâm hỗ trợ người nước ngoài để được tư vấn hoặc sắp xếp một buổi tư vấn qua điện thoại cho người bạn đó. Trung tâm sẽ hỗ trợ phiên dịch tiếng Việt. Ngoài ra, bạn có thể gọi điện tới Tổng đài Danuri (☎1577-1366) để được cung cấp thông tin về các bệnh viện và cơ quan tư vấn có hỗ trợ phiên dịch tiếng Việt.

친구와 함께 외국인지원센터를 방문해 상담을 받거나 전화상담을 주선해 보세요. 베트남어 통역 지원됩니다. 다누리 콜센터(1577-1366)에 전화해서 베트남어 통역이 가능한 상담 기관 및 병원을 안내 받으세요.



Và bạn hãy ghi nhớ 3 điều sau:

- 1. Đặt câu hỏi:** Hãy hỏi họ có suy nghĩ gì về việc tự sát và đặt ra các câu hỏi thăm dò tín hiệu của nguy cơ tự sát.
- 2. Lắng nghe:** Hãy lắng nghe lý do khiến họ nghĩ tới chuyện tự tử và những tâm sự về cuộc sống của họ.
- 3. Kết nối:** Kết nối họ với chuyên gia tư vấn. Hãy giới thiệu cho họ các chuyên gia hoặc cơ quan chuyên môn, nơi họ có thể nhận được sự giúp đỡ.

그리고 3가지를 기억해주세요.

- 1. 물어보기:** 자살위험신호와 자살에 대한 생각을 물어봐 주세요.
- 2. 들어주기:** 자살을 생각한 이유와 삶의 이유를 들어주세요.
- 3. 연결하기:** 도움을 받을 수 있는 전문가나 전문기관을 소개해 주세요.



1. Đặt câu hỏi

Huyền ơi, tớ có thể hỏi vì sao dạo gần đây cậu lại mệt mỏi đến thế không?

2. Lắng nghe

Thì ra là vậy. Hần là cậu đã thấy mệt mỏi lắm.

3. Kết nối

Cậu thấy thế nào nếu đi cùng tớ đến trung tâm hỗ trợ người nước ngoài để xin được tư vấn?

- 1. 물어보기:** HUYEN 요즘 왜 그렇게 힘든건지 물어봐도 될까?
- 2. 들어주기:** 그랬구나. 많이 힘들었겠다.
- 3. 연결하기:** 나랑 같이 외국인지원센터 가서 상담을 받아보는건 어때?

Bài khảo sát về trầm cảm

우울증 설문 테스트

Bạn hãy quét mã QR dưới đây và làm thử bài khảo sát về trầm cảm. Tuy nhiên, để được chẩn đoán chính xác, bạn cần phải được chuyên gia về sức khỏe tinh thần khám và điều trị.



[Link 1](#)

[Link 2](#)

QR코드를 인식하여 우울증 설문 테스트를 해보세요. 정확한 진단을 위해서는 정신건강 전문가에게 진료를 받아야 합니다.

7.4 NGHIỆN ĐỒ UỐNG CÓ CỒN, THUỐC, CỜ BẠC

알코올, 약물, 도박 중독



Vì công việc ở trên thuyền quá vất vả nên sau khi tan làm, ngày nào tôi cũng đi uống rượu. Bây giờ, chỉ cần một ngày không uống rượu là tôi sẽ cảm thấy bứt rứt và khó chịu.

배에서 하는 일이 힘들어서 퇴근 후에 술을 매일 마시게 되었어요. 이제는 하루도 술을 마시지 않으면 불안하고 힘들어요.



Tôi muốn được tư vấn về chứng nghiện nhưng không biết tiếng Hàn. Tôi phải liên lạc tới đâu?

한국어를 못하는데 중독 상담을 받으려면 어디로 연락하면 되나요?

Hiện nay, Tổng đài **chuyên tiếp nhận thông tin về các trường hợp nghiện cờ bạc** (☎ 1336) và **Trung tâm tư vấn phòng chống lạm dụng thuốc và các chất ma túy** (☎ 1899-0893) có cung cấp dịch vụ hỗ trợ tư vấn bằng tiếng Hàn nhưng không hỗ trợ tư vấn và phiên dịch tiếng Việt. Vì vậy, bạn có thể tìm đến Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa để được tư vấn tâm lý và tư vấn về hỗ trợ y tế liên quan đến các chứng nghiện.

현재 도박중독 전용 콜센터 (헬프라인 1336), 마약류 및 약물남용 예방상담소 (1899-0893)가 한국어로 제공되지만 베트남어 통역 및 상담은 지원되지 않습니다. 다문화가족지원센터를 통해 심리 상담과 중독 관련 의료지원 관련 상담을 받을 수 있습니다.

Tổng đài Danuri (☎ 1577-1366)

다누리 콜센터

Để biết thêm thông tin về **Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa**, tham khảo *Chương 8. Danh bạ đường dây nóng, mục 8.7, trang 118 - Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa.*

다문화가족지원센터 정보는 다문화가족지원센터 - 118페이지, 제8.7조, 주요연락처, 제8장 참고










CHƯƠNG 7: SỨC KHOẺ TÂM THẦN/TINH THẦN

제7장: 정신건강



Tôi có thể tìm kiếm thông tin về cai nghiện đồ uống có cồn, thuốc, cờ bạc ở đâu?

알콜, 도박, 약물 중독 치료 관련 정보는 어디서 찾을 수 있나요?

Cơ quan 기관	Điện thoại 전화번호	Website 웹사이트
Trung tâm quản lý các vấn đề về cờ bạc Hàn Quốc 한국도박문제관리센터	 1336 (24 giờ/ngày) 1336(24시간)	
Trung tâm phòng chống ma túy Hàn Quốc 한국마약퇴치운동본부	 02-2677-2245	
Trung tâm tư vấn phòng chống lạm dụng thuốc và các chất ma túy 마약류 및 약물남용 예방상담소	Tư vấn toàn quốc Số điện thoại: 1899-08 전국 상담 대표전화 1899-0893	
Trung tâm cai nghiện ma túy 마약 중독재활센터	 02-2679-0436	
Trung tâm tư vấn thuốc Bộ Y tế Hàn Quốc 보건복지부 상담센터	 129	

SỨC KHOẺ TÂM THẦN/
TINH THẦN

BÀI KIỂM TRA VỀ CHỨNG NGHIỆN RƯỢU 알코올 중독 테스트

Bạn hãy thử làm bài kiểm tra về nghiện rượu (Phân loại người nghiện rượu nguy hiểm bản tiếng Việt (AUDIT-K)). Để được chẩn đoán chính xác, bạn cần phải tư vấn với chuyên gia.

알코올 중독과 관련한 테스트(베트남어 위험음주자 선별(AUDIT-K))를 해보세요.

Ví dụ về bài kiểm tra đánh giá phân loại bằng tiếng Việt – Khảo sát sức khỏe người nghiện rượu (PHQ-9)

베트남어 선별검사 척도 테스트- 알콜중독건강질문(PHQ-9) 예시:

베트남어 | 위험음주자 선별(AUDIT-K)

PHÂN LOẠI NGƯỜI NGHIỆN RƯỢU NGUY HIỂM

Những thông tin Quý vị đã viết

- Mục đích : Dữ liệu sẽ được sử dụng với những đối tượng kiểm tra sức khỏe tinh thần thông qua các câu hỏi cơ bản để phát hiện và phòng ngừa sớm.
- Thời gian lưu trữ/sử dụng : Được lưu trữ cho đến khi hết mục đích sử dụng nói trên dựa theo Luật bảo vệ thông tin cá nhân.
 - Bạn có đồng ý cho sử dụng thông tin cá nhân không? (có/ không)
 - Bạn có muốn chúng tôi thông báo kết quả không? (có/ không)
 - Bạn có đồng ý cung cấp thông tin cho bên thứ ba (bệnh viện, phòng khám, tổ chức tư vấn, v.v.) cho mục đích điều trị không? (có/ không)

Người xác nhận : (ký tên)

Họ và Tên 이름		Giới tính 성별	Nam 남 / Nữ 여	Độ tuổi 연령	
Số điện thoại 연락처		Địa chỉ 주소		Số điểm 점수	

Hãy đánh dấu vào phần câu trả lời mà bạn cho rằng là đúng.

Trong phần câu hỏi mà có từ 1 chén Rượu công nghệ là nói về số lượng chứ không liên Quan đến loại Rượu. Trường hợp nếu là bia thì là 1 cốc bia, Rượu thì là 1 chén và Rượu Ngoại thì là 1 chén.

HANG MỤC		0	1	2	3	4
1	Bạn có thường xuyên uống Rượu không?	Không uống	1 tháng dưới 1 lần	1 tháng từ 2-4 lần	1 tuần từ 2-3 lần	1 tuần trên 4 lần
2	Bình thường khi uống thì bạn uống khoảng bao nhiêu?	1-2 chén	3-4 chén	5-6 chén	7-9 chén	trên 10 chén
3	Bạn có thường xuyên uống bia hoặc rượu với số lượng trên 1 chai trở lên không?	hoàn toàn không có	1 tháng dưới 1 lần	1 háng 1 lần	1 tuần 1 lần	hàng ngày
4	Trong vòng 1 năm qua, nếu uống rượu bạn không thể ngừng uống, điều này có thường xuyên xảy ra không?	hoàn toàn không có	1 tháng dưới 1 lần	1 tháng 1 lần	1 tuần 1 lần	hàng ngày
5	Trong vòng 1 năm qua, vì uống rượu nên bạn đã không thể làm được những việc mà thường ngày bạn có thể làm, điều này có thường xuyên xảy ra không?	hoàn toàn không có	1 tháng dưới 1 lần	1 tháng 1 lần	1 tuần 1 lần	hàng ngày
6	Trong vòng 1 năm qua, sau ngày uống nhiều rượu, bạn đã từng uống rượu để giải rượu, điều này có xảy ra thường xuyên không?	hoàn toàn không có	1 tháng dưới 1 lần	1 tháng 1 lần	1 tuần 1 lần	hàng ngày
7	Trong vòng 1 năm qua, bạn có thường xuyên cảm thấy tội lỗi hay hối hận sau khi uống rượu không?	hoàn toàn không có	1 tháng dưới 1 lần	1 tháng 1 lần	1 tuần 1 lần	hàng ngày
8	Trong vòng 1 năm gần đây sau mỗi lần uống rượu thì ngày hôm sau bạn không thể làm những việc đã xảy ra vào hôm đó vậy thì điều này có thường xuyên xảy ra không?	hoàn toàn không có	1 tháng dưới 1 lần	1 tháng 1 lần	1 tuần 1 lần	hàng ngày
9	Do uống rượu mà bạn đã dặt lưng tay làm cho mình hoặc làm cho người khác bị trán thương hay không?	hoàn toàn không có		Có, không bao giờ xảy ra ngoài		Có, từng xảy ra trong vòng 1 năm gần đây.
10	Người thân, bạn bè hoặc bác sĩ của bạn đã từng lo lắng về việc bạn uống rượu hoặc đã từng khuyên bạn ngừng uống rượu?	hoàn toàn không có		Có, không bao giờ xảy ra ngoài		Có, từng xảy ra trong vòng 1 năm gần đây.

결과해석			
분류	점수		설명예시
	남	여	
정상음주	0-9	0-5	비교적 건강하고 안전한 음주습관을 갖고 있음
위험음주	10-19	6-9	음주에 대한 단기개입과 지속적인 모니터링 필요
알코올 사용장애	20 이상	10 이상	'사용장애추정군'으로 신체증상, 불안, 불면, 사회부적응, 우울 등 증상이 나타날 수 있으므로 관심과 전문가의 치료적 개입 필요



CHƯƠNG 8:

DANH BẠ ĐƯỜNG DÂY NÓNG

(Cập nhật đến tháng 7/2022)

제8장:주요 연락처(2022년 7월 기준)






Thông tin liên hệ của các cơ quan hỗ trợ theo từng lĩnh vực do Nhóm biên soạn sưu tầm và lựa chọn đưa vào Sổ tay để tham khảo.





상황별 지원기관의 연락처 정보는 편집팀이 수집 및 선정하여 참고용으로 편람으로 수록한다.



8.1) Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài thuộc Bộ Lao động việc làm Hàn Quốc (Các cơ quan được Bộ Lao động việc làm ủy thác)

고용노동부 산하 외국인노동자지원센터(고용노동부 위탁기관)

Khu Vực 지역	Cơ Quan 기관명	Địa chỉ 주소	Điện thoại 번호
Seoul 서울특별시	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc 한국외국인노동자지원센터	[Mã bưu chính: 08395] Tầng 1, 3, 4 Tòa B, số 1291 Nambusun- hwan-ro, Guro-gu, Seoul [우:08395] 서울특별시 구로구 남 부순환로 1291 B동 1,3,4층	 1633-0644
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Tư vấn nhân lực, Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc 산업인력공단 외국인력상담센터	[Mã bưu chính: 15359] Số 16 Gojan 2-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do [우:15359] 경기도 안산시 단원구 고잔2길 16	 1577-0071
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Euijeongbu 의정부외국인노동자지원센터	[Mã bưu chính: 11655] Số 94 Gyeongeu-ro (Euijeongbu-dong), Euijeongbu-si, Gyeonggi-do [우:11655] 경기도 의정부시 경의 로 94(의정부동)	 031-8389-111
Gyeong-sangnam-do 경상남도	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Yangsan 양산외국인노동자지원센터	[Mã bưu chính: 50527] Số 28 Yeonho-ro, Yangsan-si, Gyeong-sangnam-do [우:50527] 경상남도 양산시 연 호로 28	 055-912-0255
Gyeong-sangnam-do 경상남도	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Changwon 창원외국인노동자지원센터	[Mã bưu chính: 51266] Số 203, 3-15 Dae-ro, Masanhappogu, Changwon-si, Gyeong-sangnam-do [우:51266] 경상남도 창원시 마 산합포구 3-15대로 203	 055-253-5270

Gwangju 광주광역시	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Gwangju 광주외국인노동자지원센터	[Mã bưu chính: 62234] Số 82 Poongyeong-ro 145beon-gil, Gwang-san-gu, Gwangju [우:62234] 광주광역시 광산구 풍영로 145번길 82	 062-946-1199
Chungcheongnamdo 충청남도	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Cheonan 천안외국인노동자지원센터	[Mã bưu chính: 31109] Tầng 4 Sky Building, số 21 Seongjeong park 5-ro (1300, Seongjeong-dong), Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do [우:31109] 충청남도 천안시 서북구 성정공원5로 21 (성정동 1300) 스카이블딩 4층	 041-411-7000
Daegu 대구광역시	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Daegu 대구외국인노동자지원센터	[Mã bưu chính: 42914] Tầng 8 - 9 Jinkwang Tower, số 863 Dalgu-beol-daero, Dasa-eup, Dalseong-gu, Daegu [우:42914] 대구광역시 달성군 다사읍 달구벌대로 863 진광타워 8-9층	 053-654-9700
Incheon 인천광역시	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Incheon 인천외국인노동자지원센터	[Mã bưu chính: 21655] Tầng 12 Myeongjin Plaza, số 220 Hogupo-ro, Namdong-gu, Incheon [우:21655] 인천광역시 남동구 호곡로 220 명진프라자 12층	 032-431-5757











Nguồn: Bộ Lao động việc làm Hàn Quốc

출처: 고용노동부


8.2) Các cơ quan, đoàn thể ủy thác tại địa phương

지방 자치 단체 위탁기관

Khu Vực 지역	Cơ Quan 기관명	Địa chỉ 주소	Điện thoại 번호
Seoul 서울특별시	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Gangdong 강동외국인노동자센터	Số 56 Seongan-ro 13-gil, Gangdong-gu, Seoul 서울특별시 강동구 성안로13길 56	 02-478-0126
Seoul 서울특별시	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Geumcheon 금천외국인노동자센터	Số 129 Gasan-ro, Geumcheon-gu, Seoul 서울특별시 금천구 가산로 129	 02-868-5208
Seoul 서울특별시	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Seongdong 성동외국인노동자센터	Số 47-1 Muhak-ro 6-gil, Seongdong-gu, Seoul 서울특별시 성동구 무학로 6길 47-1	 02-2282-7974
Seoul 서울특별시	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Seongbuk 성북외국인노동자센터	Số 23 Opesan-ro 16-gil, Seongbuk-gu, Seoul 서울특별시 성북구 오패산로 16 길 23	 02-911-2884
Seoul 서울특별시	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Yangcheon 양천외국인노동자센터	Số 59 Mokdongdong-ro 12-gil, Yangcheon-gu, Seoul 서울특별시 양천구 목동동로 12 길 59	 02-2643-0808
Seoul 서울특별시	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Eunpyeong 은평외국인노동자센터	Số 14-26 Eunpyeong-ro 21-gil, Eunpyeong-gu, Seoul 서울특별시 은평구 은평로 21길 14-26	 02-388-6341





<p>Busan 부산광역시</p>	<p>Trung tâm Hỗ trợ người nước ngoài di cư Busan 부산외국인주민지원센터</p>	<p>Tầng 3 ngân hàng Busan, số 228 Sasang-ro, Sasang-gu, Busan 부산광역시 사상구 사상로 228, 부산은행 3층</p>	<p> 051-304-0900</p>
<p>Daegu 대구광역시</p>	<p>Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Dalseong 달성외국인근로자지원센터</p>	<p>Số 1 Nongongjun-gang-ro 34-gil, Nongong-eup, Dalseong-gun, Daegu 대구광역시 달성군 농공읍 농공중앙로 34길 1</p>	<p> 053-611-8984</p>
<p>Incheon 경기도</p>	<p>Trung tâm Tư vấn cho người lao động nước ngoài tại Buseol, Michuhol-gu 미추홀구부설 외국인근로자 상담소</p>	<p>Phòng 101, số 229 Seokjeong-r Michuhol-gu, Incheon 인천광역시 미추홀구 석정로 229, 101호</p>	<p> 032-874-4392</p>
<p>Gyeonggi-do 경기도</p>	<p>Trung tâm Phúc lợi người nước ngoài Suwon 수원시외국인복지센터</p>	<p>Tầng 7 - 8 Silloam Medical Building, số 43 Jungbu-daero, Paldal-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do 경기도 수원시 팔달구 중부대로 43, 실로암 메디컬빌딩 7-8층</p>	<p> 031-223-0075</p>
<p>Gyeonggi-do 경기도</p>	<p>Trung tâm Hỗ trợ phúc lợi cho người nước ngoài di cư Seongnam 성남시외국인주민복지지원센터</p>	<p>Jeil Plaza, số 10 Sujeongnam-ro, Sujeong-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do 경기도 성남시 수정구 수정남로 10 제일프라자 2층</p>	<p> 031-754-7070</p>
<p>Gyeonggi-do 경기도</p>	<p>Trung tâm Hỗ trợ tư vấn cho người nước ngoài di cư Ansan 안산시외국인주민상담지원센터</p>	<p>Số 43 Bubu-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do 경기도 안산시 단원구 부부로 43</p>	<p> 1644-7111</p>
<p>Gyeonggi-do 경기도</p>	<p>Trung tâm Phúc lợi người nước ngoài Siheung 시흥시외국인복지센터</p>	<p>Số 5 Gongdan 1-daero 259beon-gil, Siheung-si, Gyeonggi-do 경기도 시흥시 공단1대로 259 번길 5</p>	<p> 031-434-0411</p>

Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Phúc lợi người nước ngoài Hwaseong 화성시외국인복지센터	Số 92 - 23 Balangong-dan-ro, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do 경기도 화성시 향남읍 발안공단로 92-23	 031-8059-261
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Hỗ trợ người nước ngoài di cư Kimpo 김포시 외국인주민지원센터	Số 52 Gwanggeum-ro 110beon-gil, Yangchon-eup, Kimpo-si, Gyeonggi-do 경기도 김포시 양촌읍 황금로 110번길 52	 031-986-7660
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Phúc lợi người nước ngoài Namyangju 남양주시외국인복지센터	Số 2 Gagudanjjun-gang-gil, Hwado-eup, Namyangju-si, Gyeonggi-do 경기도 남양주시 화도읍 가구단지 중앙길2	 031-594-5821
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Hỗ trợ người nước ngoài di cư Bucheon 부천시외국인주민지원센터	Tầng 3, số 336 Gyeonam-ro, Bucheon-si, Gyeonggi-do 경기도 부천시 계남로 336, 3층	 032-654-0664
Gangwon-do 강원도	Trung tâm Hỗ trợ người nước ngoài di cư Wonju 원주외국인주민지원센터	Số 1073-11 Donghwa-ri, Munmak-eup, Wonju-si, Gangwon-do 강원도 원주시 문막읍 동화리 1073-11	 070-7521-8097
Gangwon-do 강원도	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Gangneung 강릉시 외국인근로자 지원센터	Số 26 Okga-ro 19beon-gil, Gangneung-si, Gangwon-do 강원도 강릉시 옥가로 19번길 26	 033-635-8956
Jeoll-nam-do 전라남도	Trung tâm Hỗ trợ tổng hợp người nước ngoài di cư Yeosu 여수시외국인주민종합지원센터	Số 33 Saeteo-ro, Yeosu-si, Jeollanam-do 전라남도 여수시 새터로 33	 061-692-4174









Gyeong-sangnam-do 경상남도	Trung tâm Hỗ trợ người nước ngoài di cư Gyeongsangnam-do 경상남도외국인주민지원센터	Số 30 Sahwa-ro 18beon-gil, Euichang-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do 경상남도 창원시 의창구 사화로 18번길 30	 055-237-8779
----------------------------------	--	---	--

8.3) Cơ quan, tổ chức tư nhân hỗ trợ người di cư

이주자 지원 시민단체

Khu Vực 지역	Cơ Quan 기관명	Địa chỉ 주소	Điện thoại 번호
Seoul 서울특별시	Đồng hành cùng người dân nhập cư 이주민센터 동행	Số 19-19 Worldcup-ro 13-gil, Mapo-gu, Seoul 서울시 마포구 월드컵로 13길 19-19	 02-338-1899
Seoul 서울특별시	Hiệp hội vì sức khỏe Người dân nhập cư – Những người bạn của hi vọng (사)한국이주민건강협회 희망의 친구들	Tầng 2, số 12, Tongil-ro 9-gil, Seodaemun-gu, Seoul 서울시 서대문구 통일로 9길 12, 2층	 02-3147-0516
Seoul 서울특별시	Liên đoàn Người lao động nhập cư 이주노동자노동조합	Tầng 4 Trụ sở Liên đoàn lao động tại Seoul, số 13 Hwail-gil, Mapo-gu, Seoul 서울특별시 마포구 환일길 13, 민주노총 서울본부 4층	 02-2285-6068
Busan 부산광역시	Đồng hành cùng người dân nhập cư (사) 이주민과 함께	Tầng 4 - 5, SM building, số 7 Jeonpo-daero 256beon-gil, Busanjin-gu, Busan 부산광역시 부산진구 전포대로 256번길 7, SM빌딩 4, 5층	 051-802-3438
Daegu 대구광역시	Liên đoàn Người lao động khu công nghiệp Seongseo 성서공단노동조합	Tầng 4, số 5 Seongseo-ro 72-gil, Dalseo-gu, Daegu 대구광역시 달서구 성서로 72길 5번지 4층	 053-585-6200

Incheon 인천광역시	Trung tâm Tư vấn dành cho người lao động nước ngoài tại Incheon 인천외국인노동자상담소	Tầng 3 Trung tâm mục vụ xã hội Công giáo, số 2 Woohyun-ro 50beon-gil, Jung-gu, Incheon 인천광역시 중구 우현로 50번길 2, 가톨릭사회사목센터 3층	 032-764-1094
Gwangju 광주광역시	Trung tâm Hỗ trợ người dân nhập cư Gwangju 광주이주민지원센터	Số 57-1 Gwangsan-ro, Gwang-san-gu, Gwangju 광주광역시 광산구 광산로 57-1	 062-959-9335
Ulsan 울산광역시	Trung tâm Người nhập cư Ulsan 울산이주민센터	Tầng 4, số 581 Yeom-po-ro, Buk-gu, Ulsan 울산광역시 북구 영포로 581, 4층	 052-297-1282
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Người dân nhập cư - Cảnh cửa Châu Á 아시아의 창	Tầng 3, số 578 Gun-po-ro, Gunpo-si, Gyeonggi-do 경기도 군포시 군포로 578, 3층	 031-443-2876
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Nhân quyền dành cho người dân nhập cư (사)모두를 위한 이주민권문화센터	Tầng 5, số 1480 Chungbudaero, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do 경기도 용인시 처인구 중부대로 1480-5층	 031-333-6644
Gyeonggi-do 경기도	Ngôi nhà của Shalom - Trung tâm lao động người nước ngoài, Paju 파주이주노동자센터 샬롬의집	Tầng 3, số 9 Mamuri-gil, Paju-si, Gyeonggi-do 경기도 파주시 마무리길 9, 3층	 031-942-3760
Gyeonggi-do 경기도	Ngôi nhà của Shalom, Namyangju 남양주샬롬의집	Tầng 3 Myungseung Building, số 4 Gyeongbukdae-ro, Onab-eup, Namyangju-si, Gyeonggi-do 경기도 남양주시 오남읍 경복대로4 명승빌딩 3층	 031-571-2005
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Người dân nhập cư EXODUS, Euijeongbu 의정부EXODUS 이주민센터	Số 99 Biwoo-ro, Eui-jeongbu-si, Gyeonggi-do 경기도 의정부시 비우로99	 031-878-6926

<p>Gyeonggi-do 경기도</p>	<p>Ngôi nhà sẻ chia Pocheon - Trung tâm hỗ trợ người dân nhập cư 포천나눔의집 이주민지원센터</p>	<p>Tầng 2, số 23 Jun- gang-ro 207 beon-gil, Pocheon-si, Gyeong- gi-do 경기도 포천시 중앙로207번길 23, 2층</p>	<p> 031-532-2025</p>
<p>Gangwon-do 강원도</p>	<p>Ngôi nhà Một cuộc sống 한살의집</p>	<p>Số 45 Oesol-gil 19beon- gil, Dongnae-myeon, Chuncheon-si, Gang- won-do 강원도 춘천시 동내면 외솔길19 번길 45</p>	<p> 033-264-5011</p>
<p>Jeonllabuk-do 전라북도</p>	<p>Ngôi nhà của người lao động, Thánh Joseph 성요셉노동자의집</p>	<p>Tầng 1, số 132 Inbuk-ro, Iksan, Jeollabuk-do 전라북도 익산시 인북로 132 1층</p>	<p> 063-852-6949</p>
<p>Jeollanam-do 전라남도</p>	<p>Trung tâm Hỗ trợ người dân nhập cư, Suncheon 순천이주민지원센터</p>	<p>Tầng 3, số 58 Jun- gang-ro, Suncheon-si, Jeollanam-do 전라남도 순천시 중앙로 58, 3층</p>	<p> 061-726-9601</p>
<p>Chungcheong- buk-do 충청북도</p>	<p>Trung tâm Nhân quyền cho người lao động nhập cư 이주민노동인권센터</p>	<p>Tầng 3 Wooyang Build- ing, số 183 Yulcheon- buk-ro, Cheongwon-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do 충청북도 청주시 청원구 울천북로 183, 우양빌딩 3층</p>	<p> 043-215-6252</p>
<p>Chung- heongnam-do 충청남도</p>	<p>Trung tâm người lao động nhập cư Asan 아산이주노동자센터</p>	<p>Phòng 203, số 29 Sijang-gil, Asan-si, Chungheongnam-do 충청남도 아산시 시장길 29 203호</p>	<p> 041-541-9112</p>
<p>Gyeongsang- buk-do 경상북도</p>	<p>Trung tâm Người lao động nhập cư Gyeongju 경주이주노동자센터</p>	<p>Tầng 3 Yemokgagu, số 294 Wonhwa-ro, Gyeo- ngju-si, Gyeongsang- buk-do 경상북도 경주시 원화로 294 예목 가구 3층</p>	<p> 054744-0079</p>
<p>Gyeongsang- buk-do 경상북도</p>	<p>Trung tâm Người lao động nhập cư Gyeo- ngsan (Gyeongbuk) 경산(경북)이주노동자센터</p>	<p>Tầng 3, số 72-8 Jun- gang-ro, Gyeongsan-si, Gyeongsangbuk-do 경상북도 경산시 중앙로 72-8 3층</p>	<p> 053-814-4180</p>

<p>Gyeong-sangnam-do 경상남도</p>	<p>Trung tâm Người nhập cư Changwon 창원이주민센터</p>	<p>Changyi-daero 600beon-gil, Euichang-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do 경상남도 창원시 의창구 창이대로 600번길</p>	<p> 055-275-8203</p>
<p>Gyeong-sangnam-do 경상남도</p>	<p>Ngôi nhà của người lao động nước ngoài tại Yangsan 양산외국인노동자의 집</p>	<p>Tầng 1 Tòa Phúc lợi cho người lao động thành phố Yangsan, số 35 Bukanbuk 7-gil, Yangsan-si, Gyeongsangnam-do 경상남도 양산시 북안북7길 35 양산시근로자종합복지관 1층</p>	<p> 055-388-0988</p>
<p>Jeju-do 제주특별자치도</p>	<p>Trung tâm Naomi (Hiệp hội mục vụ di cư giáo xứ Jeju) 나오미센터 (천주교 제주교구 이주사목위원회)</p>	<p>Số 18 Jungang-ro 12-gil, Jeju-si, Jeju-do 제주특별자치도 제주시 중앙로 12길 18</p>	<p> 064-725-9199</p>

8.4) Các cơ quan Hỗ trợ về dịch vụ y tế cho người nhập cư

이주자 의료서비스 지원 기관(무료 진료소)

Khu Vực 지역	Cơ Quan 기관명	Địa chỉ 주소	Điện thoại 번호
Seoul 서울특별시	Rafael Clinic 라파엘클리닉	Số 7 Changgyeonggu- ng-ro 43-gil, Seong- buk-gu, Seoul 서울특별시 성북구 창경궁로 43 길 7	 02-763-7595
Busan 부산광역시	Đồng hành cùng người dân nhập cư 이주민과함께	Số 193-38 Jeonpo 2-dong, Jin-gu, Busan 부산광역시 진구 전포2동 193-38	 051-802-3438
Busan 부산광역시	Green Doctor 그린닥터스	Số 721 Gayadae-ro, Busanjin-gu, Busan 부산광역시 부산진구 가야대 로 721	 051-816-2320
Gwangju 광주광역시	Trung tâm Y tế dành cho người dân nhập cư Gwangju 광주이주민건강센터	Số 167 Saam-ro, Gwangsan-gu, Gwangju 광주광역시 광산구 사암로 167	 062-956-3353
Gwangju 광주광역시	Hiệp hội y tế Bridge 브릿지의료인회	Số 470-10 Seo- seok-dong, Dong-gu, Gwangju 광주광역시 동구 서석동 470-10	 070-8226-078
Gwangju 광주광역시	Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài tại Gwangju 광주외국인노동자지원센터	Số 82 Poongyeong-ro 145-gil, Dong-gu, Gwangju 광주광역시 광산구 풍영로 145 번길 82	 062-946-1199
Daejeon 대전광역시	Tổ chức Phúc lợi xã hội y tế Mindeulla 민들레의료복지사회적협동조합	Số 26 Gyejok-ro 663beon-gil, Daedeok- gu, Daejeon 대전광역시 대덕구 계족로 663 번길 26	 042-638-9042
Ulsan 울산광역시	Quỹ Phúc lợi xã hội Tương lai tươi sáng 사회복지법인밝은미래복지재단	Số 30 Pureum-gil, Jung- gu, Ulsan 울산광역시 중구 푸름길 30	 052-244-0011

Ulsan 울산광역시	Hiệp hội Phúc lợi y tế Ingu, chi nhánh Ulsan 인구보건복지협회 울산지회	Số 63 Bongwol-ro, Nam-gu, Ulsan 울산광역시 남구 봉월로 63	 052-273-4463
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Hỗ trợ người dân nhập cư thành phố Bucheon 부천시 외국인주민지원센터	Số 336 Gyenam-ro, Bu- cheon-si, Gyeonggi-do 경기도 부천시 계남로 336	 032-654-0664
Gyeonggi-do 경기도	Phòng khám Vincent, Ansan 안산빈센트의원	Số 39 Hanyangdae- hak-ro, Sangrok-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do 경기도 안산시 상록구 한양대학 로 39	 031-407-9780
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Phúc lợi người nước ngoài Pyeongtaek 평택외국인복지센터	Số 43 Pyeongtaek-ro 64beon-gil, Pyeong- taek-si, Gyeonggi-do 경기도 평택시 평택로64번길 43	 031-652-8855
Gyeonggi-do 경기도	Ngôi nhà trú ẩn cho người lao động nước ngoài tại tại Gwangju 광주외국인근로자쉼터	Số 71 Yeokdong-ro, Gwangju-si, Gyeong- gi-do 경기도 광주시 역동로 71	 031-763-2766
Gyeonggi-do 경기도	MGU 엠지유	Số 2769 Hagun-ro, Yangchon-eup, Kimpo-si, Gyeonggi-do 경기도 김포시 양촌읍 학운리 2769	 031-986-7660
Jeollabuk-do 전라북도	Trung tâm Mục vụ di cư Jeonbuk 전북이주사목센터	Số 100 Girindae-ro, Wansan-gu, Jeonju-si, Jeollabuk-do 전라북도 전주시 완산구 기린대 로 100	 063-285-0041
Gyeongsang- buk-do 경상북도	Trung tâm Người lao động nhập cư Gyeo- ngsan 경산이주노동자센터	Số 72-8 Jungang-ro, Gyeongsan-si, Gyeong- sangbuk-do 경상북도 경산시 중앙로 72-8	 053-814-4180
Gyeongsang- buk-do 경상북도	Trung tâm Người dân nhập cư Gyeongnam 경남이주민센터	Số 30 Sahwa-ro 18beon-gil, Euichang- gu, Changwon-si, Gyeo- ngsangbuk-do 경상남도 창원시 의창구 사화로 18번길 30	 055-237-8779








8.5) Trung tâm Hỗ trợ người lao động nước ngoài di cư không đăng ký cư trú tại Hàn Quốc (Hỗ trợ chi phí y tế cho người nước ngoài di cư không đăng ký cư trú)

미등록 이주자 지원기관(미등록이주자 의료비 지원)

Khu Vực 지역	Cơ Quan 기관명	Địa chỉ 주소	Điện thoại 번호
Seoul 서울특별시	Trung tâm Người lao động nước ngoài tại Seongdong 성동외국인노동자센터	Số 47-1 Muhak-ro 6-gil, Seongdong-gu, Seoul 서울시 성동구 무학로6길 47-1	 02-2282-7974
Seoul 서울특별시	Hiệp hội vì Sức khỏe người dân nhập cư – Những người bạn của hi vọng (사)한국이주민건강협회 희망의 친구들	Tầng 2, số 12 Tongil-ro 9-gil, Seodaemun-gu, Seoul 서울시 서대문구 통일로 9길 12, 2층	 02-3147-0516
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Hỗ trợ người dân nhập cư, Bucheon (사)부천시주민지원센터	Tầng 3 Tòa Phúc lợi cho người lao động, số 336 Gyeonam-ro, Wonmi-gil, Bucheon-si, Gyeonggi-do 경기도 부천시 원미구 계남로 336 근로자종합복지관 3층	 032-654-0664
Gyeonggi-do 경기도	Galilea 갈릴레아	Phòng 209 tầng 2 Boseongsangga, số 48 Raseong-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do 경기도 안산시 단원구 라성로 48 보성상가 2층 209호	 031-494-8411
Gyeonggi-do 경기도	EXODUS, Guri 구리 EXODUS	Số 18 Cheyukgwon-ro 153beon-gil, Guri-si, Gyeonggi-do 경기도 구리시 체육관로 153번 길 18	 031-566-1142












Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Người dân nhập cư, Kimpo 김포이주민센터	Tầng 2, số 29 Yanggok 1-ro 40beon-gil, Yangchon-eup, Kimpo-si, Gyeonggi-do 경기도 김포시 양촌읍 양곡1로 40번길 29 2층	 031-982-7661
Gyeonggi-do 경기도	Solmoru – cuộc sống nhập cư 솔모루 이주한살	Số 10-6, Songwoo-ro 30beon-gil, Soheul-eup, Pocheon-si, Gyeonggi-do 경기도 포천시 소흘읍 송우로30번길 10-6	 031-543-5796
Gyeonggi-do 경기도	Hiệp hội Mục vụ di cư, giáo xứ Suwon 수원교구 이주사목위원회	Tầng 2 Hội quán mục vụ di cư, số 47-36 Dongmal-ro 77 beon-gil, Paldal-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do 경기도 수원시 팔달구 동말로77번길47-36 이주사목회관2층	 070-4047-473
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Tâm nhìn – đa văn hóa Seungri 승리다문화비전센터	Số 486-28 Song-san-ro, Deokyi-dong, Ilsanseo-gu, Goyang-si, Gyeonggi-do 경기도 고양시 일산서구 덕이동 송산로 486-28	 031-931-2061
Gyeonggi-do 경기도	Trung tâm Phúc lợi cho người nước ngoài thành phố Siheung 시흥시외국인복지센터	Phòng 804, số 53na Gongdan 1 dae-ro 259beon-gil, Siheung-si, Gyeonggi-do 경기도 시흥시 공단1대로259번길 5 3나804호	 031-434-0411
Gyeonggi-do 경기도	Những người bạn của châu Á 아시아의친구들	Tầng 1, số 9 Ilsan-ro 725beon-gil, Ilsanseo-gu, Goyang-si, Gyeonggi-do 경기도 고양시 일산서구 일산로 725번길 9, 1층	 031-921-7880
Gyeonggi-do 경기도	Ngôi nhà của những lao động người nước ngoài, Ansan 안산외국인노동자의집	Tầng 3, số 65 Hwangrang-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do 경기도 안산시 단원구 화랑로 65, 3층	 031-495-2288

<p>Gyeonggi-do 경기도</p>	<p>Trung tâm Người dân nhập cư, Ansan 안산이주민센터</p>	<p>Số 42 Damunhwa 1-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do 경기도 안산시 단원구 다문화1길 42</p>	<p> 031-492-8786</p>
<p>Gyeonggi-do 경기도</p>	<p>Trung tâm Người lao động nhập cư, Osan 오산이주노동자센터</p>	<p>Số 38 Seonghodaero-ro 50beon-gil, Osan-si, Gyeonggi-do 경기도 오산시 성호대로50번길 38</p>	<p> 031-376-8289</p>
<p>Gyeonggi-do 경기도</p>	<p>Trung tâm Người dân nhập cư - Cảnh cửa châu Á 이주민센터 아시아의 창</p>	<p>Tầng 3, số 578 Gunpo-ro, Gunpo-si, Gyeonggi-do 경기도 군포시 군포로 578, 3층</p>	<p> 031-443-2876</p>
<p>Gyeonggi-do 경기도</p>	<p>Tổ chức Xã hội đoàn kết người dân nhập cư 이주민시민연대 사회적협동조합</p>	<p>Phòng 3021, Chợ tổng hợp Ansan Jeil, số 14 Seonyi-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do 경기도 안산시 단원구 선이로14, 안산제일종합시장 3021호</p>	<p> 031-403-0631</p>
<p>Gyeonggi-do 경기도</p>	<p>EXODUS, Paju 파주 EXODUS</p>	<p>Số 79-39 Songbimal-gil, Jori-eup, Paju-si, Gyeonggi-do 경기도 파주시 조리읍 송비말길 79-39</p>	<p> 031-948-8105</p>
<p>Gyeonggi-do 경기도</p>	<p>Trung tâm Hỗ trợ người nước ngoài tại Hanam 하남외국인지원센터</p>	<p>Tầng 2, Sinjang-ro 195-gil, Hanam-si, Gyeonggi-do 경기도 하남시 신장로 195길 2층</p>	<p> 031-791-5372</p>
<p>Gyeonggi-do 경기도</p>	<p>Trung tâm Phúc lợi cho người nước ngoài tại thành phố Hwaseong 화성시외국인복지센터</p>	<p>Số 92-23 Balangongdan-ro, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do 경기도 화성시 향남읍 발안공단로 92-23</p>	<p> 031-8059-261</p>
<p>Incheon 인천광역시</p>	<p>Trung tâm Văn hóa dành cho người dân nhập cư Caritas 까리따스 이주민문화센터</p>	<p>Tầng 3, số 6 Biryudae-ro 433beon-gil, Yeonsu-gu, Incheon 인천광역시 연수구 비류대로 433번길 6, 3층</p>	<p> 032-427-7275</p>

Incheon 인천광역시	Trung tâm Tư vấn dành cho người lao động nước ngoài, giáo xứ Incheon 인천교구외국인노동자상담소	Tầng 3 Trung tâm mục vụ xã hội Công giáo, số 2 Woohyun-ro 50beon-gil (Dap-dong), Jung-gu, Incheon 인천광역시 중구 우현로 50번길 2(답동) 가톨릭사회사목센터 3층	 032-764-1094
Incheon 인천광역시	Trung tâm Nhân quyền cho người dân nhập cư Hàn Quốc 한국이주민권센터	Tầng 2, số 235 Cheongnyang-ro, Yeonsu-gu, Incheon 인천광역시 연수구 청량로 235, 2층	 032-576-8114
Chungcheongnam-do 충청남도	Trung tâm Người dân nhập cư Hongseong 홍성이주민센터	Tầng 2, số 144 Hongseongcheon-gil, Hongseong-eup, Hongseong-gun, Chungcheongnam-do 충청남도 홍성군 홍성읍 홍성천길 144, 2층	 070-4150-722
Gwangju 광주광역시	Trung tâm Hỗ trợ người dân nhập cư Gwangju 광주이주민지원센터	Số 57-1 Gwangsan-ro, Gwangsan-gu, Gwangju 광주광역시 광산구 광산로 57-1	 062-959-9335
Jeollanam-do 전라남도	Trung tâm Hỗ trợ người dân nhập cư Mokpo 목포이주민지원센터	Phòng 302 Hội quán văn hóa Công giáo, số 325 Yeongsan-ro, Mokpo-si, Jeollanam-do 전라남도 목포시 영산로 325 가톨릭문화회관 302호	 061-272-0801
Yeosu, Jeollanam-do 전라남도	Trung tâm Hỗ trợ người dân nhập cư Yeosu 여수이주민지원센터	Số 799-1 Sinwol-ro (Giáo đường Seogyodong), Yeosu-si, Jeollanam-do 전라남도 여수시 신월로799-1(서교동성당)	 061-644-1003
Jeju-do 제주특별시	Trung tâm Mục vụ di cư Công giáo, giáo xứ Jeju 천주교제주교구이주사목센터	Tầng 1, số 18 Jungang-ro 12-gil, Jeju 제주특별시 중양로 12길 18, 1층	 064-725-9199

8.6) Cơ quan/tổ chức tư vấn sức khỏe tinh thần tại Việt Nam

8.6) 베트남 현지 정신건강 상담기관

Cơ quan/ tổ chức 기관명	Thông tin liên hệ 연락처	Website/Facebook 홈페이지/페이스북
Văn phòng hỗ trợ phụ nữ di cư hồi hương (One-Stop Service Office - OSSO)	 (+84) 1800-599-967  osso@vwu.vn	Facebook 페이스북 
Tổ chức Hagar International	 Điện thoại/Zalo (24/7) 전화번호/ZALO 번호 (24/7) (+84) 943-111-967 Điện thoại văn phòng tại Việt Nam 베트남 사무실 전화번호 (+84) 24-3728-2342  Email 이메일 주소 infor@hagarinternational.org	Website 홈페이지  Facebook 페이스북 
Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về giới - gia đình - phụ nữ và vị thành niên	 (+84) 24-3333-5599 (+84) 941-409-119  csaga@csaga.org.vn	Website 홈페이지  Facebook 페이스북 
Healthy Mind	Bạn có thể gửi mail tới địa chỉ email bên dưới hoặc đặt câu hỏi trực tuyến thông qua đường link bên dưới 아래 메일 주소로 메일을 보내거나 아래 링크를 통해 온라인 문의 가능	Website 홈페이지  Facebook 페이스북 

Healthy Mind	 Email 이메일주소 Hi@psytechlab.com, hi.healthymind@gmail.com Đặt câu hỏi trực tuyến trên website 홈페이지 온라인 문의 가능	
Danh bạ, địa chỉ cơ quan, tổ chức hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực, xâm hại	QR code: PDF	

8.7) Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa

다문화가족지원센터

Khu vực 지역	Trung Tâm 센터	Điện thoại 번호
Pohang-si 포항시	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa thành phố Pohang 포항시다문화가족지원센터	 054-270-5556
Gyeongju-si 경주시	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa thành phố Gyeongju 경주시다문화가족지원센터	 054-743-0770
Gimjeon-si 김천시	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa thành phố Gimjeon 김천시다문화가족지원센터	054-439-8280
Andong-si 안동시	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa thành phố Andong 안동시다문화가족지원센터	 054-853-3111
Gumi-si 구미시	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa thành phố Gumi 구미시다문화가족지원센터	 054-464-0545
Yeongju-si 영주시	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa thành phố Yeongju 영주시다문화가족지원센터	 054-634-5431
Yeongcheon-si 영천시	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa thành phố Yeongcheon 영천시다문화가족지원센터	 054-334-2882
Sangju-si 상주시	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa thành phố Sangju 상주시다문화가족지원센터	 054-535-1341
Munyeong-si 문경시	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa thành phố Munyeong 문경시다문화가족지원센터	 054-554-5591
Gyeongsan-si 경산시	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa thành phố Gyeongsan 경산시다문화가족지원센터	 053-816-4071
Gunwi-gun 군위군	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa quận Gunwi 군위군다문화가족지원센터	 054-383-2511

Euiseong-gun 의성군	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa quận Euiseong 의성군다문화가족지원센터	 054-832-5440
Cheong-song-gun 청송군	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa quận Cheongsong 청송군다문화가족지원센터	 054-872-4320
Yeong-yang-gun 영양군	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa quận Yeongyang 영양군다문화가족지원센터	 054-683-5432
Yeong-deok-gun 영덕군	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa quận Yeongdeok 영덕군다문화가족지원센터	 054-730-6212
Cheongdo-gun 청도군	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa quận Cheongdo 청도군다문화가족지원센터	 054-373-8131
Seongju-gun 성주군	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa quận Seongju 성주군다문화가족지원센터	 054-931-0537
Chilgok-gun 칠곡군	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa quận Chilgok 칠곡군다문화가족지원센터	 054-975-0833
Yecheon-gun 예천군	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa quận Yecheon 예천군다문화가족지원센터	 054-654-4321
Bonghwa-gun 봉화군	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa quận Bonghwa 예천군다문화가족지원센터	 054-673-9023
Goryeong-gun 고령군	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa quận Goryeong 고령군다문화가족지원센터	 054-956-6336
Uljin-gun 울진군	Trung tâm Hỗ trợ gia đình đa văn hóa quận Uljin 울진군다문화가족지원센터	 054-789-5414

Để tìm kiếm thông tin về các [Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa](#) gần nơi bạn sinh sống, hãy truy cập Cổng thông tin điện tử hỗ trợ gia đình đa văn hóa Danuri

[다누리 다문화가족지원포털에서 가까운 다문화가족지원센터를 검색해보세요](#)



[Tiếng Hàn 한국어](#)










[Tiếng Việt 베트남어](#)



8.8) Trang web hỗ trợ đa ngôn ngữ

다국어지원웹사이트

Trang web 웹사이트명	Link Website 웹사이트 링크	Đơn vị quản lý 관리기관	Chức năng 기능
<p><u>Danuri (Cổng thông tin điện tử hỗ trợ các gia đình đa văn hóa)</u> 다누리 (다문화가족 지원 포털)</p>		<p>Cơ quan xúc tiến vì gia đình khỏe mạnh Hàn Quốc 한국건강 가정진흥원</p>	<p>Cung cấp thông tin về sinh hoạt và học tập tại Hàn Quốc, thông tin về trung tâm, phòng tư vấn, phòng tư liệu, thông tin đa văn hóa, quản lý trang web, hỗ trợ phiên dịch và tư vấn bằng tiếng mẹ đẻ cho những phụ nữ kết hôn di cư phải đối mặt với tình huống khẩn cấp như bạo lực gia đình, bạo lực tình dục, mua bán dâm, v.v.</p> <p>한국생활정보, 학습정보, 센터정보, 상담실, 자료실, 다문화소식, 웹진 운영, 가정폭력·성폭력·성매매 등 긴급한 상황에 처한 폭력 피해 이주여성에게 자국어 상담 및 통역 지원</p>
<p><u>Hi Korea (Cổng thông tin điện tử chính phủ dành cho người nước ngoài)</u> 하이 코리아 (외국인 대상 전자 정부 포털)</p>		<p>Bộ Tư pháp 법무부</p>	<p>Cung cấp dịch vụ dân sự online, hướng dẫn xuất nhập cảnh, tuyển dụng, tìm việc, đầu tư, tiện ích sinh hoạt, cung cấp dịch vụ tư vấn, hồ sơ dân sự</p> <p>온라인 민원 서비스, 출입국, 고용, 취업, 투자 안내, 생활편의, 상담 서비스, 민원서류 제공</p>
<p><u>Dự án đa văn hóa</u> 다문화 꾸러미</p>		<p>Bảo tàng dân tộc quốc gia 국립민속박물관</p>	<p>Giới thiệu văn hóa các quốc gia 나라별 문화 소개</p>


<p>Thông tin về luật cho sinh hoạt 찾기 쉬운 생활법령정보</p>		<p>Vụ Pháp chế 법제처</p>	<p>Cung cấp thông tin pháp luật cần thiết, dễ hiểu bằng 12 ngôn ngữ cho người nước ngoài khi sinh sống tại Hàn Quốc như thông tin liên quan tới kết hôn di cư, visa - hộ chiếu, bảo hiểm tai nạn lao động, lao động người nước ngoài, giấy phép lái xe, thuê mượn nhà, giao dịch tiền bạc, v.v. 결혼이민자, 비자·여권, 산업재해보험, 외국인근로자, 운전면허, 이사 주택임대차, 금전거래 등 외국인이 우리나라에서 생활하는 데 필요한 법령정보를 12개 언어로 알기 쉽게 제공</p>
<p>Korea.net</p>		<p>Viện Tuyên truyền văn hóa 해외문화홍보원</p>	<p>Cung cấp tin tức về Hàn Quốc và thông tin về kinh tế, lịch sử, văn hóa, du lịch 대한민국 뉴스, 경제, 역사, 문화, 관광정보 제공</p>
<p>Chính phủ 24 정부24</p>		<p>Bộ Hành chính và an toàn 행정안전부</p>	<p>Cấp trực tuyến các loại giấy tờ được Chính phủ Hàn Quốc ban hành, hướng dẫn tổng hợp các dịch vụ của Chính phủ dành cho lao động người nước ngoài, người kết hôn di cư, du học sinh 대한민국 정부에서 제공하는 각종 증명서 온라인 발급, 외국인 근로자, 결혼이민자 유학생을 위한 정부서비스 종합 안내</p>
<p>Visit Korea</p>		<p>Tổng cục du lịch Hàn Quốc 한국관광공사</p>	<p>Cung cấp thông tin về du lịch Hàn Quốc, các lễ hội, quán ăn, nhà nghỉ 한국의 여행 및 축제, 음식점, 숙박 등 정보</p>

<p>Durian 두리안</p>		<p>EBS</p>	<p>Cung cấp các chương trình giáo dục về tiếng Hàn, văn hóa Hàn Quốc và các chương trình có nội dung đa văn hóa EBS cho người nước ngoài 한국어, 한국문화를 배울 수 있는 교육 프로그램 및 EBS 다문화 콘텐츠 제공</p>
<p>Trung tâm Sejong Nuri 누리세종학당</p>		<p>Học viện King Sejong 세종학당재단</p>	<p>Cung cấp dịch vụ học tiếng Hàn, văn hóa Hàn Quốc trực tuyến 한국어, 한국문화 온라인 학습 사이트</p>
<p>Tổng công ty Bảo hiểm sức khỏe quốc gia 국민건강보험공단</p>		<p>Tổng công ty Bảo hiểm sức khỏe quốc gia 국민건강보험공단</p>	<p>Giới thiệu và cung cấp thông tin về các chế độ và hỗ trợ của bảo hiểm sức khỏe 건강보험제도 및 혜택에 대한 소개와 정보 제공</p>
<p>KBS World Radio</p>		<p>KBS</p>	<p>Cung cấp tin tức đa ngôn ngữ, tin văn, giới thiệu các chương trình giải trí, v.v. 다국어 뉴스, 시사교양, 연예오락 프로그램 소개 등</p>
<p>Hanwooltari, Seoul 서울시 한울타리</p>		<p>Thành phố Seoul 서울특별시</p>	<p>Cung cấp thông tin về các chương trình hỗ trợ gia đình đa văn hóa của Seoul, cộng đồng, dạy tiếng Hàn, tìm việc làm, dạy nghề, giao thông công cộng. 서울특별시 다문화가족 지원 프로그램, 커뮤니티, 한국어교육, 취업, 직업 훈련, 대중교통 정보 제공</p>
<p>Global Center Seoul 서울시 글로벌센터</p>		<p>Trung tâm một cửa chuyên dành cho người nước ngoài được quản lý và vận hành bởi thành phố Seoul, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ sinh hoạt dành cho người nước ngoài, tư vấn các vấn đề liên quan tới thuế và các loại giấy phép cấp cho người nước ngoài, v.v. 서울특별시 외국인 전용 민원센터, 외국인 대상 생활 지원서비스, 외국인 면허발급 및 세무 상담 등 제공</p>	

<p>Trung tâm hỗ trợ đa văn hóa Ansan 안산시 다문화지원본부</p>		<p>Ansan-si, Gyeonggi-do 경기도 안산시</p>	<p>Trung tâm tư vấn dành cho người nước ngoài tại Ansan, giới thiệu các dự án hỗ trợ gia đình đa văn hóa, quản lý trang web hỗ trợ 8 ngôn ngữ, dạy tiếng Hàn, cung cấp dịch vụ phiên dịch, tư vấn, cung cấp thông tin sinh hoạt và y tế.</p> <p>안산시 외국인 주민센터 및 다문화가족지원사업 소개, 8개 언어 웹진, 한국어 교육, 통역, 상담지원, 의료 및 법률 생활정보 등 제공</p>
<p>Chungnam dawoolim 충남다올림</p>		<p>Chungcheongnam-do 충청남도</p>	<p>Cung cấp các thông tin cần thiết cho sinh hoạt tại Chungnam và cư trú tại Hàn Quốc (thông tin về trung tâm, hướng dẫn sinh hoạt tại Hàn Quốc, giới thiệu văn hóa các nước, các từ thường dùng trong sinh hoạt hàng ngày)</p> <p>한국 체류 및 충남 생활에 필요한 정보 제공 (센터소식, 한국생활가이드, 나라별 문화소개, 일상생활 용어)</p>
<p>Cơ quan quản lý lương hưu quốc gia 국민연금공단</p>		<p>Cơ quan quản lý lương hưu quốc gia 국민연금공단</p>	<p>Cung cấp thông tin về quỹ lương hưu quốc gia như cách thức khai báo và tham gia quỹ lương hưu quốc gia, phương pháp đóng bảo hiểm</p> <p>국민연금 가입 및 신고, 보험료 납부 방법 등 국민연금 관련 정보 제공</p>
<p>Đài truyền hình dành cho người di cư 이주민 방송</p>		<p>Đài truyền hình dành cho người di cư MNTV 이주민 방송 MNTV</p>	<p>Cung cấp tin tức đa ngôn ngữ, tiếng Hàn sinh hoạt</p> <p>다국어 뉴스, 생활한국어</p>

8.9) Ứng dụng điện thoại hỗ trợ đa ngôn ngữ

다국어 지원 모바일 앱

Tên ứng dụng 모바일명	Cơ quan quản lý 운영기관명	Nội dung 내용	Nền tảng cung cấp 제공서비스
Danuri 다누리	Cơ quan xúc tiến vì gia đình khỏe mạnh Hàn Quốc 한국건강가정진흥원	Cung cấp sách hướng dẫn sinh hoạt tại Hàn Quốc, thông tin về Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa trên toàn quốc, số điện thoại liên lạc khẩn cấp 한국생활 가이드북, 전국다문화가족지원센터 정보, 긴급연락처 안내	Android 안드로이드
ZONE	Bộ Tư pháp, Trung tâm chính sách xuất nhập cảnh và người nước ngoài 법무부출입국외국인정책본부	Cung cấp tạp chí do Bộ Tư pháp, Trung tâm chính sách xuất nhập cảnh và người nước ngoài phát hành. 법무부 출입국외국인정책본부가 발간하는 소통매거진 제공	Android 안드로이드
Easylaw 찾기 쉬운 생활법령정보	Vụ Pháp chế 법제처	Cung cấp thông tin pháp luật cần thiết, dễ hiểu bằng 12 ngôn ngữ cho người nước ngoài khi sinh hoạt tại Hàn Quốc như kết hôn di cư, visa - hộ chiếu, bảo hiểm tai nạn lao động, lao động người nước ngoài, giấy phép lái xe, thuê mượn nhà, giao dịch tiền bạc, v.v. 결혼이민자, 비자·여권, 산업재해보험, 외국인근로자, 운전면허, 이사 주택임대차, 금전거래 등 외국인이 우리나라에서 생활하는 데 필요한 법령정보를 12개 언어로 알기 쉽게 제공	

<p>My Seoul</p>	<p>Seoul 서울특별시</p>	<p>Cung cấp các thông tin hành chính dành cho người nước ngoài di cư, gia đình đa văn hóa, thông tin tìm việc làm, thông tin học tập tiếng Hàn, trò chuyện đa ngôn ngữ, gọi điện quốc tế, gọi điện sinh hoạt, tính toán tiền lương, thông tin về tổng đài Dasan. 외국인주민, 다문화가족을 위한 행정정보, 취업정보, 한국어 학습 정보, 다국어 채팅, 국제전화, 생활 전화, 급여계산, 다산콜센터 정보.</p>	<p>Android 안드로이드</p>
<p>Multicultural Happy Sketch 다문화 행복스케치</p>	<p>Busan 부산광역시</p>	<p>Cung cấp thông tin sinh hoạt tại Hàn Quốc, thông tin học tập tiếng Hàn, thông tin tìm việc làm, tư vấn, giới thiệu các chương trình và lịch trình, thông tin về Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa Busan và Global Center. 한국생활 정보, 한국어 학습정보, 취업정보, 상담정보, 프로그램 소개 및 일정, 부산시 다문화가족 지원센터·글로벌센터 정보.</p>	<p>Android 안드로이드</p>
<p>KBS World Radio</p>	<p>KBS</p>	<p>Cung cấp tin tức bằng 11 ngôn ngữ, thời sự, giải trí, tin tức bằng chữ và hình ảnh về các chương trình liên quan đến Hàn Quốc. 11개 언어의 뉴스, 시사, 엔터테인먼트, 기타 한국 관련 프로그램의 텍스트 및 동영상 제공.</p>	<p>Android 안드로이드</p>
<p>Emergency Ready APP 이머전시 레디앱</p>	<p>Bộ Hành chính và an toàn 행정안전부</p>	<p>Cung cấp thông tin an toàn tai nạn cho người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc. 국내 거주 외국인을 위한 재난안전정보 서비스.</p>	